UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRẦN THỊ NGỌC CHÂU – TRẦN THỊ KIM NHUNG (đồng Tổng Chủ biên)
LƯU THANH TÚ – NGUYỄN THỊ HIỀN (đồng Chủ biên)
NGUYỄN HỮU BÁCH – NGUYỄN VĂN BÌNH – TRẦN VĂN CHUNG
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG – NGUYỄN HỮU HÀO – PHẠM THỊ BẠCH TUYẾT – BÙI THỊ XUYẾN

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH
BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Lớp 8

CÁC KÍ HIỆU DÙNG TRONG TÀI LIỆU

MỤC TIÊU	Những kiến thức, phẩm chất, năng lực và thái độ mà các em cần đạt được sau mỗi chủ đề hoặc bài học.
KHỞI ĐỘNG	Tạo được tình huống mâu thuẫn trong tư duy và sự hứng thú trong tìm hiểu kiến thức mới.
KHÁM PHÁ	Giúp các em tự chiếm lĩnh những kiến thức thông qua các chuỗi hoạt động dạy học và giáo dục.
LUYỆN TẬP	Giúp các em tập làm và hiểu rõ hơn những điều vừa khám phá được.
VẬN DỤNG	Giúp các em vận dụng những nội dung đã học vào thực tiễn.

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Tiếp nối *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lớp 7*, Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tổ chức biên soạn ***Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lớp 8*** nhằm giúp các em tiếp tục tìm hiểu, trải nghiệm, khám phá những vẻ đẹp; những vấn đề về kinh tế, văn hoá;… của địa phương Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nội dung tài liệu bao gồm 6 chủ đề, gắn với các đặc trưng về địa lí, lịch sử, văn học nghệ thuật,… của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và đảm bảo tính kế thừa các nội dung của *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lớp 7*. Các chủ đề vẫn được thiết kế theo các hoạt động Khởi động, Khám phá, Luyện tập và Vận dụng nhằm tạo điều kiện giúp các em phát huy được tính tích cực trong quá trình học tập, đồng thời hỗ trợ các em phát triển năng lực tự học của bản thân.

Chúng tôi hi vọng rằng, ***Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lớp 8*** sẽ đồng hành cùng các em học sinh trên con đường chinh phục tri thức, rèn luyện các kĩ năng, bồi dưỡng tình yêu quê hương và tiếp tục mang đến cho các em những trải nghiệm thú vị và bổ ích.

CÁC TÁC GIẢ

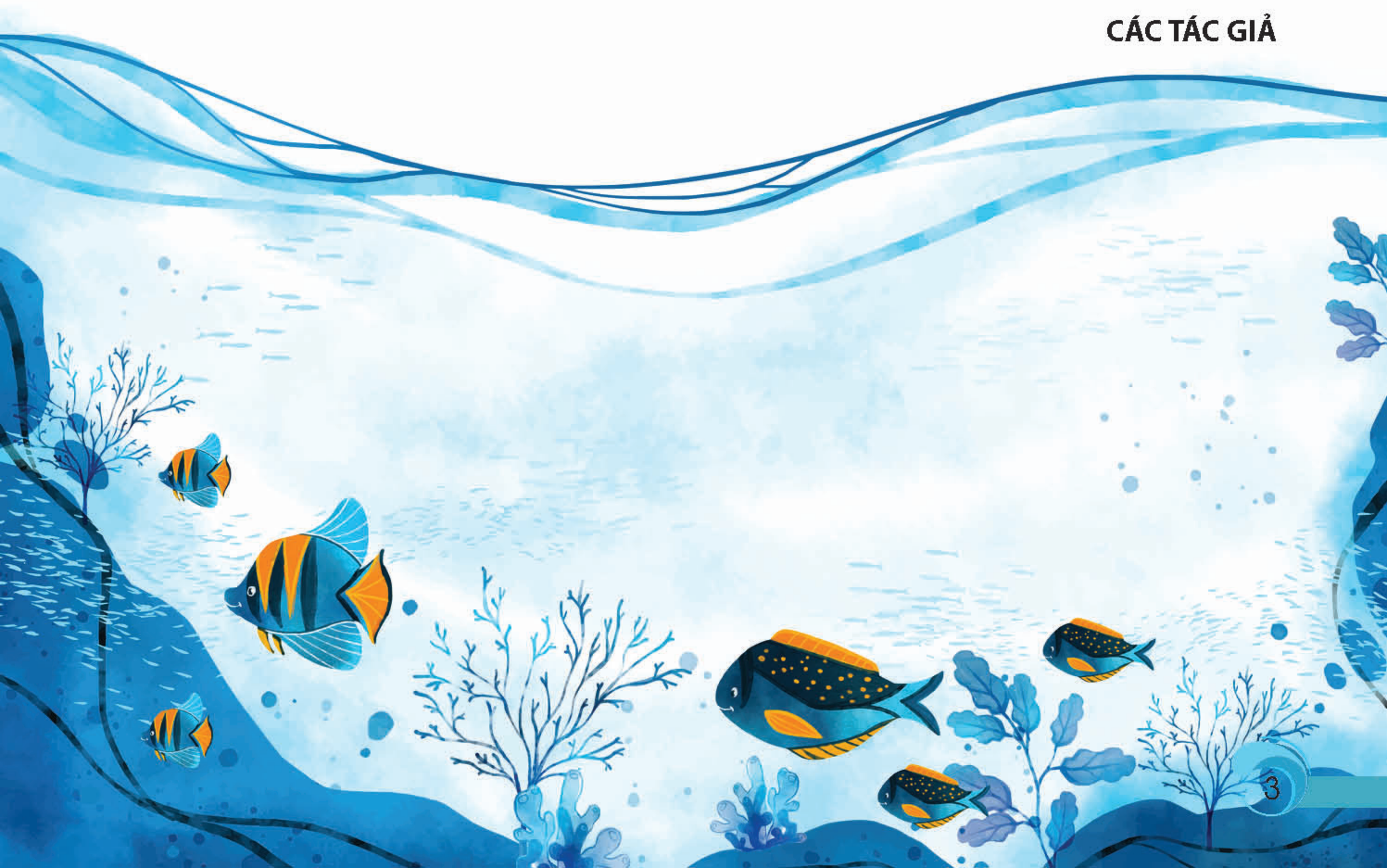

MỤC LỤC

Các kí hiệu dùng trong tài liệu 2

Lời nói đầu 3

Chủ đề 1

ĐỊA LÍ DÂN CƯ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU 5

Chủ đề 2

LỊCH SỬ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU TỪ THẾ KỈ XVII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX 6

Chủ đề 3

NGÔN NGỮ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU 32

Chủ đề 4

MỘT SỐ NHẠC SĨ TIÊU BIỂU TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU 39

Chủ đề 5

CHÂN DUNG MỘT SỐ HOẠ SĨ, NGHỆ NHÂN CỦA TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU 50

Chủ đề 6

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN TỈNH BÀ RIA – VŨNG TÀU 58

Bảng thuật ngữ 76

Chủ đề 1 ĐỊA LÍ DÂN CƯ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

MỤC TIÊU

– Trình bày được đặc điểm của quy mô, gia tăng dân số và cơ cấu dân số tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

– Trình bày được tình hình phân bố dân cư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

– Phân tích được ảnh hưởng của sự phân bố dân cư đến phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

– Nêu được các đặc điểm về lao động, việc làm ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

KHỞI ĐỘNG

Dân cư được xem là một trong những nguồn lực quan trọng hàng đầu để phát triển kinh tế – xã hội. Vậy, ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, dân cư có những đặc điểm nổi bật nào và ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của địa phương?

KHÁM PHÁ

I. QUY MÔ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ

1. Quy mô dân số

Dựa vào bảng 1.1, hình 1.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Cho biết quy mô dân số của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, năm 2021.

– Nhận xét sự thay đổi quy mô dân số của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giai đoạn 2011 – 2021.

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có quy mô dân số vào loại trung bình so với cả nước. Năm 2021, số dân của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là 1 176 078 người, chiếm khoảng 6,4% số dân vùng Đông Nam Bộ và 1,2% số dân của cả nước.

Những địa phương có quy mô dân số lớn là thành phố Vũng Tàu, thị xã Phú Mỹ, huyện Châu Đức, huyện Xuyên Mộc, huyện Long Điền. Huyện Côn Đảo là địa phương có quy mô dân số nhỏ nhất, chiếm khoảng 0,83% số dân toàn tỉnh.

Bảng 1.1. Diện tích và số dân của các đơn vị hành chính tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, năm 2021

Đơn vị hành chính	Diện tích (km^2)	Số dân (người)
Thành phố Vũng Tàu	150,90	364 090
Thành phố Bà Rịa	91,04	114 116
Thị xã Phú Mỹ	333,02	183 445
Huyện Châu Đức	424,60	148 589
Huyện Xuyên Mộc	639,80	142 485
Huyện Long Điền	77,67	138 397
Huyện Đất Đỏ	189,74	75 148
Huyện Côn Đảo	75,79	9 808
Toàn tỉnh	**1 982,56**	**1 176 078**

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, NXB Thống kê, năm 2022)

Quy mô dân số tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tăng đều trong giai đoạn 2011 – 2021, trung bình mỗi năm tăng thêm khoảng hơn 13 000 người. Đây là nguồn cung cấp lực lượng lao động dồi dào, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh.

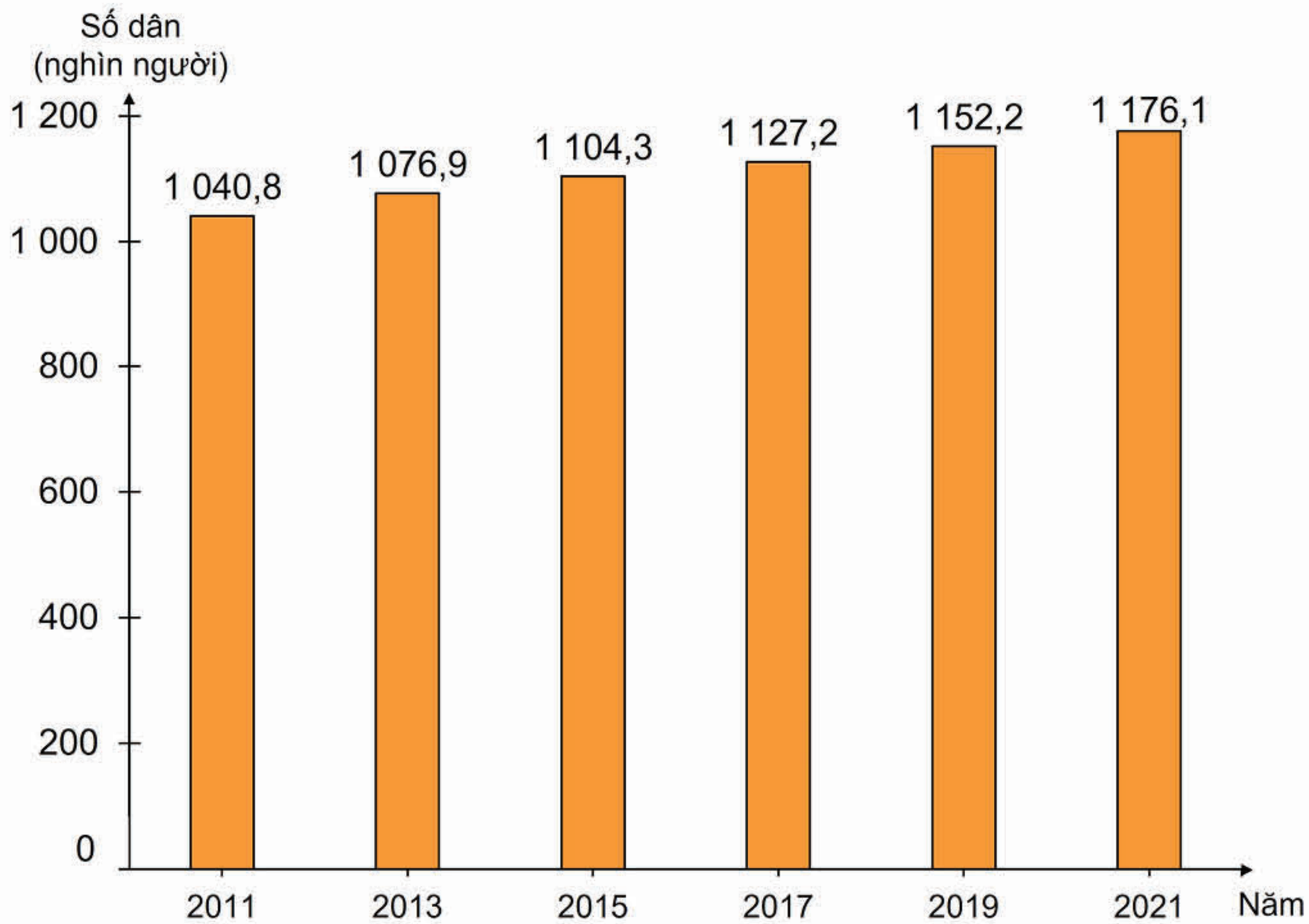

Hình 1.1. Quy mô dân số tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giai đoạn 2011 – 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, NXB Thống kê, năm 2022)

2. Gia tăng dân số

Dựa vào hình 1.2 và thông tin trong bài, em hãy:

– Nhận xét tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giai đoạn 2011 – 2021.

– Trình bày đặc điểm gia tăng dân số của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong giai đoạn 2011 – 2021, tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có xu hướng giảm: tỉ suất sinh thô giảm từ 15,2‰ (năm 2011) xuống còn 13,9‰ (năm 2021), tỉ suất tử thô giảm từ 6,3‰ (năm 2011) xuống 5,4‰ (năm 2021). Tuy nhiên, trong từng năm lại có sự biến động, dẫn đến tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không ổn định. Năm 2021, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của tỉnh là 0,85%, thấp hơn so với mức bình quân cả nước (0,93%).

Mức sinh của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đang có xu hướng giảm. Hiện nay, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc nhóm các địa phương có mức sinh thấp cả nước. Tổng tỉ suất sinh của tỉnh là 1,87 con/phụ nữ (năm 2021).

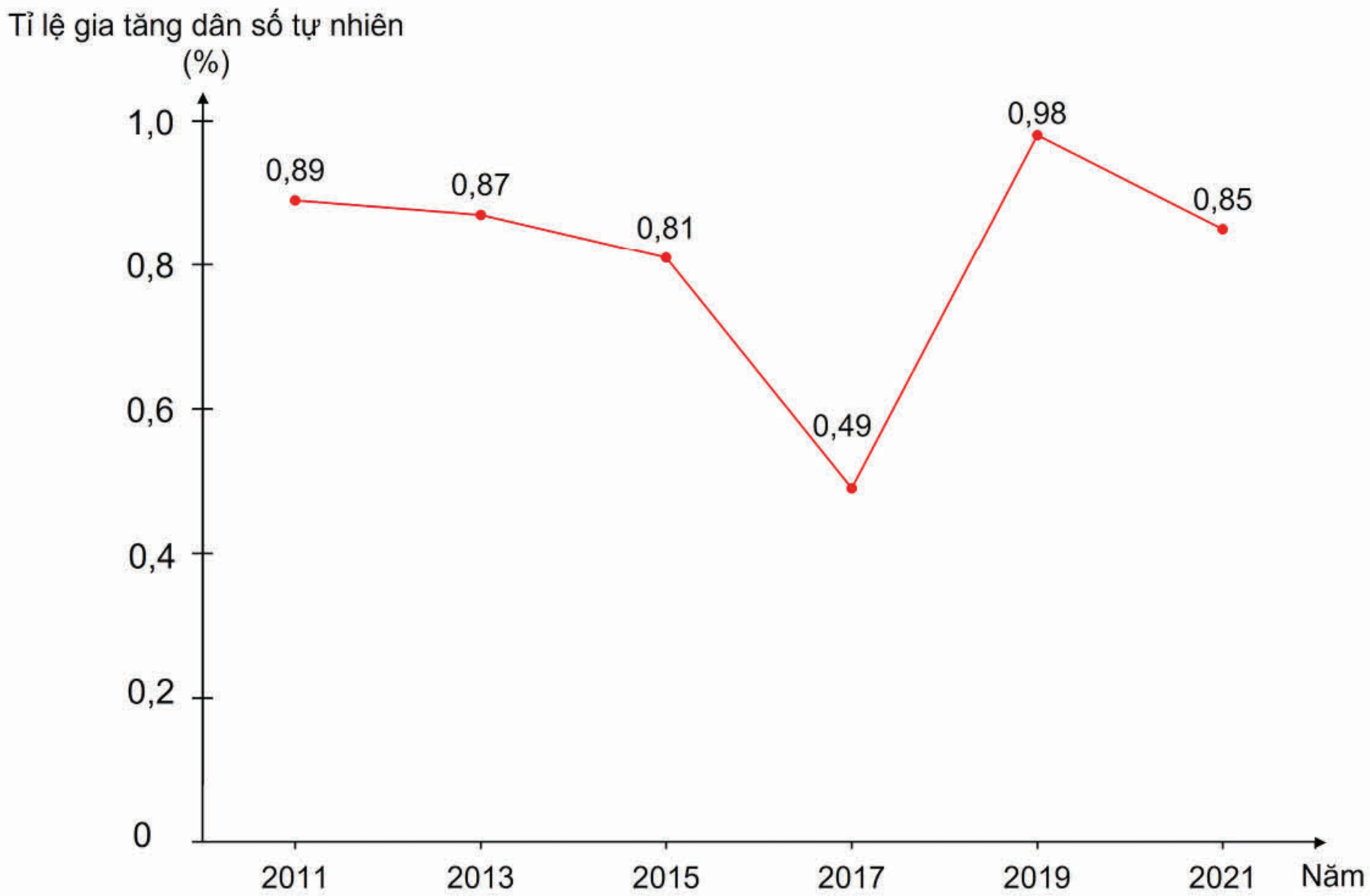

Hình 1.2. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giai đoạn 2011 – 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, NXB Thống kê, năm 2022)

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là một trong những địa phương có mức tăng dân số cơ học vào loại cao so với cả nước, góp phần cung cấp nguồn lao động đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, tuy nhiên cũng nảy sinh một số vấn đề cần giải quyết như môi trường, an ninh trật tự xã hội, cơ sở hạ tầng,...

II. CƠ CẤU DÂN SỐ

Dựa vào hình 1.3, hình 1.4 và thông tin trong bài, em hãy trình bày đặc điểm cơ bản của cơ cấu dân số theo dân tộc, theo tuổi và theo giới tính ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1. Cơ cấu dân số theo dân tộc

Năm 2019, trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có 39 dân tộc sinh sống, trong đó chủ yếu là người Kinh (97,75% tổng số dân). Các dân tộc thiểu số khác chiếm tỉ lệ nhỏ, gồm người Hoa (0,76%), người Chơ Ro (0,7%), người Khmer (0,35%),... Nhìn chung, các dân tộc sống đoàn kết, cùng tham gia đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

2. Cơ cấu dân số theo tuổi

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có cơ cấu dân số trẻ với tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động chiếm khá cao. Tỉnh đang trong thời kì cơ cấu dân số vàng, đây là cơ hội cho tỉnh phát triển kinh tế – xã hội với nguồn lao động dồi dào.

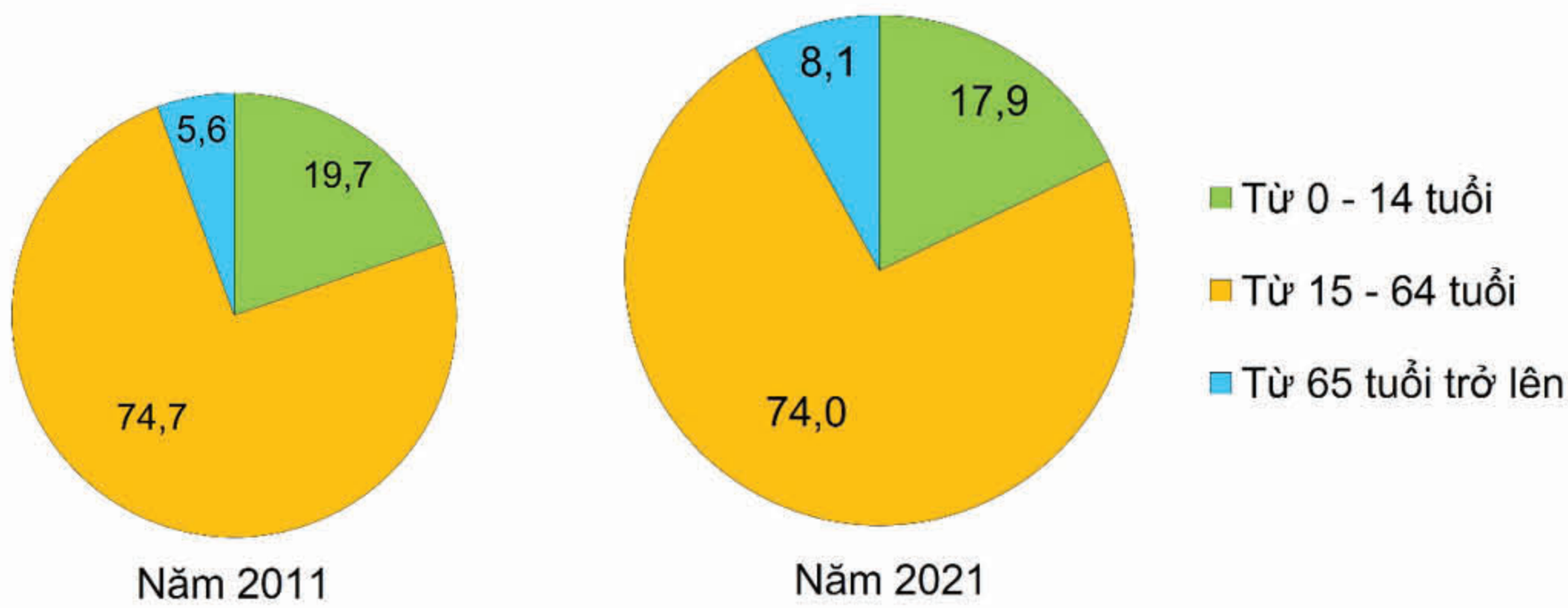

Hình 1.3. Cơ cấu dân số theo tuổi của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, năm 2011 và 2021 (Đơn vị: %)

(Nguồn: Sở Y tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Bên cạnh đó, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cũng đã bước vào giai đoạn già hoá dân số khi tỉ lệ dân số từ 0 – 14 tuổi giảm, tỉ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên có xu hướng tăng. Điều này đang đặt ra cho địa phương vấn đề tăng cường hệ thống an sinh xã hội dành cho người cao tuổi như bảo hiểm y tế, chế độ trợ cấp xã hội, chế độ chăm sóc sức khoẻ,…

3. Cơ cấu dân số theo giới tính

Năm 2021, dân số nam của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là 583 003 nghìn người, chiếm tỉ lệ 49,57%; dân số nữ là 593 075 người, chiếm tỉ lệ 50,43% số dân toàn tỉnh. Trong giai đoạn 2011 – 2021, cơ cấu dân số theo giới tính ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có biến động không đáng kể. Tỉ lệ dân số nam qua các năm thường cao hơn dân số nữ nhưng mức chênh lệch không nhiều, tạo điều kiện thuận lợi trong việc ổn định dân số, phục vụ cho phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

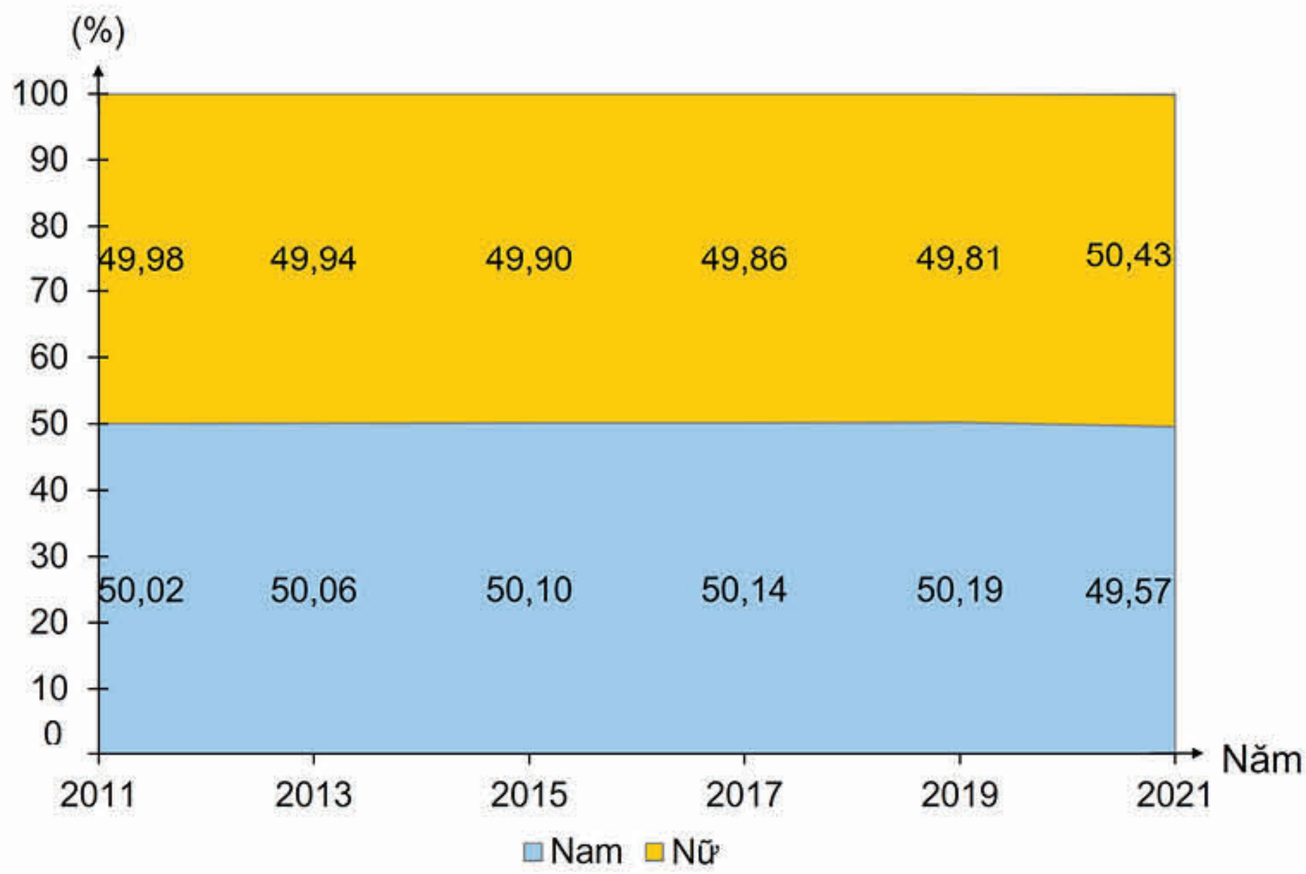

Hình 1.4. Cơ cấu dân số theo giới tính của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giai đoạn 2011 – 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, NXB Thống kê, năm 2022)

III. PHÂN BỐ DÂN CƯ

1. Phân bố dân cư

Dựa vào bảng 1.2, các hình 1.5, 1.6 và thông tin trong bài, em hãy:

– Nhận xét sự phân bố dân cư theo đơn vị hành chính và theo thành thị, nông thôn của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

– Trình bày tình hình phân bố dân cư của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bảng 1.2. Mật độ dân số của các đơn vị hành chính tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, năm 2021

Đơn vị hành chính	Mật độ dân số (người/km^2)
Thành phố Vũng Tàu	2 413
Thành phố Bà Rịa	1 254
Thị xã Phú Mỹ	551
Huyện Châu Đức	350
Huyện Long Điền	1 782
Huyện Đất Đỏ	396
Huyện Xuyên Mộc	223
Huyện Côn Đảo	129
Toàn tỉnh	**593**

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, NXB Thống kê, năm 2022)

Mật độ dân số tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là 593 người/km^2 (năm 2021). Trong đó, thành phố Vũng Tàu có mật độ dân số cao nhất (2 413 người/km^2), gấp hơn 4 lần mật độ dân số trung bình của tỉnh. Ngoài ra, dân cư tập trung đông ở huyện Long Điền, thành phố Bà Rịa với mật độ trên 1 000 người/km^2. Trong khi đó, dân cư lại phân bố thưa hơn ở các huyện Côn Đảo, Xuyên Mộc, Châu Đức, Đất Đỏ (dưới 500 người/km^2).

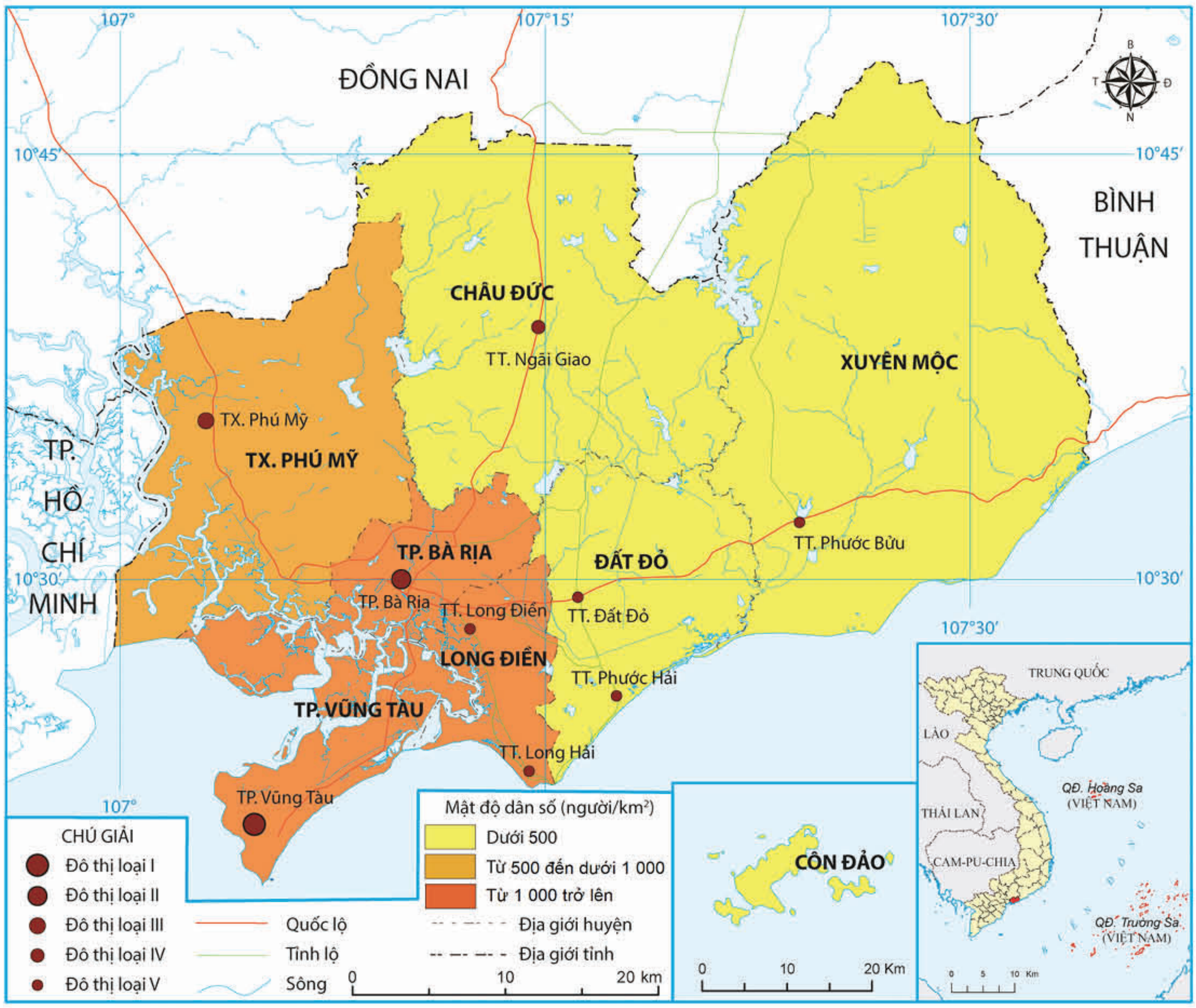

Hình 1.5. Phân bố dân cư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, năm 2021

Phân bố dân cư của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có sự biến động theo thời gian, phù hợp với quá trình gia tăng dân số của tỉnh. Trong 10 năm gần đây, mật độ dân số trung bình của tỉnh có xu hướng tăng dần, từ 513 người/km² (năm 2011) lên 593 người/km² (năm 2021).

Về phân bố dân cư giữa thành thị và nông thôn, tỉ lệ dân cư sống ở thành thị hiện nay cao hơn nông thôn. Do tác động của quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá đang diễn ra mạnh nên tỉ lệ dân thành thị tiếp tục tăng trong thời gian tới.

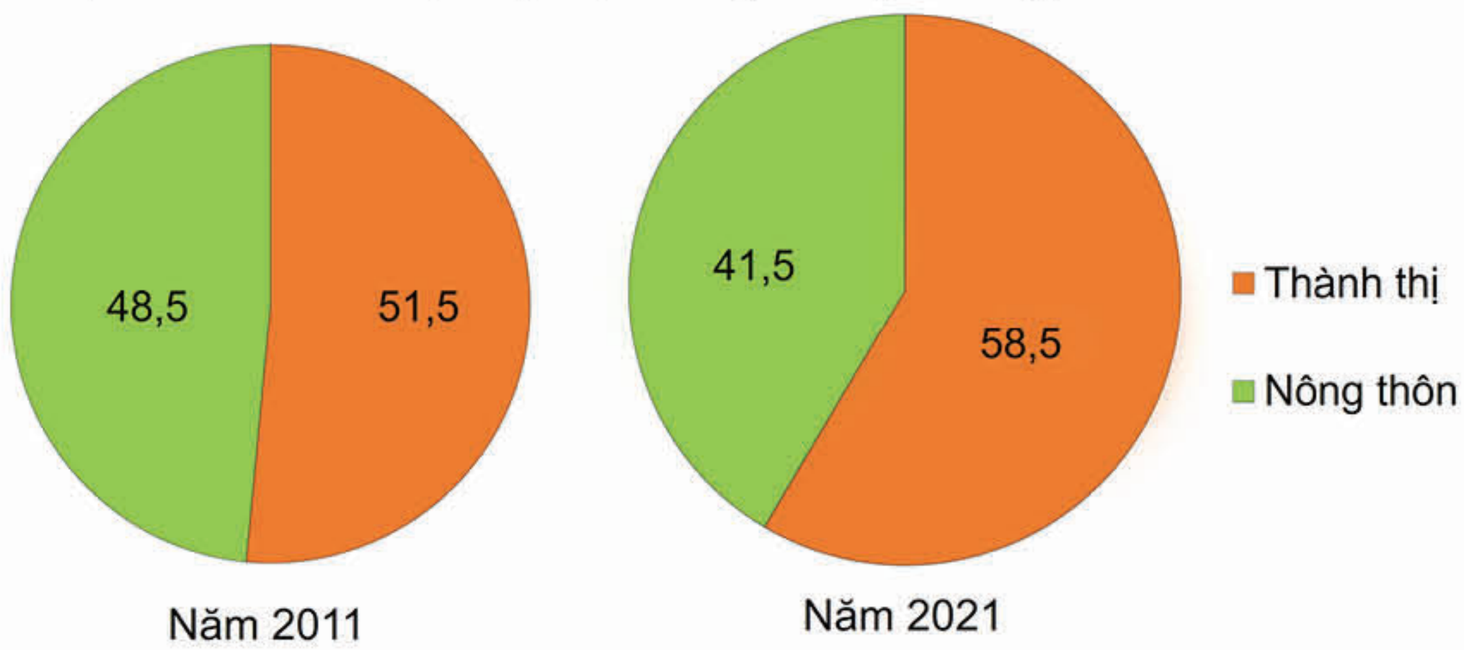

Hình 1.6. Cơ cấu dân số theo thành thị, nông thôn của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2011 và 2021 (Đơn vị: %)

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, NXB Thống kê, năm 2022)

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có nhiều dân tộc cùng sinh sống, nhưng nhìn chung các dân tộc ở đây sống xen kẽ với nhau, phân bố rộng khắp trên địa bàn tỉnh. Dân tộc thiểu số tập trung chủ yếu ở các địa bàn như huyện Châu Đức, huyện Xuyên Mộc, huyện Đất Đỏ, thị xã Phú Mỹ và thành phố Vũng Tàu. Hiện nay, toàn tỉnh có 3 xã được công nhận là vùng dân tộc thiểu số: xã Sông Xoài (thị xã Phú Mỹ), xã Đá Bạc và xã Láng Lớn (huyện Châu Đức).

Trong thời gian qua, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tăng cường đầu tư phát triển kinh tế, xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp để phát huy thế mạnh của từng địa phương, tạo việc làm cho người dân ngay tại nơi cư trú, hạn chế việc di dân về các đô thị trung tâm, nhờ đó, từng bước điều chỉnh sự phân bố dân cư hợp lí trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Ảnh hưởng của phân bố dân cư đến phát triển kinh tế – xã hội

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy trình bày ảnh hưởng của phân bố dân cư đến sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Dân cư được xem là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sự phân bố dân cư phù hợp sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, ổn định xã hội.

Hình 1.7. Một góc thành phố Vũng Tàu
(Nguồn: Đức Hợp)

Những nơi tập trung dân cư đông, nhất là các đô thị như thành phố Vũng Tàu, thành phố Bà Rịa, thị xã Phú Mỹ, thị trấn Long Điền, thị trấn Long Hải,... sẽ tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế như cung cấp nguồn lao động cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh và các khu công nghiệp trên địa bàn; là thị trường tiêu thụ lớn;... Một số đô thị lớn có số dân đông cũng là các trung tâm thương mại, du lịch, dịch vụ của tỉnh.

Tuy nhiên, việc dân cư tập trung quá đông ở các đô thị sẽ gây sức ép tới kinh tế – xã hội như nhà ở, giao thông, y tế, giáo dục, việc làm, quản lí hành chính và trật tự an ninh đô thị; các vấn đề về môi trường như chất thải sản xuất và sinh hoạt gây ô nhiễm,... Những vấn đề trên đang là mối quan tâm lớn đối với các đô thị của tỉnh, nhất là các đô thị như thành phố Vũng Tàu, thành phố Bà Rịa, thị xã Phú Mỹ.

Trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội, những địa phương tập trung dân cư ít hơn, như huyện Châu Đức, huyện Đất Đỏ, huyện Xuyên Mộc gặp một số khó khăn, nhất là thiếu lao động cho các khu công nghiệp, đặc biệt là lao động có trình độ chuyên môn kĩ thuật.

IV. LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

1. Đặc điểm nguồn lao động

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy nêu các đặc điểm nguồn lao động tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có nguồn lao động trẻ và khá dồi dào, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 621 538 người, chiếm 52,8% số dân toàn tỉnh (năm 2021). Lực lượng lao động bao gồm 564 945 người có việc làm và 56 593 người thất nghiệp. Lực lượng lao động đông tạo thuận lợi đáp ứng nhu cầu lao động cho các ngành kinh tế, nhưng đồng thời cũng gây áp lực lớn trong vấn đề đào tạo nghề và giải quyết việc làm, y tế, nhà ở cho người lao động.

Chất lượng lao động của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có sự cải thiện đáng kể, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh. Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo khá cao, đạt 30,6% (năm 2021), đứng thứ 2 trong vùng Đông Nam Bộ (sau Thành phố Hồ Chí Minh) và cao hơn mức bình quân của cả nước (26,1%). Tỉ lệ lao động nam đã qua đào tạo có trình độ cao hơn so với tỉ lệ lao động nữ (tỉ lệ lao động nam là 34,4%, tỉ lệ lao động nữ đạt 26,6%). Nhưng để đáp ứng yêu cầu của thời kì hội nhập thì chất lượng nguồn lao động của tỉnh vẫn chưa được đảm bảo, nhất là trong bối cảnh tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hướng đến phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn như công nghiệp (đóng tàu, khai thác dầu khí,...), du lịch và nông nghiệp công nghệ cao.

Hình 1.8. Ngư dân tại cảng Hưng Thái (huyện Long Điền)

(Nguồn: dangcongsan.vn)

Hình 1.9. Cảng quốc tế Tân Cảng – Cái Mép (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

(Nguồn: Thành Huy)

2. Cơ cấu lao động

Dựa vào hình 1.10, hình 1.11, bảng 1.3 và thông tin trong bài, em hãy nhận xét:

– Xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành kinh tế và theo thành phần kinh tế của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

– Cơ cấu nguồn lao động theo giới tính và theo thành thị, nông thôn ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

a) Theo ngành kinh tế

Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với dân số của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu khá thấp, năm 2011 là 52,5%, năm 2021 là 48,0%. Lao động của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu làm việc chủ yếu trong khu vực dịch vụ và công nghiệp, xây dựng. Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế đang có sự chuyển dịch phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tỉ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản đang có xu hướng giảm; tỉ lệ lao động ở khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ đang có xu hướng tăng.

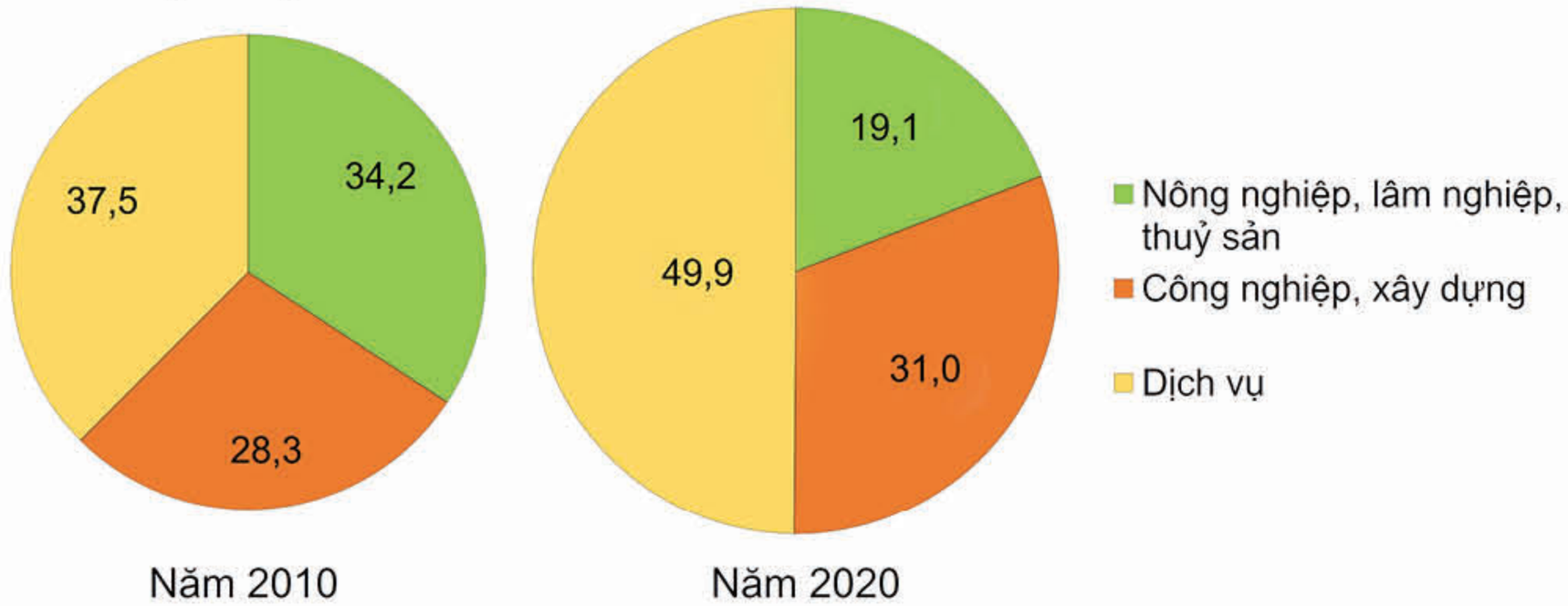

Hình 1.10. Cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, năm 2010 và 2020 (Đơn vị: %)

(Nguồn: Báo cáo quy hoạch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

b) Theo thành phần kinh tế

Lao động của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu làm việc trong khu vực kinh tế ngoài nhà nước là chủ yếu, chiếm 76,3%, tiếp theo là lao động làm việc trong khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 14,6%, lao động trong khu vực nhà nước chiếm 9,1% (năm 2021). Tỉ lệ lao động trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đang tăng nhanh, trong khi đó tỉ lệ lao động làm việc trong khu vực nhà nước có xu hướng giảm.

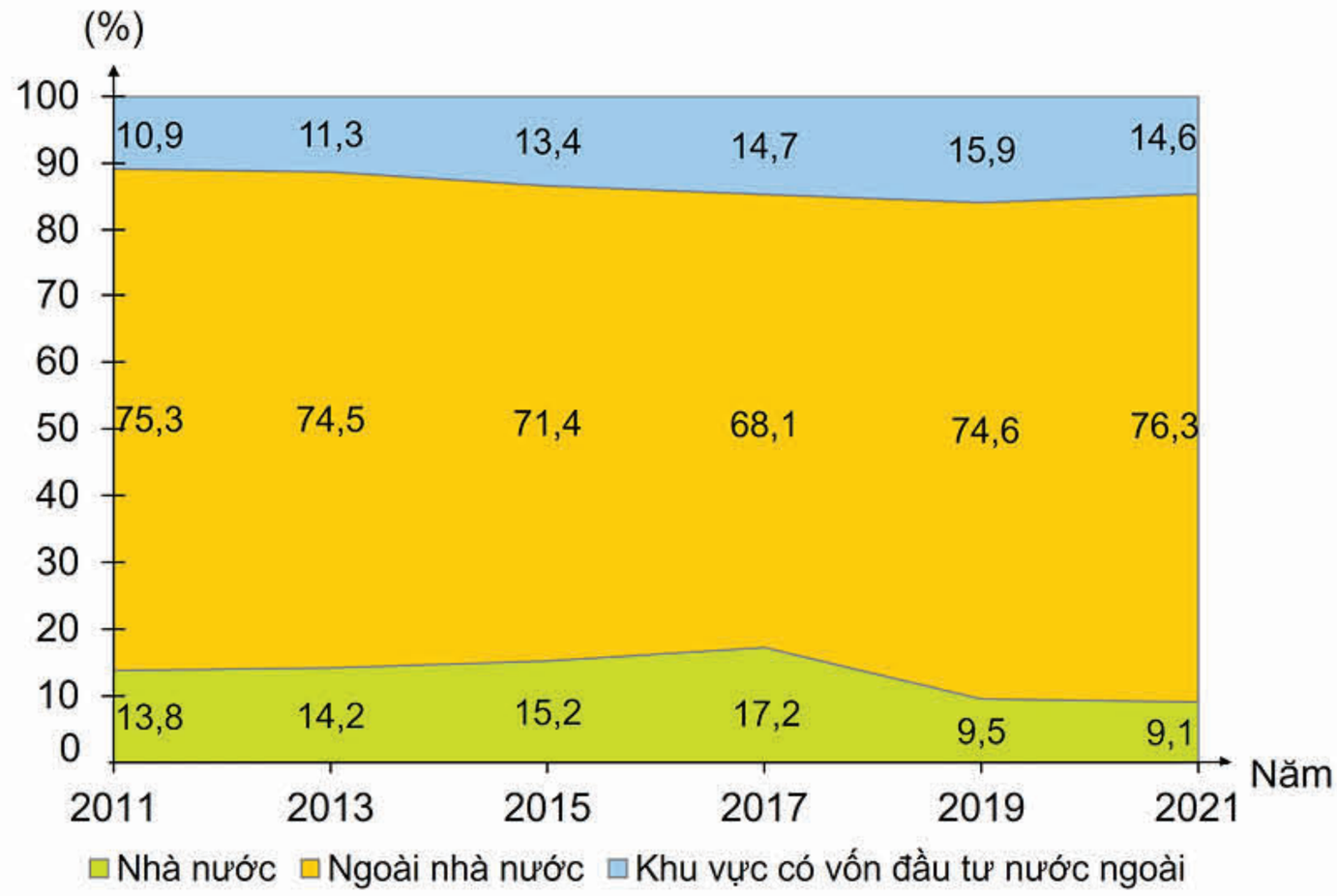

Hình 1.11. Cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giai đoạn 2011 – 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, NXB Thống kê, năm 2022)

c) Theo giới tính và theo thành thị, nông thôn

Nguồn lao động của tỉnh có sự khác biệt theo giới tính và theo thành thị, nông thôn. Do đặc thù nền kinh tế của tỉnh chủ yếu là sản xuất công nghiệp nặng như cơ khí chế tạo, năng lượng, hoá dầu,... nên tỉ trọng lao động nam nhiều hơn lao động nữ. Tỉ lệ lao động ở khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn.

Bảng 1.3. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo giới tính và theo thành thị, nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, năm 2021

Đơn vị	Theo giới tính		Theo thành thị, nông thôn	
	Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn
Lao động (người)	336 211	285 327	347 442	274 096
Tỉ lệ (%)	54,1	45,9	55,9	44,1

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, NXB Thống kê, năm 2022)

3. Vấn đề việc làm

Dựa vào bảng 1.4 và thông tin trong bài, em hãy trình bày vấn đề việc làm của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Sự đa dạng của các ngành sản xuất đã tạo ra số lượng việc làm lớn, góp phần nâng cao đời sống cho người dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tuy nhiên, hiện nay các vấn đề việc làm đã và đang đặt ra sức ép lớn đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh như tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động cao; thiếu lao động có chuyên môn; chính sách thu hút lao động, xây dựng các cơ sở giáo dục chất lượng cao;… Trong đó, tỉ lệ thiếu việc làm, tỉ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi lao động của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lần lượt cao gấp 1,9 và 2,9 lần so với cả nước.

Bảng 1.4. Tỉ lệ thiếu việc làm và tỉ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi lao động của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu so với cả nước, năm 2021

	Tỉ lệ thiếu việc làm (%)	Tỉ lệ thất nghiệp (%)
Cả nước	3,10	3,20
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	5,99	9,18

(Nguồn: Báo cáo điều tra lao động việc làm, NXB Thống kê, năm 2022)

Bên cạnh đó, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm phân theo thành thị và nông thôn lần lượt là 58,6% và 67,3%. Hiện nay, nhiều lĩnh vực đòi hỏi nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao như công nghệ thông tin, cơ khí tự động hoá, vận tải – kho bãi – dịch vụ logistics, marketing, kĩ thuật công trình xây dựng, chế biến thực phẩm,… Vì vậy, việc đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, xây dựng các cơ sở giáo dục chất lượng cao là vấn đề cần được quan tâm và đầu tư.

4. Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn lao động, giải quyết việc làm

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy nêu các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn lao động và giải quyết việc làm ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Xây dựng nguồn lao động chất lượng cao: đẩy mạnh đào tạo lao động có trình độ chuyên môn, kĩ thuật; tuyển chọn nguồn nhân lực là các nhà quản lí, các chuyên gia kinh tế, đội ngũ công nhân có trình độ cao, đồng thời đào tạo nghề cho lao động phổ thông.

Phát triển nguồn lao động gắn với nhu cầu kinh tế – xã hội: đào tạo nhân lực cần gắn với nhu cầu của thị trường lao động, không gây lãng phí nguồn nhân lực.

Tạo môi trường, chính sách thu hút đầu tư: giúp tạo việc làm mới cho người lao động, giúp thu hút những nguồn lao động chất lượng cao, giải quyết việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn.

Ưu tiên xây dựng các cơ sở giáo dục có chất lượng cao: phát triển các cơ sở giáo dục, cải thiện môi trường giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.

LUYỆN TẬP

1. Đặc điểm cơ cấu dân số tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh?

2. Cho bảng số liệu sau:

Bảng 1.5. Tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giai đoạn 2011 – 2021

Năm	2011	2013	2015	2017	2019	2021
Tỉ suất sinh thô (‰)	15,2	16,2	12,5	10,5	14,8	13,9
Tỉ suất tử thô (‰)	6,3	7,4	4,4	5,6	5,0	5,4

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, NXB Thống kê, năm 2022)

Em hãy vẽ biểu đồ đường thể hiện tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giai đoạn 2011 – 2021. Rút ra nhận xét.

3. Em hãy lập sơ đồ thể hiện cơ cấu lao động của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

VẬN DỤNG

Em hãy tìm hiểu thông tin về đặc điểm dân số ở địa phương em đang sinh sống (về quy mô, gia tăng dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư,...).

Chủ đề 2

LỊCH SỬ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU TỪ THẾ KỈ XVII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

MỤC TIÊU

– Trình bày được bối cảnh lịch sử, quá trình và thành quả của công cuộc khai hoang, lập làng của người Việt ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu.

– Khái quát được quá trình hình thành cộng đồng dân cư ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

– Trình bày được những nội dung chính về kinh tế, văn hoá, xã hội ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu từ thế kỉ XVII đến nửa đầu thế kỉ XIX.

– Nêu được cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân Bà Rịa – Vũng Tàu vào nửa sau thế kỉ XIX.

– Trình bày được cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp và sự chuyển biến về kinh tế, xã hội của Bà Rịa – Vũng Tàu do công cuộc khai thác này mang lại vào đầu thế kỉ XX.

– Khái quát được những hoạt động chính của các phong trào yêu nước của nhân dân Bà Rịa – Vũng Tàu vào đầu thế kỉ XX.

KHỞI ĐỘNG

Hãy nêu tên một số công trình kiến trúc hoặc các hoạt động kinh tế, văn hoá,... gắn liền với buổi đầu thời kì khai hoang vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu mà em biết.

KHÁM PHÁ

I. LỊCH SỬ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU TỪ THẾ KỈ XVII ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

1. Công cuộc khai hoang

Đọc thông tin dưới đây, em hãy trình bày tóm tắt bối cảnh lịch sử, quá trình, thành quả công cuộc khai hoang, lập làng của người Việt ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX.

a) Bối cảnh lịch sử

Thế kỉ XVII, các tập đoàn phong kiến Trịnh – Nguyễn phân tranh quyền lực, nhiều lần chiến tranh khốc liệt và cuối cùng phân ra Đàng Trong, Đàng Ngoài; thiên tai, mất mùa,

nạn đói thường xuyên diễn ra; chính sách bóc lột nặng nề làm cho cuộc sống của người dân khốn khổ, tình trạng phiêu tán diễn ra khắp nơi. Trong bối cảnh đó, các chúa Nguyễn ở Đàng Trong huy động người Việt từ miền Trung đi vào khai phá vùng đất mới Nam Bộ.

b) Công cuộc khai hoang

Cho đến cuối thế kỉ XVI, vùng đất Nam Bộ vẫn còn hoang vu, chưa được khai phá nhiều, cư dân thưa thớt, phần lớn diện tích là rừng rậm.

Từ đầu thế kỉ XVII, người Việt từ vùng Ngũ Quảng[1] và Bình Định di cư chủ yếu bằng đường biển (phương tiện di chuyển là ghe thuyền) đến vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai để khai khẩn đất hoang, lập các làng xã và định cư trên vùng đất mới.

Địa bàn khai hoang

Vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu có bờ biển dài với nhiều vũng, vịnh kín gió, lại nằm bên các cửa sông nên thuận lợi cho ghe thuyền cập bến, neo đậu. Bởi thế, vùng đất này được người Việt di cư đến khai hoang, lập làng sớm ở Nam Bộ, là cửa ngõ để tiến về khai khẩn vùng đất Đồng Nai, Gia Định. Sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn cho biết: *"Buổi xưa nước ta thiết lập phủ Gia Định và trước đó đã cần phải mở xứ Mỗi Xuy (nay thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), rồi thứ đến mở xứ Đồng Nai"*.

Trong quá trình khai hoang, lập làng, người Việt thường chọn vùng đất phía trong các cửa sông, cửa rạch, những vịnh nhỏ, bãi ngang để vỡ đất, cấy lúa, trồng hoa màu, kết hợp với đánh bắt thuỷ, hải sản và từ đó hình thành nên các làng xã của người Việt.

Ở Bà Rịa – Vũng Tàu, những vùng đất được người Việt khai hoang, lập làng đầu tiên là cửa sông Xích Lam (sông Ray), Cửa Lấp, cửa sông Dinh. Ở nơi đây, ngư dân tụ cư thành các xóm chài, dần dần, hình thành những làng cá đông đúc, chuyên làm nghề đánh bắt và chế biến hải sản. Một bộ phận cư dân đi sâu vào bên trong, ngược dòng các con sông khai phá thành các đồng bằng ven sông, suối để trồng lúa, hoa màu, lập làng. Các làng hình thành sớm ở Bà Rịa – Vũng Tàu là: An Ngãi, Long Điền, Long Hương, Long Kiểng, Long Thạnh, Long Lập, Phước Hải, Phước Lễ, Phước Tỉnh,... Làng Núi Nứa trên đảo Long Sơn hình thành tương đối sớm, tập trung những người làm nghề chài lưới và làm muối,...

Vùng đất mới hoang dã là thử thách khắc nghiệt đối với những người đi tiên phong mở đất. Ca dao xưa còn lưu truyền: *"Đồng Nai xứ sở lạ lùng. Dưới sông sấu lội, trên rừng cọp um"*.

Đến cuối thế kỉ XVII, vùng đất Đông Phố[2] (vùng Đông Nam Bộ ngày nay) "đất đai đã rộng được ngàn dặm, số dân hơn 4 vạn hộ"[3] (khoảng 200 000 người). Cùng thời

---

[1] Vùng đất Ngũ Quảng ngày nay bao gồm các tỉnh/thành phố: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế (Quảng Đức), Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Vào thời gian này, Chăm-pa đang làm chủ vùng đất từ Khánh Hoà đến Bình Thuận nên công cuộc di cư của người Việt từ miền Trung đến vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu diễn ra chủ yếu bằng đường biển với phương tiện di chuyển là ghe thuyền.

[2] Đông Phố còn có tên gọi khác là Giản Phố.

[3] Quốc sử quán Triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, NXB Thuận Hoá, Huế, 1992, trang 153.

gian này (năm 1697), chúa Nguyễn sáp nhập vùng đất Phan Rang, Phan Rí (vùng đất còn lại của Chăm-pa) vào lãnh thổ xứ Đàng Trong của Đại Việt. Trên cơ sở đó, năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu cử Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam kinh lược, lấy xứ Đồng Nai lập huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên, lấy xứ Sài Gòn lập huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn, đặt phủ Gia Định để cai quản. Sự kiện này có ý nghĩa to lớn trong việc xác lập chủ quyền của người Việt ở Nam Bộ. Địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày nay thuộc tổng Phước An[1], huyện Phước Long, dinh Trấn Biên.

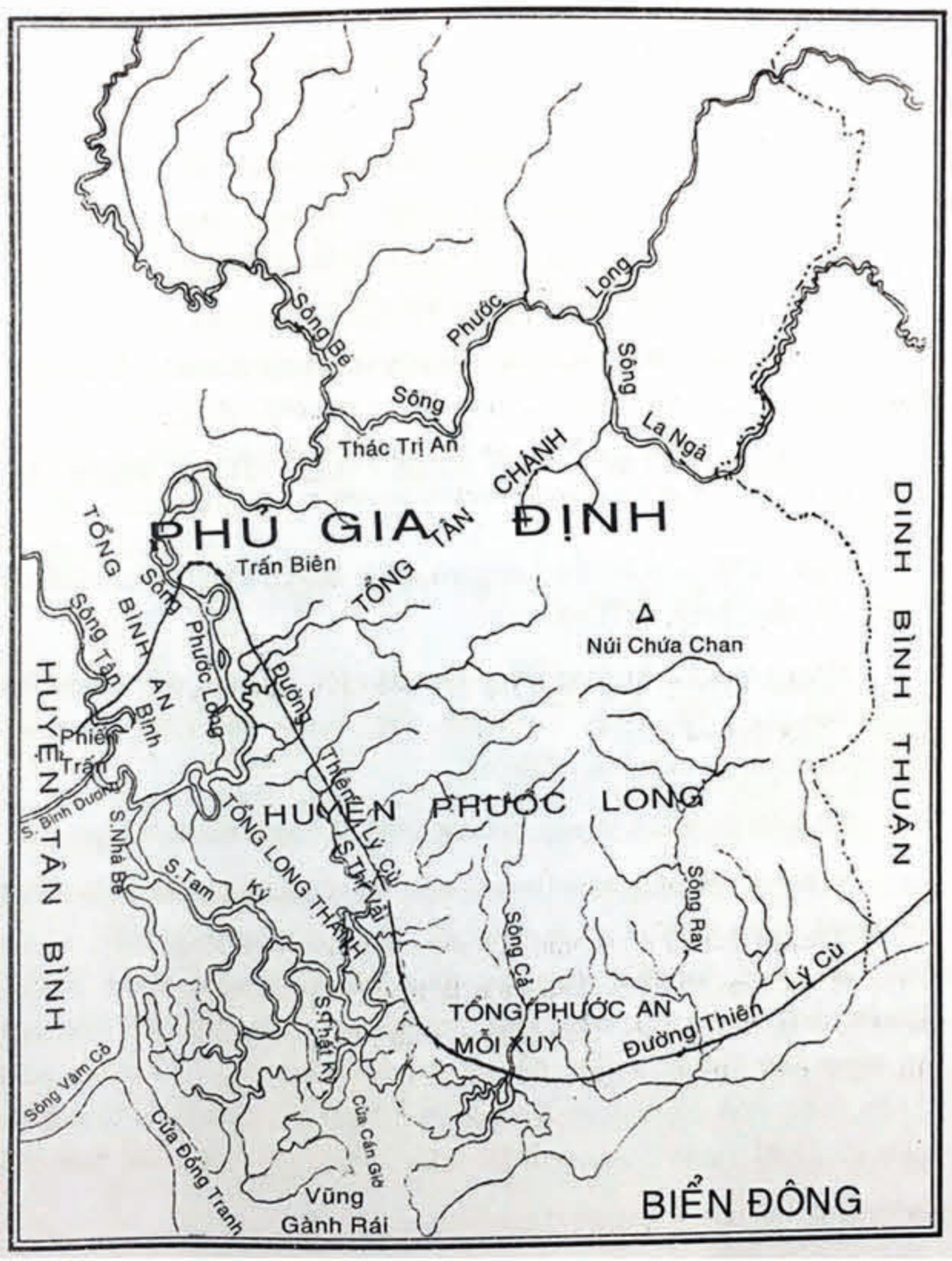

Hình 2.1. Lược đồ phủ Gia Định cuối thế kỉ XVII (tổng Phước An, phía Đông phủ Gia Định, nay là tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)
(Nguồn: Sách Biên Hoà – Đồng Nai, 300 năm hình thành và phát triển)

Sang thế kỉ XVIII, công cuộc khai khẩn vùng đất Nam Bộ diễn ra nhanh hơn, mạnh hơn. Các chúa Nguyễn khuyến khích "người dân có vật lực" (những người giàu có, địa chủ, quan lại) ở Thuận – Quảng[2] chiêu mộ dân nghèo, tham gia vào công cuộc khai mở đất đai ở Mô Xoài (nay thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), Đồng Nai, Gia Định. Chính quyền chúa Nguyễn luôn hỗ trợ và bảo vệ công cuộc di dân và khai hoang.

---

[1] Đến năm 1808, tổng Phước An được nâng lên thành huyện Phước An, thuộc trấn Biên Hoà, thành Gia Định. Năm Minh Mạng thứ 13 (1832), trấn Biên Hoà đổi thành tỉnh Biên Hoà. Phước An là một trong bốn huyện của tỉnh Biên Hoà. Từ năm 1837, huyện Phước An thuộc phủ Phước Tuy, tỉnh Biên Hoà. Huyện Phước An nay là tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Theo Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Sở Khoa học và Công nghệ, *Địa chí Bà Rịa – Vũng Tàu*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005, trang 89, 91.

[2] Bao gồm các tỉnh Thừa Thiên – Huế, Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng ngày nay.

Đầu thế kỉ XIX, nhà Nguyễn tiếp tục tổ chức khai khẩn vùng đất Long Điền, Đất Đỏ. Vùng hạ lưu phía tây sông Xích Lam (sông Ray) thường bị ngập úng. Vì vậy, năm 1838, Hộ phủ Phạm Duy Trinh huy động sức dân đào sông tiêu úng, khai được hơn 300 mẫu ruộng hoang làm ruộng công cho các xã, thôn phụ cận[1], cải tạo vùng đất này thành đồng ruộng phì nhiêu thuộc hai huyện Long Điền và Đất Đỏ ngày nay.

Bán đảo Vũng Tàu là địa bàn hiểm yếu, là cửa ngõ để đi vào vùng đất Gia Định nên được chính quyền chúa Nguyễn, triều Nguyễn quan tâm trấn giữ. Năm 1788, chúa Nguyễn cho lập Phong hoả đài (đài quan sát, truyền tin) trên núi Ngoạ Ngưu (núi Trâu Nằm, nay gọi là núi Nhỏ) để bảo vệ cửa biển Cần Giờ và Vũng Tàu. Từ nửa sau thế kỉ XVIII, Vũng Tàu đã trở thành đầu mối giao thương quan trọng của các thương nhân trong vùng. Đầu thế kỉ XIX, nhà Nguyễn đặt thủ Vũng Tàu, sau đó, đổi thành thủ Phước Thắng hay bảo Phước Thắng. Đây là đồn binh có nhiệm vụ bảo vệ vùng đất Gia Định từ phía đông.

Đảo Côn Lôn (Côn Đảo) cho đến cuối thế kỉ XVII vẫn còn là một đảo hoang. Hằng năm, các chúa Nguyễn cử đội tuần tiễu ra đảo để nắm tình hình, khai thác thuỷ sản, thu nhặt vật phẩm của thuyền bị đắm dạt vào đảo rồi trở về. Đảo Côn Lôn thuộc quyền quản lí của đội Hoàng Sa. Từ đầu thế kỉ XVIII, có cư dân sinh sống và hình thành làng An Hải. Thời vua Minh Mạng (1820 – 1840), nhà Nguyễn lập một đội quân đồn trú tại đảo và ban Dụ (cho 5 tỉnh An Giang, Biên Hoà, Định Tường, Gia Định, Vĩnh Long) chiêu dân ra đảo Côn Lôn sinh sống, làm ăn.

Chính sách khai hoang

Chính quyền của các chúa Nguyễn thực hiện các biện pháp để bảo vệ người Việt sinh sống ở vùng đất Mô Xoài. Các chúa Nguyễn nhiều lần điều động binh lính từ các dinh: Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận đến vùng đất Mô Xoài, Đồng Nai, Gia Định để giữ gìn an ninh lãnh thổ, chống lại sự xâm nhập của Chân Lạp.

Bên cạnh đó, chính quyền chúa Nguyễn ban hành nhiều chính sách để chiêu mộ người dân vào Nam khai hoang, lập làng như: cho phép tự do khai khẩn đất hoang, lập thôn xã, ruộng đất khai phá được trở thành ruộng đất tư, không hạn chế số lượng ruộng đất khẩn hoang, thu thuế theo sự khai báo của dân, hỗ trợ lương thực, nông cụ, giống, trâu bò cho người dân khai hoang, mở rộng lãnh thổ là ưu tiên hàng đầu của các chúa Nguyễn trên vùng đất mới.

Phương thức và lực lượng khai hoang

– Về phương thức khai hoang

Vào đầu thế kỉ XVII, công cuộc khai hoang vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu nói riêng, vùng đất Nam Bộ nói chung do người dân di cư tự do tiến hành.

Từ cuối thế kỉ XVII, các chúa Nguyễn kêu gọi, tổ chức di dân vào Nam khai hoang, lập làng xã; động viên các dân tộc ít người cư trú lâu đời ở vùng đất này tiếp tục khai hoang, lập các làng bản; huy động lực lượng binh lính khai phá. Khu dinh điền Mô Xoài do

[1] Quốc sử quán Triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Sđd, trang 60.

binh lính thành lập và quản lí là mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung ra đời sớm nhất ở Nam Bộ dưới thời các chúa Nguyễn. Sách *Đại Nam thực lục tiền biên* cho biết vào năm 1698, khi đưa quân vào Đồng Nai – Gia Định trấn áp cuộc nổi loạn của Hoàng Tiến và sự quấy phá của Chân Lạp, gặp mùa nước nổi, *"các tướng đã chia binh vỡ đất cày cấy ở khu vực Mỗi Xuy"*[1].

– Về lực lượng khai hoang

Lực lượng khai hoang chủ yếu là: nông dân, những người giàu có, địa chủ, quan lại, lực lượng binh lính, các dân tộc ít người,...

Thành quả của công cuộc khai hoang

Sau hơn hai thế kỉ khai phá và xây dựng (từ đầu thế kỉ XVII đến nửa đầu thế kỉ XIX), các thế hệ người Việt đi tiên phong khai phá và mở mang vùng đất mới đã làm thay đổi diện mạo vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu. Từ một vùng đất hoang vu, ngập mặn, sình lầy đã trở thành ruộng đồng tươi tốt, vườn tược trù phú, dân cư ngày càng đông, các xóm làng và các chợ hình thành, đường thuỷ, đường bộ được mở mang thuận lợi cho giao thông và trao đổi hàng hoá.

Bên cạnh đó, công cuộc di dân, khai phá của cha ông đã góp phần mở mang bờ cõi của xứ Đàng Trong về phía nam, đặt cơ sở pháp lí cho việc xác lập chủ quyền của nhà nước Đại Việt ở vùng đất Nam Bộ.

Công cuộc khai phá, mở đất của các thế hệ ông cha ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu thể hiện ý chí vượt qua khó khăn, gian khổ, tinh thần đoàn kết trong hành trình mở đất về phương Nam.

Hình 2.2. Trang thứ nhất và thứ hai cuốn Địa bạ thôn Long Hương (nay thuộc thành phố Bà Rịa) lập thời vua Minh Mạng (1820 – 1841). Trang thứ nhất giới thiệu về địa danh Long Hương, trang thứ hai xác định vị trí và số đo đất của thôn

(Nguồn: Nguyễn Hữu)

[1] Quốc sử quán Triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục tiền biên*, Bản dịch của NXB Sử học, Hà Nội, 1962, trang 140.

2. Cộng đồng dân cư

Đọc thông tin dưới đây, em hãy nêu quá trình hình thành cộng đồng dân cư ở Bà Rịa – Vũng Tàu từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX.

Từ đầu thế kỉ XVII, cùng với đồng bào các dân tộc Chăm, Chơ Ro, Khmer, Mạ, Xtiêng,... người Việt từ vùng Ngũ Quảng và Bình Định di cư đến khai phá vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu và trở thành những chủ nhân của vùng đất này.

Vào cuối thế kỉ XVII, một bộ phận người Hoa từ Cù lao Phố[1] chuyển đến định cư, lập nghiệp ở Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trải qua nhiều thế kỉ, người Kinh (Việt) cùng đồng bào các dân tộc Chăm, Chơ Ro, Hoa, Khmer, Mạ, Xtiêng,... chung sống thân thiện, cùng nhau khai phá đất hoang, lập làng bản, chống áp bức, chống ngoại xâm đã hình thành nên cộng đồng dân cư ở Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Hoạt động kinh tế

Đọc thông tin dưới đây, em hãy:

– Nêu những nét chính về sản xuất nông nghiệp ở Bà Rịa – Vũng Tàu từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX.

– Kể tên một số nghề thủ công hình thành ở Bà Rịa – Vũng Tàu từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX.

a) Sản xuất nông nghiệp

Trồng trọt, chăn nuôi

Cư dân ở Bà Rịa – Vũng Tàu trồng lúa rẫy (lúa nương), lúa nước, các loại hoa màu, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc và gia cầm,...

– Về trồng trọt

Lúa là cây trồng chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp.

Ở vùng đồi núi thấp, vùng đất đỏ badan, các dân tộc ít người trồng lúa rẫy theo tập quán canh tác truyền thống là "đốt rừng, làm nương rẫy" để trồng lúa rẫy.

Ở vùng đồng bằng trũng thấp, sình lầy ven các sông suối, người làm nông lợi dụng nước mưa để cày cấy, trồng lúa nước, năng suất lúa khá cao. Ở địa phương có những giống lúa nổi tiếng như: Nanh Chồn, Chùm, Nàng Sậu, Nàng Thơm.

Việc trồng lúa thời ấy chủ yếu dựa vào nước trời (nước mưa), cho nên mỗi năm chỉ trồng được một vụ vào mùa mưa. "Ruộng sớm thì tháng 5 (âm lịch) gieo mạ, tháng 6 (âm lịch) cấy, tháng 9 (âm lịch) gặt. Ruộng muộn thì tháng 5 (âm lịch) gieo mạ, tháng 7 (âm lịch) cấy, tháng 11 (âm lịch) gặt".[2]

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là vùng đất cao thích hợp để trồng các loại cây hoa màu, cây ăn quả. Vì vậy, bên cạnh việc trồng lúa, cư dân còn trồng các loại cây khác như: bắp (ngô), khoai môn, khoai sáp, khoai lang, khoai mì (sắn), khoai từ, khoai tía; các loại cây đay, bông, mía, dâu, thuốc lá, cau; các loại rau, dưa, đậu, mè, bầu, bí, mướp, khổ hoa; các loại cây ăn quả.

---

[1] Nay thuộc thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

[2] Trịnh Hoài Đức, *Gia định thành thông chí*, Sđd, trang 157.

Công cụ dùng để sản xuất nông nghiệp gồm: cày, bừa, cuốc, gàu, liềm, vòng cắt lúa, xe bò, cộ, xà quạt,...

– *Về chăn nuôi*

Chăn nuôi trâu, bò, ngựa để kéo cày, bừa, kéo xe cộ; gà, vịt, ngan, ngỗng, dê để làm nguồn thực phẩm.

Đánh bắt thuỷ, hải sản

Vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu có các làng xã ven biển chuyên nghề đánh bắt thuỷ, hải sản như: Phước Tỉnh (nay thuộc huyện Long Điền); Phước Hải (nay thuộc huyện Đất Đỏ); Bình Châu (nay thuộc huyện Xuyên Mộc); Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam (nay thuộc thành phố Vũng Tàu).

Ở các làng ven các sông suối, ao hồ, ruộng trũng cư dân còn đánh bắt tôm cá nước ngọt.

Ngư cụ gồm các loại: lưới rùng, lưỡi câu cá, lưỡi câu mực, vợt vớt cá; giáo, nơm, ống trúm bắt lươn, bung, giỏ đựng cá.

Làm ruộng muối

Ở các làng xã ven biển Bà Rịa – Vũng Tàu, ngoài nghề khai thác, đánh bắt, chế biến thuỷ, hải sản còn có nghề làm muối.

Nghề làm muối tập trung ở các làng như: Long Điền, Long Thạnh, Phước Tỉnh (nay thuộc huyện Long Điền), Phước Lễ (nay thuộc thành phố Bà Rịa), Phước Hội (nay thuộc huyện Đất Đỏ), Núi Nứa (nay thuộc thành phố Vũng Tàu). Muối Bà Rịa – Vũng Tàu nổi tiếng ở Nam Bộ, có vị mặn đậm đà, tinh khiết.

Công cụ dùng để làm muối gồm: chang cào, chang tước, chang rẫy, quang gánh, sa quạt nước,...

Khai thác lâm, thổ sản

Đồng bào các dân tộc thiểu số bên cạnh nông nghiệp nương rẫy thì việc khai thác lâm, thổ sản là một hoạt động kinh tế phổ biến và đem lại một nguồn lợi thường xuyên cho cộng đồng.

Cư dân các làng xã (người Kinh) cư trú ven bìa rừng kết hợp giữa sản xuất nông nghiệp với khai thác lâm, thổ sản.

Các sản vật khai thác từ rừng gồm: mật, sáp ong, thú rừng, củ, quả, cây dược liệu, tre, nứa, gỗ. Ở xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc hiện còn lưu lại *"dấu vết của một bến thuyền (Bến Ván) nơi xẻ gỗ rừng thành ván rồi chở đi bán ở Gò Công, Bến Tre, Trà Vinh cách đây khoảng một thế kỉ"*[1].

Như vậy, trong sản xuất nông nghiệp, cư dân ở Bà Rịa – Vũng Tàu kết hợp giữa trồng trọt với chăn nuôi, đánh bắt thuỷ, hải sản, làm ruộng muối, khai thác lâm thổ sản.

b) Thủ công nghiệp

Ở Bà Rịa – Vũng Tàu, cùng với việc khai hoang lập ấp, một số làng nghề, xóm nghề được hình thành chuyên nghề chế biến thuỷ, hải sản, dệt lĩnh, đúc đồng,...

---

[1] Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Sở Khoa học và Công nghệ, *Địa chí Bà Rịa – Vũng Tàu*, Sđd, trang 166.

Chế biến thuỷ, hải sản

Chế biến thuỷ, hải sản là nghề truyền thống có từ lâu đời ở Bà Rịa – Vũng Tàu và phát triển ở các làng xã ven biển chuyên làm nghề chế biến hải sản như: Phước Hải, Long Hải, Phước Tỉnh, Thắng Nhì, Thắng Tam, Núi Nứa, Hội Bài. Sản phẩm chủ yếu là: tôm, cá, mực phơi khô, muối, nước mắm, mắm ruốc.

Nghề dệt

Ở làng Hắc Lăng[1] xưa nổi tiếng với nghề trồng dâu, nuôi tằm, dệt lãnh thâm (lãnh đen). *"Lãnh thâm ở huyện Phước An, trấn Biên Hoà mềm dịu, bóng láng, đứng đầu trong nước"*.[2]

Nghề đúc đồng

Đúc đồng là nghề truyền thống, xuất hiện từ rất sớm ở địa phương, sản phẩm đa dạng gồm: đồ dùng gia đình (nồi đồng, ấm đồng, mâm đồng, muôi đồng), đồ thờ cúng (chân đèn, lư, đỉnh), chuông đồng, tượng Phật và đồ nhạc khí (cồng chiêng, chập chã, kèn).

Ở làng Long Điền có xóm Chuông chuyên làm nghề đúc đồng với nhiều sản phẩm, trong đó, nổi tiếng nhất là chuông đồng.

Ngoài ra, ở Bà Rịa – Vũng Tàu còn có các nghề thủ công khác như: đóng ghe thuyền, mộc, rèn, dệt chiếu, đan lưới đánh cá, làm bún, bánh,...

c) Thương nghiệp

Trải qua quá trình khai phá và xây dựng, kinh tế vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu phát triển nhanh, nhu cầu trao đổi hàng hoá tăng, nhiều ngôi chợ hình thành và trở thành những trung tâm mua bán, giao thương sầm uất nơi miền biển như: Chợ Bến (Long Thạnh), chợ Lưới Rê (Phước Hải), chợ Giếng Bộng (Phước Tỉnh), chợ Thành (Long Điền), chợ Bến Đình (Vũng Tàu).

Vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu có vị trí địa lí thuận lợi cho giao thông thuỷ bộ, sản vật phong phú, nên thu hút đông đảo thương nhân trong và ngoài nước đến mua bán, trao đổi hàng hoá. Thương nhân người Hoa ở Cù lao Phố (Biên Hoà), Chợ Lớn (Sài Gòn) đến Bà Rịa – Vũng Tàu lập các đại lí, hiệu buôn (cơ sở buôn bán) ở Phước Lễ (Bà Rịa), Long Điền, Chợ Bến (Long Điền), Phước Hải (Đất Đỏ), Bến Đình (Vũng Tàu) và nắm độc quyền thu mua, phân phối nhiều mặt hàng. Trong thế kỉ XIX, làng Phước Lễ (nay thuộc thành phố Bà Rịa) là trung tâm buôn bán sầm uất của Bà Rịa – Vũng Tàu. Bên cạnh người Việt, người Hoa hội tụ về đây buôn bán, lập nghiệp. Họ lập thương quán, sở giao dịch để giao dịch, trao đổi hàng hoá. Nhà Việc Bà Rịa (tương tự trụ sở của làng) vốn là một hội quán của Hoa Kiều.

---

[1] Làng Hắc Lăng (Hắc Lăng có nghĩa là lãnh đen) nay là ấp Phước Lăng, xã Tam Phước, huyện Long Điền. Lãnh (hay lĩnh) là một loại tơ lụa được dệt từ tơ tằm. Lãnh thâm tức lãnh được nhuộm đen.

[2] Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Sđd, trang 161.

Ở Bà Rịa – Vũng Tàu, các nguồn lợi khai thác từ tự nhiên không chỉ đáp ứng nhu cầu ở địa phương, mà còn cung cấp cho các khu vực khác và xuất khẩu. Các loại hải sản khô (tôm, cá, mực) được đưa đi tiêu thụ ở một số địa phương ở Nam Bộ, Tây Nguyên và xuất khẩu sang Hồng Công, Trung Quốc. Muối xuất khẩu sang Cam-pu-chia. Gỗ khai thác từ rừng được xẻ thành tấm, chở đi bán ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

d) Giao thông vận tải

Thời khai hoang, Bà Rịa – Vũng Tàu là vùng đất địa đầu Gia Định, giáp biển, có nhiều vũng vịnh, cửa biển thuận lợi cho giao thông đường thuỷ nên trở thành cửa ngõ giao thương huyết mạch từ Bắc vào Nam và ngược lại.

Bên cạnh đường thuỷ, đường Thiên lí (ngàn dặm)[1] đi qua vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu một thời là tuyến đường giao thông chiến lược, đóng vai trò quan trọng trong việc di dân, đi lại, lưu thông hàng hoá, chuyển quân, thông tin liên lạc giữa triều đình Huế với vùng đất Gia Định.

Phương tiện đi lại, vận chuyển chủ yếu thời bấy giờ là: ngựa, xe bò, xe ngựa, ghe thuyền.

4. Văn hoá, xã hội

Đọc thông tin dưới đây, em hãy tóm tắt những nét chính về văn hoá, xã hội ở Bà Rịa – Vũng Tàu thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX.

a) Văn hoá

Tín ngưỡng, tôn giáo

Cư dân ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu có tục thờ cúng tổ tiên, ông bà; lập đình, đền, miếu, chùa thờ các vị thần (Thành hoàng, thờ Ông Nam Hải, các vị thần nữ); một bộ phận dân cư theo Phật giáo và Thiên Chúa giáo,...

Hình 2.3. Chùa Long Bàn (thị trấn Long Điền, huyện Long Điền)
(Nguồn: Bảo tàng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

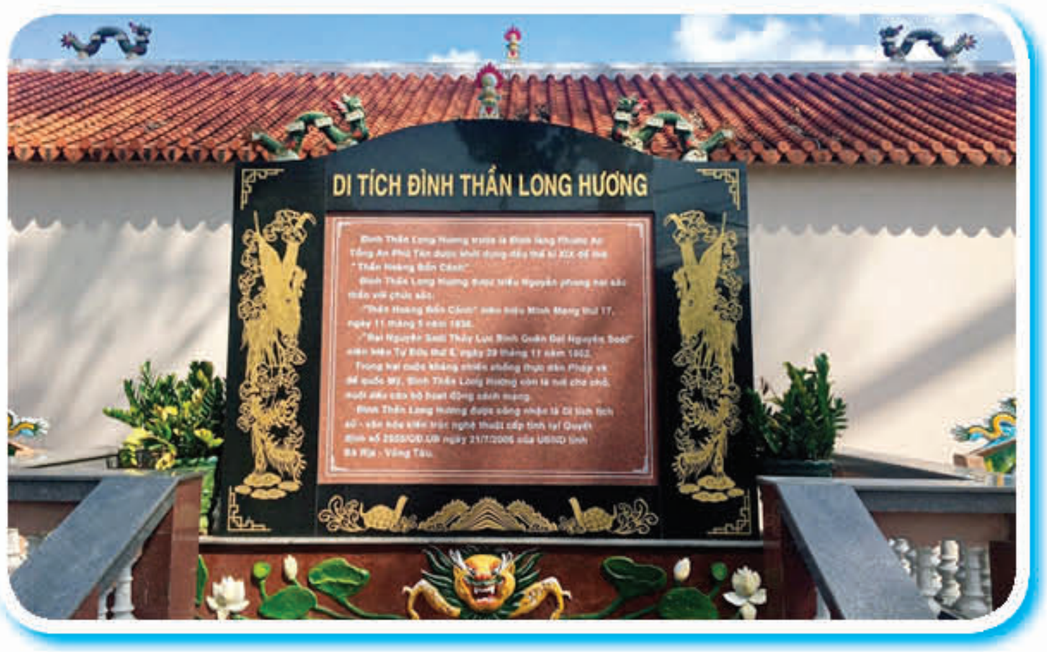

Hình 2.4. Đình thần Long Hương (phường Long Hương, thành phố Bà Rịa)
(Nguồn: Nguyễn Lê)

[1] Đường Thiên lí: Con đường bộ xuyên trục Bắc Nam dài nhất của nước ta thời xưa, kéo dài cả ngàn dặm (mỗi dặm xưa khoảng 0,5 km ngày nay, nên về sau được gọi là đường Thiên lí).

Hình 2.5. Đình thần Thắng Tam (thành phố Vũng Tàu)
(Nguồn: Bảo tàng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Hình 2.6. Dinh Cô (thị trấn Long Hải, huyện Long Điền)
(Nguồn: Bảo tàng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Hằng năm, họ còn tổ chức lễ hội như: cúng đình, lễ hội Nghinh Ông, lễ hội Nghinh Cô với ước vọng "quốc thái, dân an", mưa thuận gió hoà, trời yên biển lặng, được mùa lúa, cá tôm. Trong các dịp tế lễ thường tổ chức hát bội, hát tuồng; trong dân gian có Đờn ca tài tử, nhạc cụ gồm: đàn kìm, đàn tranh, đàn cò, sáo, chiêng, trống, thanh la,...

Các dân tộc thiểu số bản địa tổ chức lễ hội cúng thần Lúa, thần Rừng.

Ẩm thực

Nguồn lương thực chính là lúa gạo (gạo tẻ, gạo nếp); thực phẩm gồm các loại rau củ, hải sản (tôm cá) được chế biến nhiều cách như phơi khô hoặc làm mắm. Những thế kỉ trước, mắm là món ăn ưa thích, là nguồn thức ăn được dự trữ quanh năm.

Bà Rịa – Vũng Tàu có các món ăn đặc sản là: canh chua tương me, gỏi cá mai, gỏi cá trích, bánh khọt, bánh tét bắp, bánh hỏi, mắm bằm,...

Bên cạnh các món ăn của người Việt, ở Bà Rịa – Vũng Tàu, còn có các món ăn của người Hoa như: heo quay, vịt quay, bánh bao, bánh trung thu, xíu mại, cháo muối,...

Trang phục

Trong buổi đầu của thời khai hoang, người lao động (người Việt) mặc áo ngắn, màu nâu, hay đen, nút cài bên hông, ngắn tay. Đến đầu thế kỉ XVIII, chúa Nguyễn định lại y phục cho xứ Đàng Trong, theo đó, về thường phục, người dân mặc áo ngắn, cổ đứng, ngắn tay, phụ nữ mặc quần chứ không mặc váy; về lễ phục, đàn ông mặc áo thụng dài, cổ đứng, tay dài, vải màu chàm, đen hoặc trắng, đầu đội khăn.

Khoảng giữa thế kỉ XIX, kiểu áo bà ba được du nhập vào Nam Bộ và trở thành y phục phổ biến của người Bà Rịa – Vũng Tàu nói riêng, người Nam Bộ nói chung.

Đối với người Chơ Ro, đàn ông thì đóng khố, phụ nữ quấn váy tấm, mùa hè ở trần hay mặc áo cánh ngắn, mùa lạnh khoác trên mình một tấm chăn. Phụ nữ thường đeo chuỗi hạt cườm ngũ sắc, vòng đồng, vòng bạc, kiềng, dây chuyền và đeo vòng tay rộng vành.

Nhà ở

Ngôi nhà của người Việt gồm hai phần chính: nhà chính (nhà trên) dựng nhà ba gian, hai chái dùng để thờ tự, tiếp khách; nhà bếp (nhà dưới) dùng để sinh hoạt thường ngày, cất giữ vật dụng, nông cụ, lúa gạo. Nhà làm bằng gỗ, tre, nứa, lợp ngói, tranh, lá. Có các kiểu nhà như nhà chữ đinh (nhà chính và nhà bếp dựng sát vách và vuông góc nhau), nhà sắp đọi (nhà chính và nhà bếp dựng liền kề song song nhau), nhà có chái, nhà không chái.

Hình 2.7. Ngôi nhà cổ ở thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ

(Nguồn: Trần Thanh Tùng)

Người Chơ Ro cư trú trong những ngôi nhà sàn truyền thống.

Nhà sàn dựng trên các gò đất cao, gần sông suối; làm bằng cây gỗ, tre, nứa, lợp tranh hoặc lá rừng.

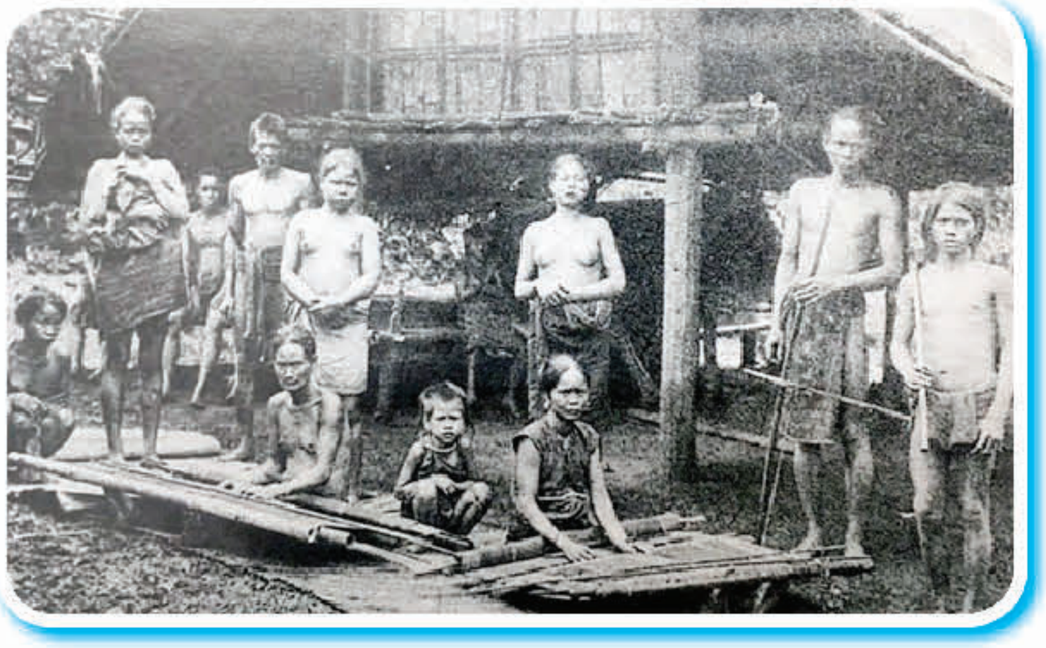

Hình 2.8. Một nhóm người Chơ Ro bên ngôi nhà sàn ở Bà Rịa vào đầu thế kỉ XX

(Nguồn: Sách "Bà Rịa – Vũng Tàu Xưa và Nay")

b) Xã hội

Cùng với quá trình khai hoang, các làng xã được thành lập. Cư dân sinh sống trong làng xã với các hoạt động sản xuất, sinh hoạt văn hoá, tín ngưỡng mang tính cộng đồng. Làng xã là đơn vị hành chính cấp cơ sở.

II. LỊCH SỬ TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

1. Đấu tranh chống thực dân pháp xâm lược của nhân dân Bà Rịa – Vũng Tàu (1859 – 1874)

Đọc thông tin dưới đây, em hãy nêu ý nghĩa lịch sử và nhận xét về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Bà Rịa – Vũng Tàu vào giai đoạn nửa sau thế kỉ XIX.

Ngày 1 – 9 – 1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha nổ súng tấn công bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng) nhưng thất bại[1]. Pháp đưa phần lớn lực lượng vào Nam mở mặt trận mới ở Nam Kỳ.

Đầu năm 1859, liên quân Pháp – Tây Ban Nha tập kết ở vịnh Hàng Dừa (Vũng Tàu).

[1] Cuối năm 1858, vua Tự Đức nói với các đại thần rằng bờ biển Cần Giờ, Vũng Tàu là nơi quan yếu, phải tăng cường đề phòng "Tây dương", vì sau khi không đánh được Đà Nẵng thế nào Pháp cũng "đến cửa biển ấy". Nhà Nguyễn đã bổ sung binh lính và vũ khí cho các đồn binh ở Vũng Tàu.

Ngày 10 – 2 – 1859, các tàu chiến của Pháp – Tây Ban Nha đồng loạt nổ súng tấn công pháo đài Phước Thắng và các đồn luỹ ven biển Vũng Tàu.

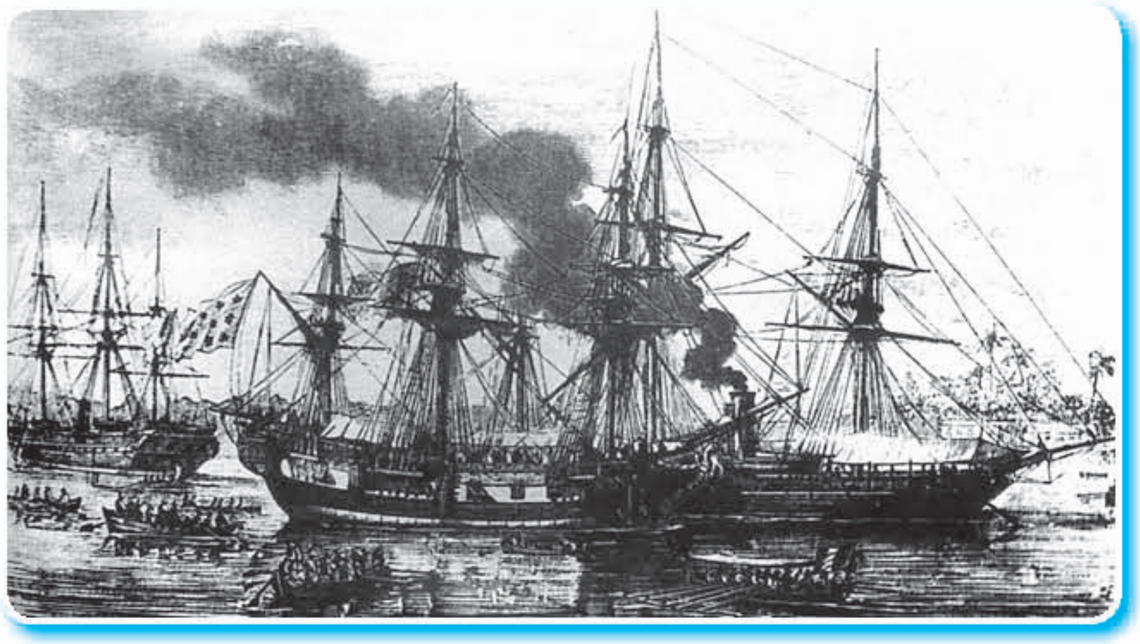

Hình 2.9. Tàu chiến của liên quân Pháp – Tây Ban Nha tấn công Vũng Tàu năm 1859

(Nguồn: Địa chí Bà Rịa – Vũng Tàu)

Quan quân triều đình đánh trả quyết liệt quân xâm lược. Các khẩu súng thần công bố trí trên các pháo đài đồng loạt nhả đạn vào đội hình địch. Tàu chiến địch tiến vào vịnh Ghềnh Rái hàng trăm thuyền chiến của ta ra nghênh chiến. Quân ta chiến đấu anh dũng nhưng do trang bị vũ khí lạc hậu nên không cản được bước tiến của giặc. Pháo đài Phước Thắng và các đồn luỹ ven biển Vũng Tàu bị phá huỷ[1]. Một số tàu chiến của ta bị pháo địch bắn chìm. Quân ta rút khỏi pháo đài Phước Thắng. Quân Pháp – Tây Ban Nha ngược sông Lòng Tàu tiến vào đánh chiếm thành Gia Định.

Trận đánh ở pháo đài Phước Thắng của quân dân Bà Rịa – Vũng Tàu đã mở đầu cho cuộc kháng chiến chống thực dân xâm lược của nhân dân Nam Kỳ.

Từ năm 1859 đến năm 1861, liên quân Pháp – Tây Ban Nha lần lượt đánh chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ là: Gia Định, Định Tường và Biên Hoà.

Ngày 17 – 2 – 1859, liên quân Pháp – Tây Ban Nha đánh chiếm thành Gia Định.

Ngày 16 – 2 – 1861, liên quân Pháp – Tây Ban Nha tấn công thành Biên Hoà. Ngày 18 – 2 – 1861, thành Biên Hoà thất thủ.

Ngày 28 – 11 – 1861, quân Pháp chiếm đảo Côn Lôn.

Ngày 7 – 1 – 1862, quân Pháp đánh chiếm thành Bà Rịa (phủ lị Phước Tuy)[2].

Ngày 1 – 2 – 1862, thực dân Pháp thành lập nhà tù Côn Lôn để giam cầm những người Việt Nam yêu nước, chống Pháp.

Sau khi Biên Hoà, Bà Rịa rơi vào tay giặc, triều đình Huế xuống dụ động viên, khuyến khích quân dân nổi dậy chống quân xâm lược.

Nhân dân Bà Rịa – Vũng Tàu thực hiện "vườn không, nhà trống", bất hợp tác với giặc, phối hợp với nghĩa quân của Trương Định chống Pháp. Tuần phủ Biên Hoà Nguyễn Đức Hoan, án sát Lê Khắc Cẩn, tri phủ Phước Tuy Nguyễn Thành Ý chiêu mộ quân, tổ chức đánh Pháp.

---

[1] Năm 1898, Pháp xây dựng Villa Blanche (biệt thự trắng hay còn gọi là Bạch Dinh) ở triền phía nam núi Lớn, trên nền cũ của pháo đài Phước Thắng.

[2] Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán Triều Nguyễn cho biết thành Bà Rịa (phủ lị Phước Tuy) ở địa phận thôn Phước Lễ, huyện Phước An (nay thuộc thành phố Bà Rịa).

Trong lúc phong trào chống Pháp của nhân dân Nam Kỳ diễn ra mạnh mẽ, triều đình Huế nhân nhượng kí với Pháp và Tây Ban Nha "Hiệp ước Hoà bình và Hữu nghị" (Hiệp ước Nhâm Tuất, năm 1862) trong đó có điều khoản nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ và đảo Côn Lôn (nay thuộc huyện Côn Đảo).

Sau năm 1862, bất chấp sự nhân nhượng của triều đình, phong trào kháng chiến của quân dân ta tiếp tục phát triển ở khắp ba tỉnh miền Đông. Ở Bà Rịa, nghĩa quân đốt cháy một thuyền chiến của Pháp, cắt đứt đường dây điện tín Biên Hoà – Bà Rịa (do Pháp thiết lập), phục kích, đánh úp quân Pháp ở phủ lị Phước Tuy.

Năm 1867, quân Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ là: Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Năm 1874, triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Giáp Tuất nhượng cho Pháp sáu tỉnh Nam Kỳ. Từ đây, Nam Kỳ trở thành thuộc địa của Pháp. Phong trào đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta chuyển sang một thời kì mới.

2. Công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân pháp và sự chuyển biến về kinh tế, xã hội ở Bà Rịa – Vũng Tàu đầu thế kỉ xx

Đọc thông tin dưới đây, em hãy trình bày mục đích, nội dung của công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp và sự chuyển biến về kinh tế, xã hội của Bà Rịa – Vũng Tàu do công cuộc khai thác này mang lại vào đầu thế kỉ XX.

a) Công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp

Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, Pháp đầu tư vốn để khai thác các nguồn lợi ở Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong công nghiệp, xây dựng một số nhà máy điện, nhà máy nước nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của giới chức Pháp; xây dựng biệt thự, khách sạn nhằm phục vụ cho du lịch, nghỉ dưỡng.

Hình 2.10. Tháp nước của nhà máy nước Bà Rịa xây dựng đầu thế kỉ XX, nay là Di tích lịch sử Nhà Tròn – Bà Rịa

(Nguồn: Bảo tàng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Trong lĩnh vực giao thông vận tải, Pháp mở rộng và rải đá tuyến đường Sài Gòn – Bà Rịa – Vũng Tàu (Đường thuộc địa số 15), đường bộ nội tỉnh nối liền các trung tâm hành chính, các chợ, các làng cá, các khu dân cư đông đúc, các bãi tắm, xây dựng Tiền cảng, cảng Bến Đình, hải đăng Vũng Tàu.

Trong lĩnh vực thông tin liên lạc, Pháp thiết lập đường dây điện tín Biên Hoà – Bà Rịa, hệ thống liên lạc bằng cáp ngầm nối Sài Gòn với các nước qua trạm Vũng Tàu (Sở dây thép), xây dựng nhà bưu điện Bà Rịa và Cap Saint Jacques[1].

[1] Cap Saint Jacques (Mũi đất Thánh Jacques): là tên gọi Vũng Tàu thời Pháp thuộc.

Trong nông nghiệp, Pháp đẩy mạnh khai hoang vùng đất đỏ badan ở các làng Bình Ba, Xà Bang[1] để lập đồn điền cao su. Năm 1908, Công ty Đồn điền cao su Đông Dương tổ chức khai hoang và lập Đồn điền Gallia ở Bình Ba. Đây là đồn điền cao su thành lập đầu tiên ở Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong thương nghiệp, Pháp nắm độc quyền về thu mua, tiêu thụ muối. Các kho chứa muối lớn được thiết lập dọc theo sông Cỏ May, Chợ Bến.

Bên cạnh đó, ở Bà Rịa – Vũng Tàu, Pháp chú trọng xây dựng các trận địa pháo, cơ sở hậu cần, hệ thống quân sự để phòng thủ Vũng Tàu, bảo vệ cửa ngõ đi vào Sài Gòn.

Hình 2.11. Hải Đăng Vũng Tàu, xây dựng năm 1913

(Nguồn: Bảo tàng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Hình 2.12. Bưu điện Cap Saint Jacques, năm 1925

(Nguồn: Địa chí Bà Rịa – Vũng Tàu)

b) Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội

Công cuộc khai thác thuộc địa của Pháp làm cho nền kinh tế, xã hội ở Bà Rịa – Vũng Tàu bước đầu có sự chuyển biến.

Về kinh tế

Do tác động của công cuộc khai thác thuộc địa, kinh tế Bà Rịa – Vũng Tàu có sự chuyển biến, cơ cấu kinh tế có sự thay đổi.

Trong công nghiệp, xuất hiện một số một số ngành kinh tế mới như: công nghiệp điện, nước sinh hoạt, dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng,...

Trong nông nghiệp, nhiều đồn điền trồng cây cao su ra đời, diện tích trồng cây cao su tăng.

Trong lĩnh vực giao thông vận tải, Bà Rịa – Vũng Tàu có một hệ thống đường thủy bộ rộng khắp, kết nối các địa phương trong tỉnh và với các tỉnh khác trong vùng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, lưu thông hàng hóa; nhiều phương tiện giao thông vận tải được sử dụng ngày càng phổ biến như: ô tô (ô tô chở khách, vận tải), ca nô, tàu thủy chạy bằng máy hơi nước có trọng tải lớn, vận tốc nhanh hơn.

Trong lĩnh vực thương nghiệp, Pháp nắm độc quyền về thu thuế sản xuất.

---

[2] Nay là xã Bình Ba, Xà Bang thuộc huyện Châu Đức.

Về xã hội

Một số giai cấp, tầng lớp mới xuất hiện trong xã hội là: giai cấp công nhân, tầng lớp tiểu tư sản, tư sản,...

Để có nguồn nhân lực cho việc khai thác, Pháp tăng cường mộ phu vào việc xây dựng hệ thống giao thông, bến cảng, các cơ sở quân sự, đồn điền cao su, sở muối nên Bà Rịa – Vũng Tàu trở thành nơi tập trung đông đảo lực lượng lao động làm thuê. Bà Rịa – Vũng Tàu là nơi có sức thu hút lao động[1] để đáp ứng cho nhu cầu khai thác của Pháp.

Công cuộc khai thác làm cho cơ cấu dân cư ở Bà Rịa – Vũng Tàu có sự thay đổi, số lượng công nhân ngày càng tăng. Với chính sách cướp đất để lập đồn điền, thực dân Pháp "đẩy nông dân và đồng bào dân tộc vào tình trạng bần cùng. Một bộ phận nông dân còn lại, do mất mùa thường xuyên xảy ra, mặt khác, phải gánh chịu sưu cao thuế nặng mà thực dân Pháp và chính quyền phong kiến áp đặt, vì vậy, cuộc sống cơ cực, lầm than"[2].

3. Phong trào yêu nước chống thực dân pháp của nhân dân Bà Rịa – Vũng Tàu (đầu thế kỉ XX đến năm 1930)

Đọc thông tin dưới đây, em hãy khái quát những hoạt động chính của các phong trào yêu nước của nhân dân Bà Rịa – Vũng Tàu vào đầu thế kỉ XX.

Đầu thế kỉ XX, phong trào chống Pháp ở Bà Rịa – Vũng Tàu chuyển sang hình thức tổ chức các hội kín nhằm xây dựng lực lượng chống Pháp lâu dài.

Ở Bà Rịa, Long Điền và Đất Đỏ, hội kín do Phan Văn Khoẻ lãnh đạo, tiến hành các hoạt động vũ trang chống Pháp.

Ở Núi Nứa (Long Sơn), với sự xuất hiện tín ngưỡng ông Trần[3] nhằm tập hợp lực lượng, chờ thời cơ đứng lên đánh Pháp.

Ở Long Điền, nhà sư Huệ Đăng[4] xây dựng chùa Thiên Thai, ra tạp chí *Bát Nhã Âm* cổ vũ tinh thần yêu nước, chống chủ nghĩa thực dân.

Công cuộc khai thác thuộc địa của Pháp ở Bà Rịa – Vũng Tàu dẫn đến sự ra đời của giai cấp công nhân. Bị áp bức, bóc lột nặng nề nên giai cấp công nhân sớm giác ngộ cách mạng, đi đầu trong các cuộc đấu tranh chống phong kiến, thực dân.

---

[1] Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*, tập I (1930 – 1954), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, trang 36.

[1] Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*, Sđd, trang 39.

[2] Ông Trần tên thật là Lê Văn Mưu, quê ở Hà Tiên. Cuối thế kỉ XIX, ông cùng gia quyến và nhiều người thân đến định cư và khai khẩn vùng đất phía đông nam Núi Nứa. Ông khuyên nhủ người dân tu thân theo "Tứ đại trọng ân" (ân tổ tiên, ông bà, cha mẹ; ân đất nước; ân tam bảo và ân đồng bào, nhân loại). "Đạo ở đời" mà ông Trần truyền dạy mang tính dân tộc, thiết thực nên được đông đảo nông dân trong vùng tin theo, là một loại hình tín ngưỡng dân gian độc đáo ở Bà Rịa – Vũng Tàu.

[3] Nhà sư Huệ Đăng tên thật là Lê Quang Hoá, quê ở Bình Định, tham gia phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX. Sau cuộc khởi nghĩa do Mai Xuân Thưởng lãnh đạo thất bại, ông vào Bà Rịa nương náu, rồi xuất gia quy y với pháp danh là Huệ Đăng. Ông khai phá Thạch Động bên chân núi Dinh Cố, dựng chùa Thiên Thai (nay thuộc huyện Long Điền).

LUYỆN TẬP

1. Nêu ý nghĩa lịch sử của công cuộc khai hoang, lập làng của người Việt ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu từ thế kỉ XVII đến nửa đầu thế kỉ XIX.

2. Lập bảng thống kê về tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội ở Bà Rịa – Vũng Tàu trong các thế kỉ thế kỉ XVII – XIX.

3. Lập bảng thống kê các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp của nhân dân Bà Rịa – Vũng Tàu (đầu thế kỉ XX đến năm 1930) theo các tiêu chí như sau (học sinh làm vào vở):

Phong trào	Thời gian (nếu có)	Người lãnh đạo	Nơi diễn ra

VẬN DỤNG

Hãy sưu tầm bài hát, thơ ca hò vè, truyện kể về về lao động khai hoang lập làng trên quê hương Bà Rịa – Vũng Tàu hoặc câu chuyện về người dân Bà Rịa – Vũng Tàu yêu nước chống Pháp đầu thế kỉ XX.

Chủ đề 3

NGÔN NGỮ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

MỤC TIÊU

– Khắc phục được một số lỗi chính tả do ảnh hưởng của ngữ âm địa phương.

– Hiểu được vai trò, giá trị của từ ngữ địa phương và có ý thức sử dụng hợp lí từ ngữ địa phương trong hoạt động giao tiếp.

– Tôn trọng sự khác biệt giữa ngôn ngữ của các vùng, miền.

A. KHẮC PHỤC LỖI CHÍNH TẢ DO ẢNH HƯỞNG CỦA NGỮ ÂM ĐỊA PHƯƠNG

KHỞI ĐỘNG

Nói về những điều em thích khi xem vở ghi chép bài của bạn.

KHÁM PHÁ

I. LỖI CHÍNH TẢ DO ẢNH HƯỞNG CỦA NGỮ ÂM ĐỊA PHƯƠNG

1. Lỗi chính tả là gì?

Chính tả là sự chuẩn hoá hình thức chữ viết của ngôn ngữ. Đó là một hệ thống các quy tắc về cách viết các âm vị, âm tiết, từ, quy tắc sử dụng các dấu câu, quy tắc viết hoa,… được cộng đồng sử dụng chữ viết đó thừa nhận. Sử dụng chữ viết không đảm bảo các quy tắc này sẽ bị xem là mắc lỗi chính tả.

Trong tiếng Việt, ta thường bắt gặp các loại lỗi chính tả như: lỗi viết các phụ âm đầu, vần; lỗi viết thanh điệu, lỗi viết hoa, lỗi viết dấu câu,...

– Lỗi viết các phụ âm đầu: tr/ch, s/x, r/d/gi, g/gh, ng/ngh,…

– Lỗi viết các vần: iu/iêu, ưu/iêu, an/ang, uc/ut,…

– Lỗi về thanh điệu: hỏi/ngã, sắc/nặng,...

– Lỗi viết hoa: tên người, tên địa danh, tên các cơ quan, tổ chức,…

2. Ngữ âm địa phương – một nguyên nhân dẫn đến lỗi chính tả tiếng Việt

Lỗi chính tả khi viết tiếng Việt thường do hai nguyên nhân cơ bản: không nắm được các quy tắc chính tả và phát âm không đúng chuẩn. Nguyên nhân thứ hai bắt nguồn từ chính đặc điểm chữ viết của tiếng Việt – loại chữ ghi âm. Trong tiếng Việt, âm thanh và chữ viết có liên quan chặt chẽ với nhau, phát âm như thế nào sẽ viết lại như thế đó. Cho nên phát âm phải đúng chuẩn. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, người ở mỗi địa phương thường có một số hạn chế khi phát âm, nghĩa là phát âm không đúng chuẩn chính âm. Đây là nguyên nhân dẫn đến lỗi chính tả tiếng Việt.

Với vị trí địa lí đặc biệt, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có sự hội tụ, giao thoa văn hoá và ngôn ngữ của nhiều vùng, miền khác nhau. Tuy nhiên, ngôn ngữ ở Bà Rịa – Vũng Tàu vẫn mang nhiều đặc trưng của phương ngữ Nam Bộ với những hạn chế khi phát âm các phụ âm đầu (s/x, tr/ch, v/d,...), các vần có âm cuối (t/c, n/ng,...). Những hạn chế này dẫn đến lỗi viết các âm, vần có các âm tương ứng (xuất sắc/ xuất xắc, trôi chảy/ chôi chảy, vui vẻ/ dui dẻ, tốc độ/ tốt độ, băn khoăn/băng khoăng,...).

II. CÁCH KHẮC PHỤC LỖI CHÍNH TẢ DO ẢNH HƯỞNG CỦA NGỮ ÂM ĐỊA PHƯƠNG

1. Thực hành các bài tập chính tả

Bài tập chính tả cho học sinh trong nhà trường gồm hai loại: bài tập chính tả lựa chọn và bài tập chính tả bắt buộc. Bài tập chính tả lựa chọn giúp học sinh khắc phục được những lỗi chính tả do cách phát âm địa phương gây ra. Theo đó, học sinh nên thực hành các dạng bài tập như:

– Bài tập nhìn – viết, nghe – viết.

– Bài tập lựa chọn chữ cái hoặc tổ hợp chữ cái ghi âm, vần, tiếng.

– Bài tập lựa chọn thanh điệu.

Thực hành các bài tập chính tả là biện pháp quan trọng và hiệu quả nhất nhằm khắc phục lỗi chính tả nói chung và lỗi chính tả do cách phát âm địa phương gây ra.

2. Luyện phát âm đúng chuẩn chính âm

Chính âm là cách phát âm chuẩn được cộng đồng sử dụng ngôn ngữ thừa nhận. Phát âm đúng chính âm không chỉ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động nói và nghe mà còn góp phần khắc phục được các lỗi chính tả khi viết âm, vần. Để phát âm đúng chuẩn, ta nên luyện phát âm những âm, vần thường phát âm sai, tìm cách nhận ra sự khác biệt giữa các âm, vần có cách phát âm gần giống nhau. Chẳng hạn, giáo viên tổ chức cho học sinh phát âm các phụ âm đầu s/x, tr/ch, các vần có âm cuối là t/c, n/ng kết hợp với việc phân biệt (tìm các nét khác biệt) các âm này.

Ví dụ, phân biệt s và x: s là âm tắc, khi phát âm, miệng mở, lưỡi cong và dùng luồng hơi mạnh (sờ "nặng"); x là âm xát, khi phát âm, miệng mở nhỏ, lưỡi bình thường và dùng luồng hơi nhẹ (xờ "nhẹ").

3. Tìm hiểu nghĩa của từ

Nghĩa của từ là nội dung, sự vật mà từ phản ánh, còn chữ viết hay âm thanh chỉ là hình thức của từ. Nội dung và hình thức chữ viết của từ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Do đó, hiểu nghĩa của từ là cơ sở quan trọng để nhận ra hình thức chữ viết của từ đó. Nói cách khác, hiểu nghĩa của từ giúp con người không bị âm thanh gây nhiễu, cản trở. Chẳng hạn, trong tiếng Việt, chỉ từ *"trôi"* có nghĩa, còn từ *"chôi"* không có (rõ) nghĩa. Hiểu được điều này, người viết sẽ không gặp phải lỗi chính tả khi viết từ *"trôi chảy"*.

Để hiểu được nghĩa của từ, học sinh cần có thói quen đọc sách và tra từ điển tiếng Việt. Nếu đọc sách giúp nhận ra nghĩa của từ trong từng ngữ cảnh thì tra từ điển sẽ xác định được nghĩa của từ một cách đầy đủ, hệ thống hơn. Đọc sách hay tra từ điển còn giúp các em nhận biết chính xác hình thức của từ.

1. Điền âm, vần phù hợp vào dấu (...) trong các trường hợp sau:

a) v hay d

– ...ạm ...ỡ

– ...i ...u

– ...ùng dằng

– chấm ...ứt

b) ac hay at

– xanh m...

– l... đác

– kh... khao

– lệch l...

2. Chọn từ có vần "uôt" hoặc vần "uôc" phù hợp điền vào chỗ trống:

a. Thắt lưng ..... bụng.

b. ..... miệng nói ra.

c. Thẳng đuồn .....

d. Con bạch .....

3. Chọn từ viết đúng chính tả:

☐ vấp dáp	☐ dấp váp	☐ vấp váp
☐ say sưa	☐ say xưa	☐ xay xưa
☐ tranh luận	☐ chanh luận	☐ gianh luận
☐ da diếc	☐ gia diết	☐ da diết
☐ mỏng manh	☐ mõng manh	☐ mong manh
☐ rôm rả	☐ rôm rã	☐ rôm rạ

4. Chọn từ viết đúng:

a. (Giù/dù) ai đi đâu (giề/dề/về) đâu.

Ngã tư Giếng Nước Vũng Tàu chớ (quên/quơn/quêng)

b. Mùi cá theo về thơm (ắn/ắng/ánh) nắng.

Nghe (thân thương/thâng thương/thân thươn) quá Vũng Tàu ơi.

5. Tìm từ viết sai chính tả trong đoạn văn dưới đây và sửa lại cho đúng:

Chắc hẳng, du khách nào đã từng đến Côn Đảo đều được tham quang, tìm hiểu những di tứt lịch sử nói lên sự khắc nghiệc, dã man của chế độ thực dân cũng như trí khí ngoan cường, bền bỉ của những chiến xĩ cách mạng bị đày ải ở nơi đây.

Bạn bè và người thân của em thường mắc phải những lỗi chính tả nào? Nêu cách giúp họ khắc phục được những lỗi chính tả đó.

B. TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG TRONG VĂN BẢN VĂN HỌC

Chia sẻ với bạn những câu tục ngữ, ca dao có từ địa phương.

CHUYỆN TÊN GIÁP

Có tên dân nghèo, gần mãn tháng Chạp, trong mình không có manh áo cho lành, nghĩ qua Tết nhứt lấy chi mà ăn mặc, lén vợ vác một cây hèo ra núp xó mả, chờ có ai đi lẻ bọn chặn mà ăn cướp.

Hồi lâu thấy một người lom khom đi tới, anh ta vác hèo chạy ra, thì là ông già vác bao gạo đứng xó nó hai bên đàng, nói nội mình không có giống gì, chỉ có năm ba cân gạo mới xin bên thằng rể đem về ăn cho đỡ đói. Tên Giáp không nghe, giựt bao gạo, lại muốn lột cái áo rách của ông già, ông già năn nỉ lắm mới thôi. Giáp vác gạo về, vợ hỏi gạo ở đâu. Giáp nói dối rằng gạo người ta tụi tiền cờ bạc, chớ gạo ở đâu!

Giáp nghĩ chước ấy hay, ngày sau lại ăn quen đi nữa, hồi lâu thấy một người vác đoản côn cũng tới tại gò mả, ngồi chồm hổm ngó mong, coi ý cũng là một người đồng đạo. Giáp thụt lui trở ra, tên kia thất kinh hỏi ai vậy? Giáp nói là người đi đàng. Hỏi sao không đi? Giáp nói tôi đợi anh. Tên kia cười. Hai đàng hiểu ý nhau, nói chuyện nghèo khổ. Canh khuya không đặng vật gì, tên Giáp buồn ý muốn về. Tên kia nói: Anh đi làm nghề, mà coi ý còn quê, xóm trước kia có nhà gả con lấy chồng, dọn dẹp cả đêm, lẽ nào cũng mỏi mệt, thôi anh theo tôi, có được sẽ chia đôi. Giáp mừng đi theo tới cửa ngõ, cách vách nghe nấu bánh, biết trong nhà chưa ngủ, rình bên vách. Một chặp có người mở cửa đi gánh nước, hai người lẻn vào, thấy đèn leo lét để đàng phía chái, nhà trong thì tối đen. Một người đàn bà nói: Con Hai chịu khó đi coi nhà trong, đồ đạc con để trong rương, không biết đã khoá chưa. Nghe tiếng con gái nho nhỏ, nói giọng chả chớt, làm biếng, hai người mừng thầm, ẩn bóng chạy vào nhà trong, mà nhằm cái rương, giở nắp thăm coi nghe sâu hôm. Tên kia nói thầm biểu Giáp chun vào lấy được một gói đưa ra. Tên kia hỏi còn hết? Giáp nói hết. Tên kia gạt Giáp, biểu mò nữa, (rồi hắn) sẽ lén đậy nắp rương khoá lại rồi bước rảo đi mất. Giáp ở trong rương lúng túng một hồi, thấy đèn sáng rọi vào, nghe một người đàn bà nói: Ai đã khoá rồi. Hai mẹ con đem nhau lên giường, tắt đèn mà ngủ. Giáp lục đục không biết làm chước gì mà ra cho khỏi, mới giả làm chuột cạp sột sột trong rương, đứa con gái nghe, kêu mẹ nói trong rương có chuột. Người mẹ nói: Tao mệt quá, mầy phải đi coi kẻo nó cắn hết áo quần mầy. Đứa con gái chờ dậy lấy khoá mở rương, Giáp ở trong rương chờn vờn

nhảy ra, đứa con gái hoảng kinh ngã ngửa. Giáp "rầm" chạy đại, dầu không đặng chi... mà cũng mừng khỏi hoạ.

Nhà gái bị ăn trộm đồn ra, có kẻ nghi cho Giáp. Giáp sợ trốn đi xứ xa, ở với nhà giàu làm thuê mướn; việc nguôi ngoài rồi mới dám trở về làm ăn, bỏ nghiệp du côn.

(Theo Huỳnh Tịnh Của, *Chuyện giải buồn* – quyển II, Bản in Quản Hạt, Sài Gòn, 1895)

1. Truyện kể về việc gì?

2. Tìm từ có nghĩa tương đương với các từ sau:

mãn	
nhứt	
hèo	
xó ró	
giựt	
thất kinh	
chả chớt	
làm biếng	
đặng	

3. Em có nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ của tác giả trong câu chuyện?

4. Em hãy viết lại câu chuyện trên theo ngôn ngữ phổ thông hiện nay.

Theo em, sử dụng từ ngữ địa phương như thế nào là phù hợp?

C. LUYỆN TẬP NHẬN DIỆN VÀ SỬ DỤNG CHỮ VIẾT TIẾNG VIỆT

KHỞI ĐỘNG

Chơi trò chơi *Người thư kí tài ba:* Nghe – viết lại những tiếng, từ có trong một câu mà bạn đọc hoặc nói.

LUYỆN TẬP

1. Tìm các từ viết đúng:

a. xinh sắn, xinh xắn, sinh sắn, sinh xắn

b. trẻ chung, chẻ trung, trẽ trung, trẻ trung

c. hiễu biết, hiểu biết, hiểu biếc, hiễu bít.

d. cẩn thậng, cẩn thậng, cẫn thận, cẩn thận

2. Đặt câu với mỗi tiếng hoặc từ sau:

a. ra – da

b. mai – may

c. buôn – buông

d. có ích – có ít

3. Viết từ ngữ địa phương có nghĩa tương đương với các từ toàn dân sau:

Từ toàn dân	Phương ngữ Nam Bộ
Cốc	
Bát	
Mãi	
Nói dối	
Vừng	
Nhanh	
Quả	
Lạc	

VẬN DỤNG

Lập sổ tay những từ ngữ thường viết sai do phát âm:

a. Phụ âm đầu

b. Vần

c. Thanh điệu

Chủ đề 4

MỘT SỐ NHẠC SĨ TIÊU BIỂU TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

MỤC TIÊU

– Kể được tên một số nhạc sĩ địa phương và nêu được cuộc đời, sự nghiệp âm nhạc của các nhạc sĩ.

– Nghe, cảm thụ, nêu được nội dung và tính chất âm nhạc một số tác phẩm âm nhạc tiêu biểu của các nhạc sĩ.

– Hát bài *Yêu sao! Bà Rịa – Vũng Tàu* kết hợp với gõ đệm và vận động cơ thể.

– Biểu diễn bài hát kết hợp với nhạc cụ theo hình thức đơn ca, song ca hoặc tốp ca.

KHỞI ĐỘNG

– Em hãy kể tên một số bài hát của các nhạc sĩ ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu mà em biết hoặc đã được học.

– Quan sát các hình và cho biết

+ Tên các chương trình, hoạt động trên.

+ Các chương trình, hoạt động trên có ý nghĩa gì đối với các nhạc sĩ ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hình 4.1.

(Nguồn: baobariavungtau.com.vn)

Hình 4.2.

(Nguồn: baobariavungtau.com.vn)

Hình 4.3.

(Nguồn: baobariavungtau.com.vn)

KHÁM PHÁ

I. GIỚI THIỆU CÁC NHẠC SĨ Ở TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Dựa vào thông tin trong mục I, em hãy:

– Tóm tắt tiểu sử các nhạc sĩ Hoàng Hà, Đặng Khắc Mâu, Võ Lê, Hoài Nhơn, Hồng Sơn.

– Cho biết tác phẩm tiêu biểu của các nhạc sĩ trên.

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là nơi hội tụ nhiều nhạc sĩ có đóng góp lớn cho nền nghệ thuật âm nhạc tỉnh nhà. Trong đó phải kể đến các nhạc sĩ như Hoàng Hà, Hoàng Lương, Thiên Toàn, Võ Lê, Đặng Khắc Mâu, Đỗ Thanh Khang,... Trong Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lớp 8 giới thiệu một số nhạc sĩ tiêu biểu sau:.

1. Nhạc sĩ Hoàng Hà (1929 – 2013)

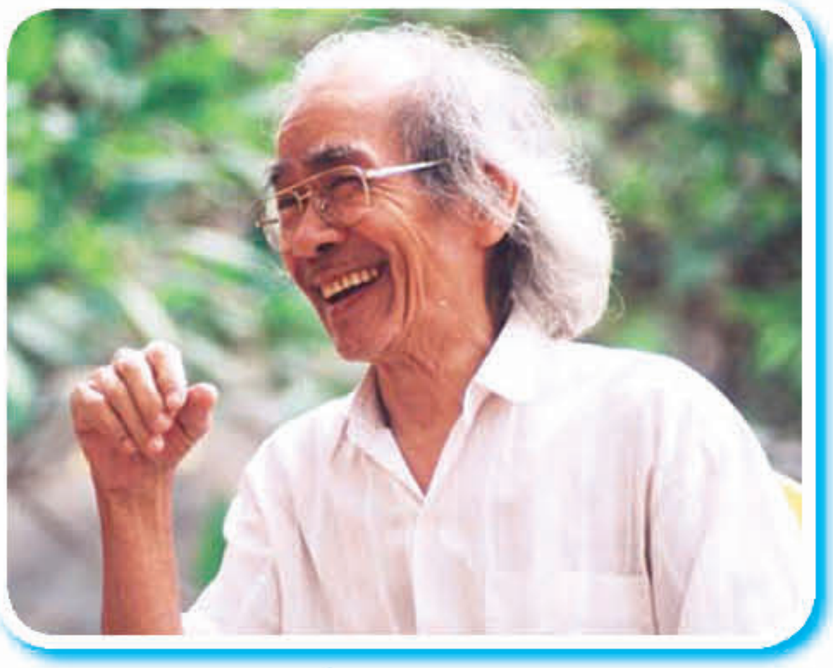

Hình 4.4. Cố nhạc sĩ Hoàng Hà *(Nguồn: vov.vn)*

Nhạc sĩ Hoàng Hà (tên thật là Hoàng Phi Hồng, bút danh khác là Cẩm La). Thuở nhỏ ông sống cùng gia đình, ngôi nhà của ông bên Hồ Tây lúc bấy giờ là chốn đi về của những đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Bá Khoảng,... trong những ngày đầu hoạt động cách mạng. Ngay từ lúc còn nhỏ, Hoàng Hà đã sớm được tiếp xúc với âm nhạc dân tộc từ những bài hát mà mẹ ông thường hát cho nghe. Chưa đầy 3 tuổi ông được người cha tặng cho một cây đàn và đã mê mẩn âm nhạc từ thuở đó. Năm 1945, khi tham gia kháng chiến, là một thanh niên trẻ – một chiến sĩ cách mạng trẻ, ông đã không ngần ngại khó khăn, say mê tìm hiểu, tự học và theo nhạc sĩ Lưu Hữu Phước học sáng tác, tiếp cận âm nhạc bài bản trong một thời gian dài và đã sáng tác nhiều ca khúc có tiếng vang ca ngợi cuộc đấu tranh chống quân xâm lược của nhân dân ta,… Năm 1957, ông tham dự Đại hội thành lập Hội Nhạc sĩ Việt Nam với tư cách là người sáng lập. Mãi đến năm 1962 nhạc sĩ Hoàng Hà mới có điều kiện chính thức theo học tại Trường Âm nhạc Việt Nam – nay là Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam. Đến những năm 1970, tên tuổi của ông được khẳng định trong nền âm nhạc cách mạng Việt Nam với những ca khúc như: *Tiếng hát ngày thứ bảy, Làng ta làm thuế*,... Trong đó, ca khúc *Đất nước trọn niềm vui* được quần chúng, nhân dân yêu thích và được Đài tiếng nói Việt Nam phát đi khắp cả nước vào cuối thời kì kháng chiến chống Mỹ năm 1975. Có thể thấy các tác phẩm của ông thể hiện tình yêu sâu sắc, ca ngợi quê hương, đất nước, ca ngợi lí tưởng cách mạng và hình ảnh người chiến sĩ trường sơn anh hùng, lạc quan,…

Đến năm 1985, ông đến định cư tại thành phố Vũng Tàu, sau hơn 40 năm sinh sống tại miền Nam và đã sáng tác các ca khúc rất đa dạng từ thiếu nhi cho đến biển đảo, quê hương,... góp phần cho nền âm nhạc của tỉnh nhà và đất nước thêm phong phú. Trong sự nghiệp sáng tác, ông đạt được nhiều giải thưởng với các tác phẩm như:

Huy chương vàng liên hoan ca múa Á – Phi với tác phẩm nhạc múa Nhân dân Đông dương đoàn kết chống xâm lược Mỹ năm 1970; Giải A của Uỷ ban Thiếu niên – Nhi đồng với ca khúc *Con Mèo ra bờ sông* năm 1967; Giải nhì của giải thưởng âm nhạc Hội nhạc sĩ Việt Nam với ca khúc *Mang theo mùa đông* năm 1997; Giải nhất của giải thưởng âm nhạc Hội nhạc sĩ Việt Nam với ca khúc *Tiếng rừng dương* năm 2002; Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật cho tác phẩm *Hợp xướng Côn Đảo*, các ca khúc *Gặp nhau trên đỉnh Trường Sơn, Cùng hành quân giữa mùa xuân, Đất nước trọn niềm vui, Tiếng rừng dương*.

Tháng 9 năm 2013, ông mất tại bệnh viện vì tuổi cao sức yếu. Ông để lại những ca khúc sống mãi với thời gian như *Đất nước trọn niềm vui, Cùng hành quân giữa mùa xuân, Chú bộ đội, Hoa lá chào xuân, Giao hưởng hợp xướng Côn Đảo,…* Đó chỉ là tiêu biểu trong hơn nửa nghìn tác phẩm cả ca khúc, nhạc không lời, nhạc múa, nhạc phim, nhạc hiệu ông đã viết, nay không còn là của riêng ông mà của mọi người.

2. Nhạc sĩ Đặng Khắc Mâu (sinh năm 1936)

Hình 4.5. Nhạc sĩ Đặng Khắc Mâu
(Nguồn: baobariavungtau.com)

Nhạc sĩ Đặng Khắc Mâu có bút danh là Hồng Giang, quê ở tỉnh Hải Dương, nguyên công tác tại Hội Văn nghệ Hải Dương. Hiện nay, ông đã về hưu và sinh sống tại thành phố Vũng Tàu.

Ông tham gia hoạt động âm nhạc từ những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp. Sau đó, ông học sáng tác ở Trường Âm nhạc Việt Nam từ năm 1962. Ra trường, ông về làm cán bộ Phòng Văn nghệ của Ty Văn hoá tỉnh Hải Dương. Đến khi nghỉ hưu ông vào thành phố Vũng Tàu sinh sống và tích cực tham gia các hoạt động văn nghệ như: hội viên Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam, hội viên Hội Văn học – Nghệ thuật tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,…

Ông còn là một trong những người đã thành công khi mang được chất liệu dân ca, làn điệu cải lương, chầu văn vào các bài hát, biến hoá trong nhiều thể loại làm cho tác phẩm không những hay hơn mà còn mang nhiều màu sắc phong phú. Không chỉ giỏi về sáng tác, ông còn có khả năng chơi nhiều loại nhạc cụ: đàn tranh, đàn nguyệt, lục huyền cầm, đàn organ,…

Những ca khúc của ông được biểu diễn nhiều trong các cuộc liên hoan, hội thi với những tác phẩm tiêu biểu như: *Bài ca người cao tuổi Việt Nam, Hát mừng 30 – 4, Vũng Tàu thành phố yêu thương, Hướng về đất tổ Hùng Vương, Người nữ anh hùng trên miền Đất Đỏ,…* Trong đó, ca khúc *Hướng về đất tổ Hùng Vương* đã từng đạt giải Nhất Hội diễn nghệ thuật quần chúng người cao tuổi thành phố Vũng Tàu năm 2009 và trở thành một trong những ca khúc được sử dụng nhiều nhất tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào dịp giỗ Tổ Hùng Vương hằng năm.

3. Nhạc sĩ Võ Lê (sinh năm 1954)

Hình 4.6. Nhạc sĩ Võ Lê
(Nguồn: Nhạc sĩ cung cấp)

Nhạc sĩ Võ Lê tên thật là Võ Văn Tư, sinh sống và làm việc tại thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Với vốn kiến thức có được nhờ học lớp đàn mandolin thời niên thiếu và học thêm thanh nhạc, sáng tác từ các nhạc sĩ nổi danh thế hệ trước, đến năm 1968, ông đã đạt giải 4 vòng chung kết trong cuộc thi Tuyển chọn ca sĩ của Đài phát thanh Sài Gòn.

Năm 1992, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Nhà văn hoá thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu). Đến năm 1999, ông được điều chuyển công tác làm Giám đốc Trung tâm Văn hoá tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngoài nhiệm vụ quản lí, ông còn dành thời gian tham gia sáng tác, dàn dựng, chỉ đạo nghệ thuật các chương trình biểu diễn, liên hoan của tỉnh nhà và dự thi cấp khu vực, toàn quốc đạt nhiều thành tích cao; chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu âm nhạc, lễ hội dân gian của đồng bào dân tộc Chơ Ro,...

Sau gần 50 năm ông đã sáng tác trên 200 ca khúc với các đề tài được nhiều người đón nhận, đạt nhiều giải thưởng như: *Hồ Chí Minh ngời sáng một hành trình; Yêu sao! Bà Rịa – Vũng Tàu* (đạt tiết mục xuất sắc trong buổi Liên hoan âm nhạc khu vực phía Nam); *Bà Rịa – Vũng Tàu mãi thắm tươi xuân; Em là nguồn sống niềm vui* (đạt Giải Khuyến khích của Hội Nhạc sĩ Việt Nam); *Nhớ về biển, đất nơi đây, xa!* (đạt Giải C Hội Nhạc sĩ Việt Nam),...

Với những nỗ lực, đóng góp cho hoạt động văn hoá, văn học nghệ thuật, ông đã vinh dự được nhận Huân chương lao động Hạng ba của Chủ tịch nước năm 2012, bằng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2009, huy chương, kỉ niệm chương của Bộ Văn hoá – Thông tin (Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) năm 2000, liên hiệp các Hội Văn hoá nghệ thuật Việt Nam năm 2014,... Ông được kết nạp vào hội viên Hội văn học nghệ thuật tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 1984, Hội viên hội nhạc sĩ Việt Nam năm 2007. Hiện nay, ông là chi hội trưởng Chi hội Nhạc sĩ Việt Nam tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

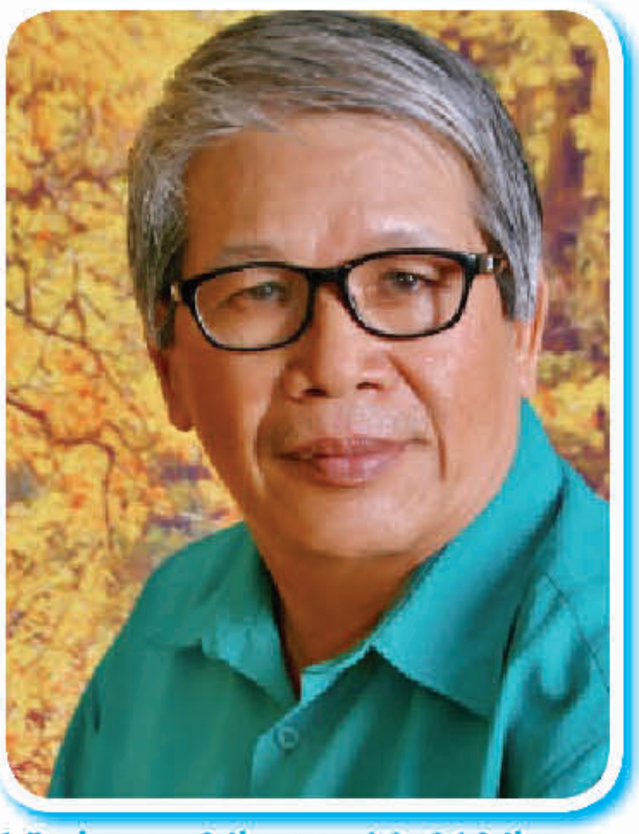

Hình 4.7. Nhạc sĩ Hoài Nhơn
(Nguồn: Nhạc sĩ cung cấp)

4. Nhạc sĩ Hoài Nhơn (sinh năm 1957)

Nhạc sĩ Hoài Nhơn (tên thật là Điểu Hoài Nhơn), là một người con ưu tú của dân tộc Xtiêng, quê ở tỉnh Bình Phước. Năm 1968, ông bắt đầu chuyển đến thành phố Vũng Tàu sinh sống và xem nơi đây như là quê hương thứ hai của mình. Từ nhỏ, với lòng đam mê âm nhạc, ông bước vào con đường sáng tác với vốn kiến thức âm nhạc tự học và những khoá bồi dưỡng ngắn hạn của một số nhạc sĩ tên tuổi ở Việt Nam.

Đến những năm 1974, ông viết những ca khúc đầu tay và nhiều năm sau đã có những tác phẩm nổi tiếng trong đó phải kể đến ca khúc *Vũng Tàu – Thành phố mùa xuân*

(1984 – 1985) được Đài tiếng nói Việt Nam, Đoàn ca múa nhạc và Đài phát thanh truyền hình tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sử dụng.

Sau hơn 50 năm hoạt động trong âm nhạc, ông đã sáng tác hơn 100 ca khúc với thể loại khá đa dạng về quê hương, tình yêu và đất nước. Trong đó các ca khúc nổi tiếng có thể kể đến như: *Nói với lòng mình, Lối xưa, Hương rừng cao su, Đẹp sao Bà Rịa – Vũng Tàu* và đặc biệt với ca khúc *Khi cơn bão qua* được ông lấy cảm xúc từ câu chuyện có thật trong cơn bão năm 2006.

5. Nhạc sĩ Hồng Sơn (sinh năm 1967)

Hình 4.8. Nhạc sĩ Hồng Sơn
(Nguồn: Nhạc sĩ cung cấp)

Nhạc sĩ Hồng Sơn (tên thật là Nguyễn Hồng Sơn) quê ở tỉnh Hà Nam, hiện nay sống và làm việc tại thành phố Vũng Tàu. Từ nhỏ, với năng khiếu nghệ thuật, ông đã tự học nhạc lí và sáng tác, tự học đàn guitar và đàn bầu,... Vào năm 1998, ông bắt đầu tập trung vào việc học và đã tốt nghiệp trường Đại học văn hoá nghệ thuật Quân đội.

Trong quá trình hoạt động ở môi trường âm nhạc, ông sáng tác rất nhiều ca khúc với nội dung về quê hương, biển đảo, người lính, người chiến sĩ hải quân,... Trong đó, có thể kể đến những tác phẩm như: *Hát mãi những chiến công* (được Đài truyền hình nhân dân phát sóng giới thiệu vào năm 2021), *Tâm tình người chiến sĩ nhà giàn* (được Đài truyền hình Việt Nam – HTV9 phát trực tiếp vào năm 2014), *Mùa xuân trên thành phố trẻ, Tình yêu bên cánh sóng, Vũng Tàu thành phố đẹp giàu, Thành phố bên bờ Biển Đông,...*

Bên cạnh việc sáng tác âm nhạc, ông còn tham gia dàn dựng các chương trình nghệ thuật và đạt được giải thưởng cao như: Liên hoan nghệ thuật quần chúng Quân chủng Hải quân năm 2019, Chào mừng 10 năm ngày thành lập Bộ Tư lệnh Vùng 2 Hải quân năm 2019,... Sau nhiều năm gắn bó với các hoạt động của chiến sĩ trên các đảo và nhà giàn (nơi đây đã mang đến nhiều tâm tư, cảm xúc cho việc sáng tác) ông đã được mọi người dành tặng danh hiệu "Nhạc sĩ của nhà giàn", "Nhạc sĩ của biển đảo".

II. GIỚI THIỆU CÁC TÁC PHẨM ÂM NHẠC CỦA CÁC NHẠC SĨ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Dựa vào các thông tin dưới đây, em hãy nghe và nêu cảm nhận về các bài hát sau:

– Thành phố bên bờ Biển Đông

– Yêu sao! Bà Rịa – Vũng Tàu

– Minh Đạm ơi! Đẹp mãi một tình yêu

1. Bài hát *Thành phố bên bờ Biển Đông*

THÀNH PHỐ BÊN BỜ BIỂN ĐÔNG

Trong sáng, tự hào

Nhạc và lời: Hồng Sơn

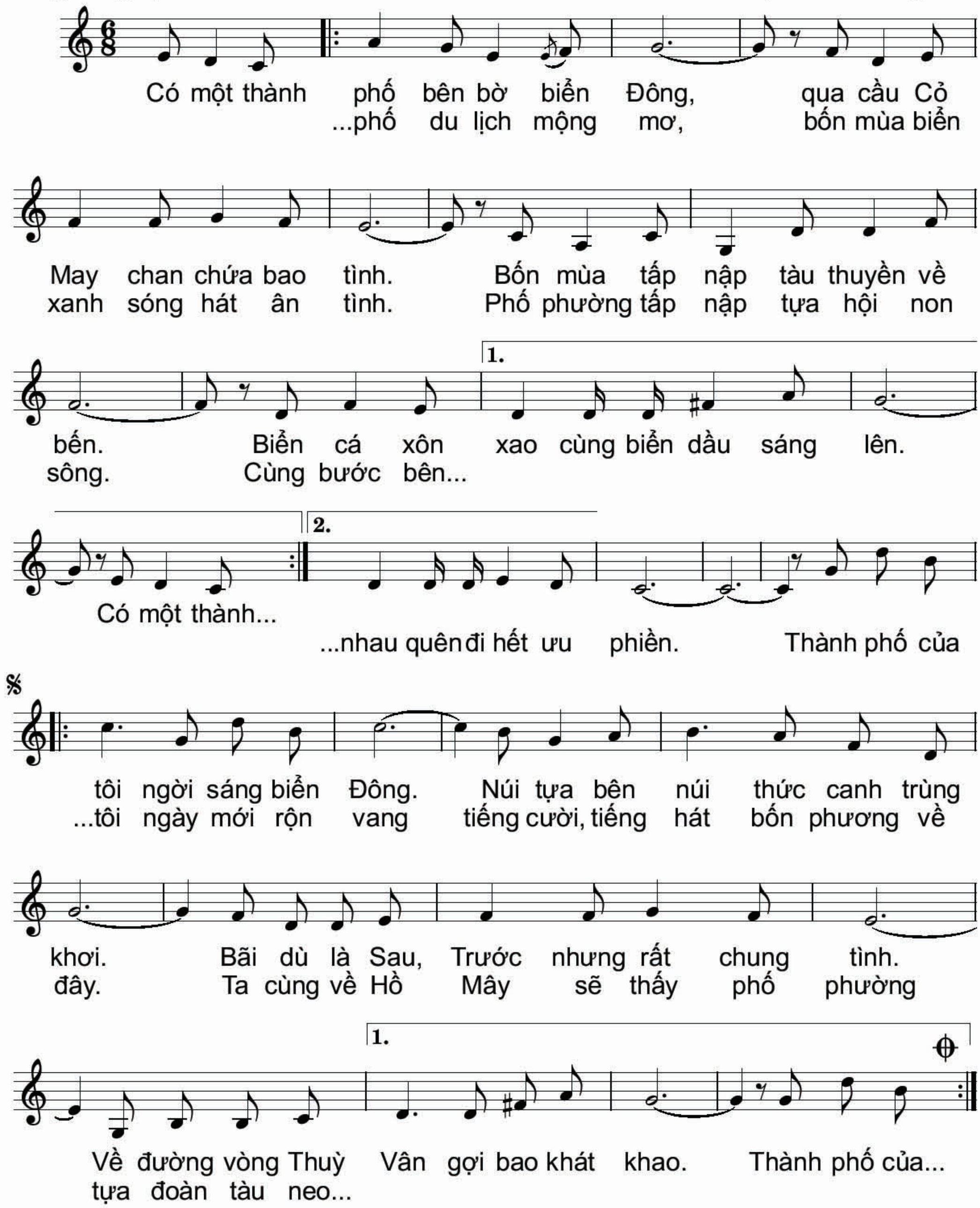

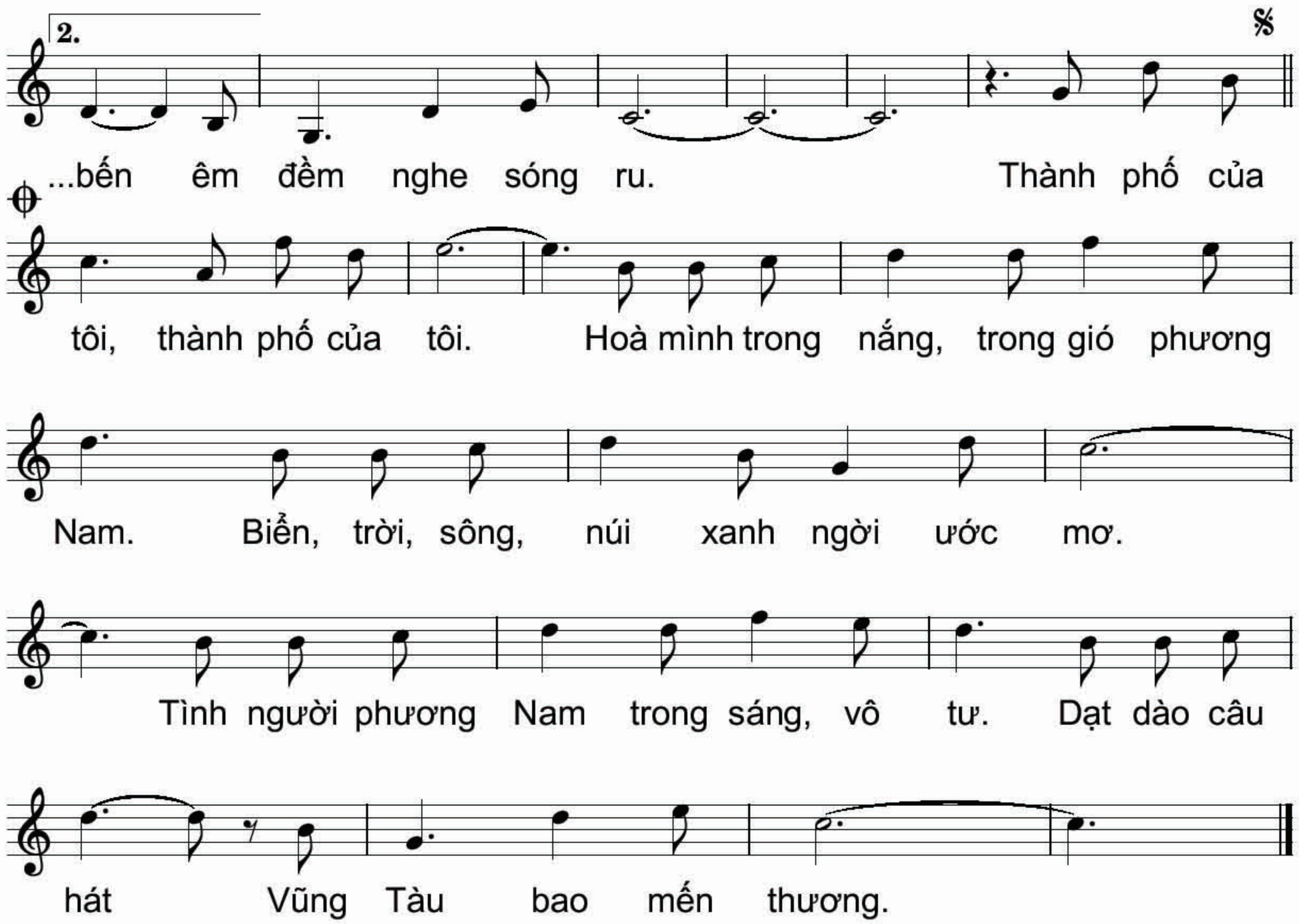

Tìm hiểu bài hát:

Thành phố bên bờ Biển Đông là một bài hát được nhạc sĩ Hồng Sơn sáng tác. Bài hát mang tính chất trữ tình, có giai điệu trong sáng và tiết tấu nhịp nhàng. Lời ca được tác giả sử dụng các từ ngữ chân thành để miêu tả vẻ đẹp của thành phố Vũng Tàu; nội dung bài hát thể hiện niềm tự hào về quê hương mình. Bài hát có cấu trúc 2 đoạn: đoạn 1 từ đầu đến "*… quên đi hết ưu phiền*"; đoạn 2 là phần còn lại.

2. Bài hát *Yêu sao! Bà Rịa – Vũng Tàu*

YÊU SAO! BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Nhạc và lời: Võ Lê

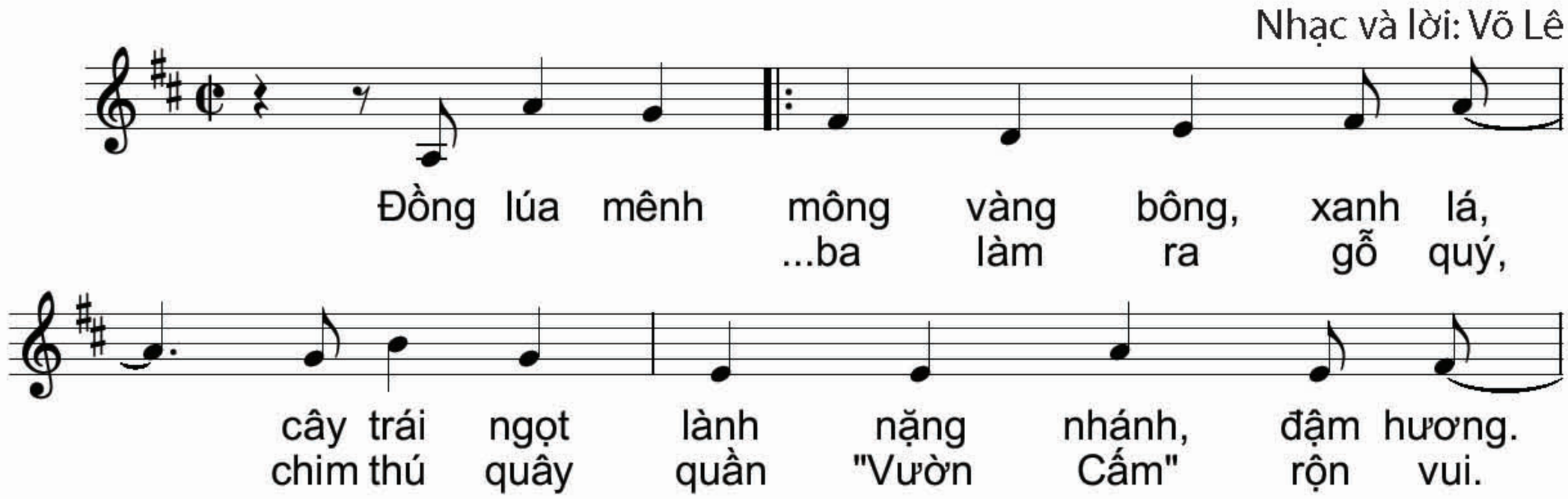

Từng trãi chiến chinh núi Dinh, Minh Đạm.
Biển sóng múa ca khách xa gọi mời.

1.
Lung linh huyền thoại "Dinh Cô", "Dinh Cô". Rừng chắn phong

2.
...Rực sáng giàn khoan, thuyền mang cá về.

Ôi! yêu sao hình dáng quê hương như bức tranh màu,
Ôi! yêu sao truyền thống ông cha mở đất bao đời,

sức sống dâng trào như biển rừng núi đất, rạng rỡ tươi
chiến đấu giữ gìn cho ngày sau con cháu tiếp bước trên...

1.
hồng như tuổi trẻ hai mươi.

2.
...đường xây đẹp giàu quê

hương. Bà ...Rịa Vũng Tàu ơi! Bà
Rịa Vũng Tàu ơi! Bà

Rịa Vũng Tàu ơi! (Bà...
Rịa Vũng Tàu... ...ơi!

Tìm hiểu bài hát:

Bài hát *Yêu sao! Bà Rịa – Vũng Tàu* là một tác phẩm của nhạc sĩ Võ Lê sáng tác. Bài hát có tính chất âm nhạc vui tươi, rộn rã cùng với lời ca bình dị, trong trẻo. Nội dung bài hát ca ngợi thiên nhiên, cuộc sống tươi đẹp và gửi thông điệp đến mọi người hãy chung tay xây dựng quê hương. Bài hát có cấu trúc 2 đoạn: đoạn 1 từ đầu đến *"...thuyền mang cá về"*, đoạn 2 phần còn lại.

3. Bài hát *Minh Đạm! Đẹp mãi một tình yêu*

MINH ĐẠM! ĐẸP MÃI MỘT TÌNH YÊU

Nhạc và lời: Hoài Nhơn

Tôi về đây thăm lại chiến khu xưa. Minh Đạm
...xưa dẫu rừng núi âm u. Luôn nằm

ơi giờ đã nhiều đổi thay. Con đường rộng lượn quanh theo triền
trong tầm nhắm của quân thù. Nay trở lại gợi lên bao nỗi

núi. Tươi thắm màu ngói đỏ giữa ngàn xanh. Minh Đạm...
nhớ. Như tất...

...cả mới chỉ vừa hôm qua. Nhớ những ngày đầy gian
Nhớ mỗi trận giặc càn

khó. Đạn bom thù cay xới nát quê hương. Chúng tôi
quét. Là mỗi lần chịu mất mát hi sinh. Có người

đến từ khắp mọi miền. Theo tiếng gọi Tổ quốc thiêng liêng.
đã ngã xuống lâu...

...rồi, mà xương thịt chẳng biết giờ nằm đâu? Nay về

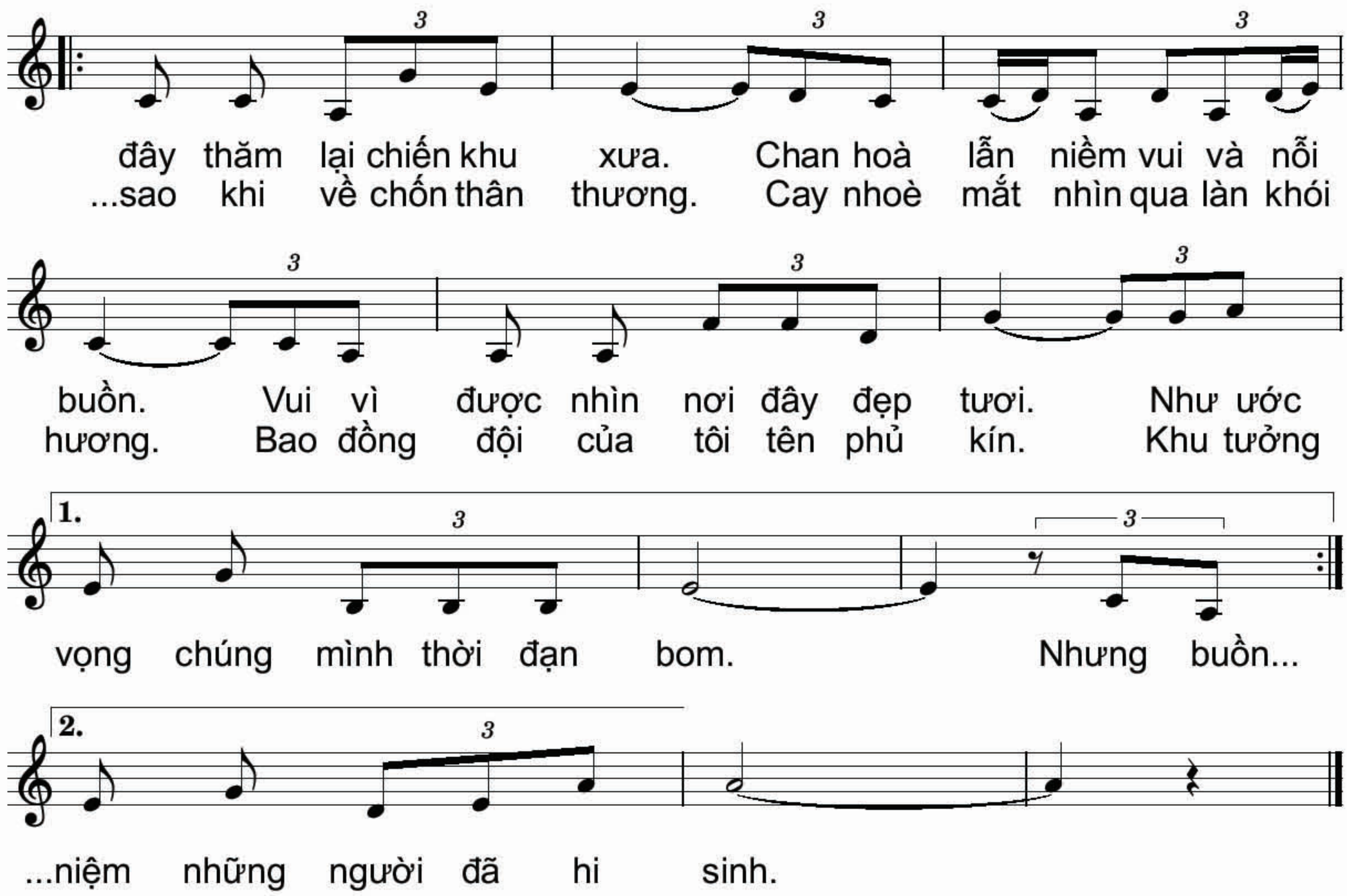

Tìm hiểu bài hát:

Minh Đạm! Đẹp mãi một tình yêu là một bài hát được nhạc sĩ Hoài Nhơn sáng tác vào năm 2007. Giai điệu của bài hát mềm mại, dàn trải cùng với lời ca sâu lắng, tâm tình. Nội dung bài hát nói lên sự hi sinh anh dũng của người dân quê hương Minh Đạm. Bài hát có cấu trúc 3 đoạn: đoạn 1 từ đầu đến "*…chỉ vừa hôm qua*", đoạn 2 từ "*Nhớ những ngày đầy gian khổ…*" đến "*…chẳng biết giờ nằm đâu?*", đoạn 3 là phần còn lại.

LUYỆN TẬP

1. Nghe bài *Thành phố bên bờ Biển Đông* (nhạc và lời: Hồng Sơn) và sáng tạo mẫu vận động cơ thể phù hợp với tính chất của bài hát.

2. Tập hát bài hát *Yêu sao! Bà Rịa – Vũng Tàu*

Hướng dẫn thực hành hát:

– Nghe bài hát và vỗ tay theo phách.

– Tập hát từng câu theo lối móc xích và ghép lại cả bài.

– Giọng hát tự nhiên, ngân vang; phát âm mềm mại và rõ lời.

– Hát kết hợp vận động cảm thụ phù hợp với tính chất âm nhạc của bài hát.

3. Gõ đệm

– Gõ đệm cho bài hát *Yêu sao! Bà Rịa – Vũng Tàu* theo mẫu sau:

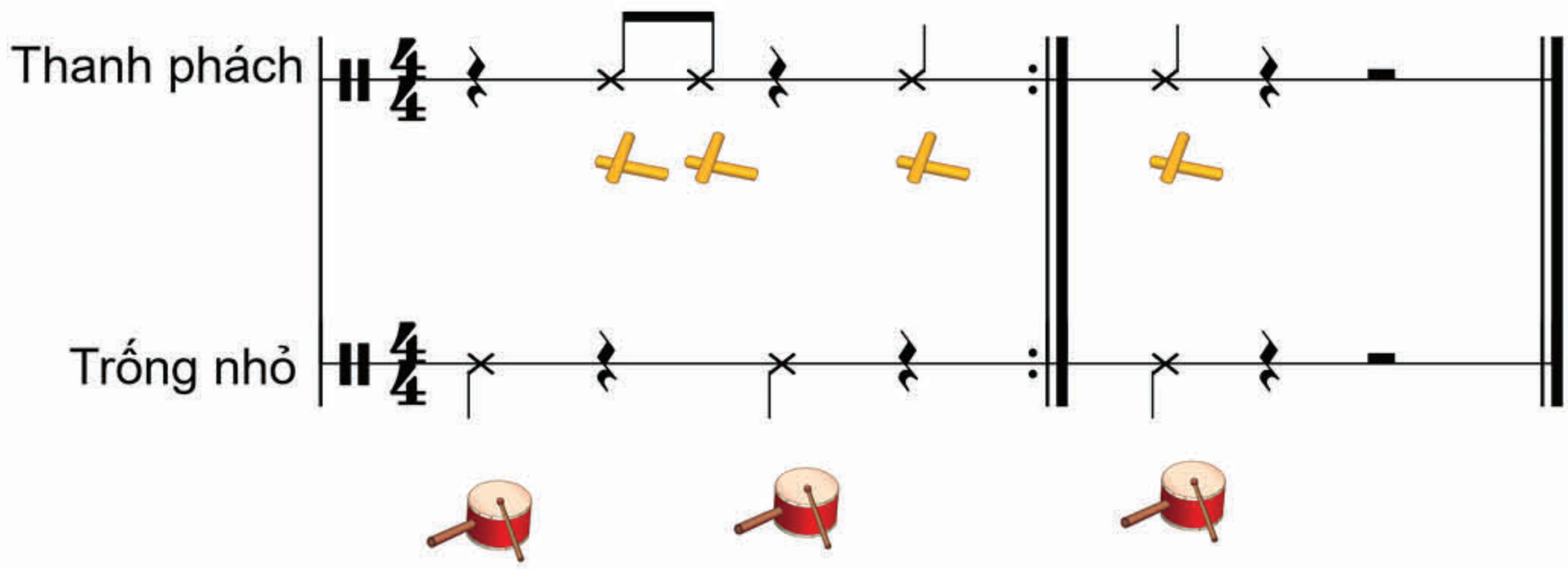

– Hát kết hợp gõ đệm, thể hiện tính chất tươi vui, rộn rã của bài hát.

VẬN DỤNG

1. Em hãy dàn dựng bài hát *Yêu sao! Bà Rịa – Vũng Tàu* hoặc một bài hát khác của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (theo hình thức đơn ca, tốp ca, hát kết hợp gõ đệm, ca múa,...) và biểu diễn trong dịp lễ của nhà trường.

2. Em hãy tìm hiểu thông tin của một số nhạc sĩ khác ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để giới thiệu cho bạn bè.

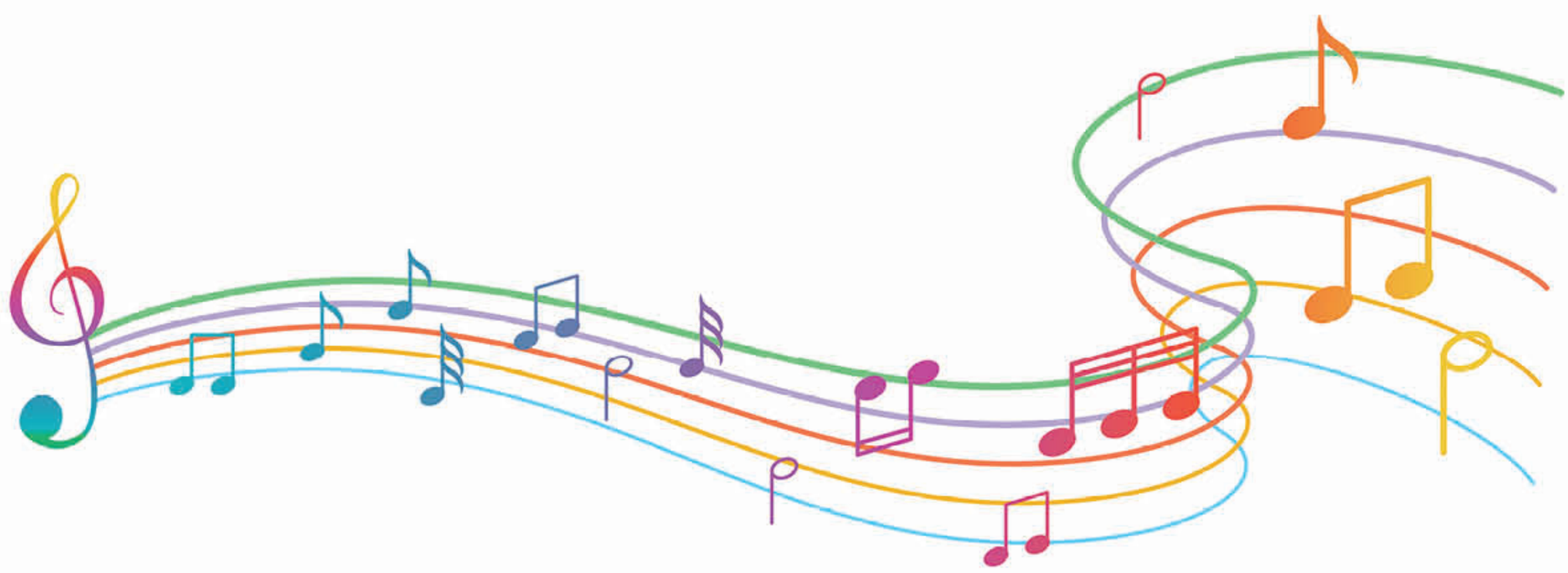

Chủ đề 5

CHÂN DUNG MỘT SỐ HOẠ SĨ, NGHỆ NHÂN CỦA TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

MỤC TIÊU

– Trình bày được tiểu sử, tác phẩm mĩ thuật, sản phẩm thủ công mĩ nghệ của một số hoạ sĩ, nghệ nhân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

– Giới thiệu được vẻ đẹp tạo hình trong một số tác phẩm mĩ thuật, sản phẩm thủ công mĩ nghệ của các hoạ sĩ, nghệ nhân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

– Thực hiện được sản phẩm mĩ thuật về chủ đề quê hương Bà Rịa – Vũng Tàu

– Biết trân trọng sự sáng tạo nghệ thuật của các hoạ sĩ, nghệ nhân ở địa phương.

KHỞI ĐỘNG

1. Học sinh xem một số tác phẩm mĩ thuật của hoạ sĩ Bà Rịa – Vũng Tàu

Hãy kể tên một vài hoạ sĩ ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu mà em biết.

Hình 5.1. **Lê Minh**, *Hòn Trầu Vũng Tàu*, sơn dầu
(Nguồn: Tác giả)

Hình 5.2. **Lê Minh**, *Hoa lê ki ma*, acrylic
(Nguồn: Tác giả)

Hình 5.3. **Mai Thanh Thìn**, *Màu cuộc sống*, màu bột
(Nguồn: Tác giả)

Hình 5.4. **Mai Thanh Thìn**, *Tĩnh vật*, sơn dầu
(Nguồn: Tác giả)

Hình 5.5. **Văn Lương**, *Chờ giặc*, sơn dầu
(Nguồn: Tác giả)

Hình 5.6. **Văn Lương**, *Bà, Cháu làm chông*, sơn dầu
(Nguồn: Tác giả)

2. Học sinh xem một số sản phẩm thủ công mĩ nghệ của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

– Em hãy kể tên một vài sản phẩm thủ công mĩ nghệ của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

– Em hãy tìm hiểu và kể tên một vài nghệ nhân chuyên chế tác sản phẩm thủ công mĩ nghệ ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu mà em biết.

Hình 5.7. Thuyền buồm từ vỏ ốc biển

Hình 5.8. Đèn vỏ ốc tai bèo

Hình 5.9. Phụ kiện trang trí từ vỏ ốc

Hình 5.10. Móc khoá từ vỏ ốc

(Nguồn: Mĩ nghệ Thanh Thêm)

I. CHÂN DUNG HOẠ SĨ NỔI TIẾNG CỦA TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

1. Hoạ sĩ Lê Minh

– Hãy kể tên một vài tác phẩm hội hoạ, điêu khắc của hoạ sĩ Lê Minh mà em biết.

– Trình bày cảm nhận của em về chủ đề, chất liệu, thể loại, phong cách sáng tác của hoạ sĩ Lê Minh.

– Hoạ sĩ Lê Minh có những đóng góp nào cho hoạt động mĩ thuật của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu?

Hoạ sĩ Lê Minh sinh năm 1939 tại huyện Phước Hải, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông tốt nghiệp trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, là hội viên hội Mỹ thuật Việt Nam.

Hình 5.11. Hoạ sĩ Lê Minh bên tác phẩm của mình
(Nguồn: Hữu Minh)

Ông là người thầy, người hoạ sĩ chuyên sáng tác về đề tài kháng chiến, ca ngợi tinh thần người lính, sự hào hùng, lòng nhiệt huyết của người chiến sĩ cách mạng. Bên cạnh đó, ông cũng không quên dành không gian cho sự lãng mạn với các đề tài về quê hương, thiếu nữ, tĩnh vật, với trường phái biểu hiện trong hội hoạ bằng nhiều chất liệu phong phú như: sơn dầu, bột màu, màu nước, chất liệu tổng hợp,... Thông qua các tác phẩm nghệ thuật, hoạ sĩ Lê Minh đã góp phần tô đẹp cho tình yêu quê hương đất nước, làm phong phú đời sống tinh thần mà ở đó có hơi thở và nhịp sống của nhân dân Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tác phẩm của hoạ sĩ Lê Minh

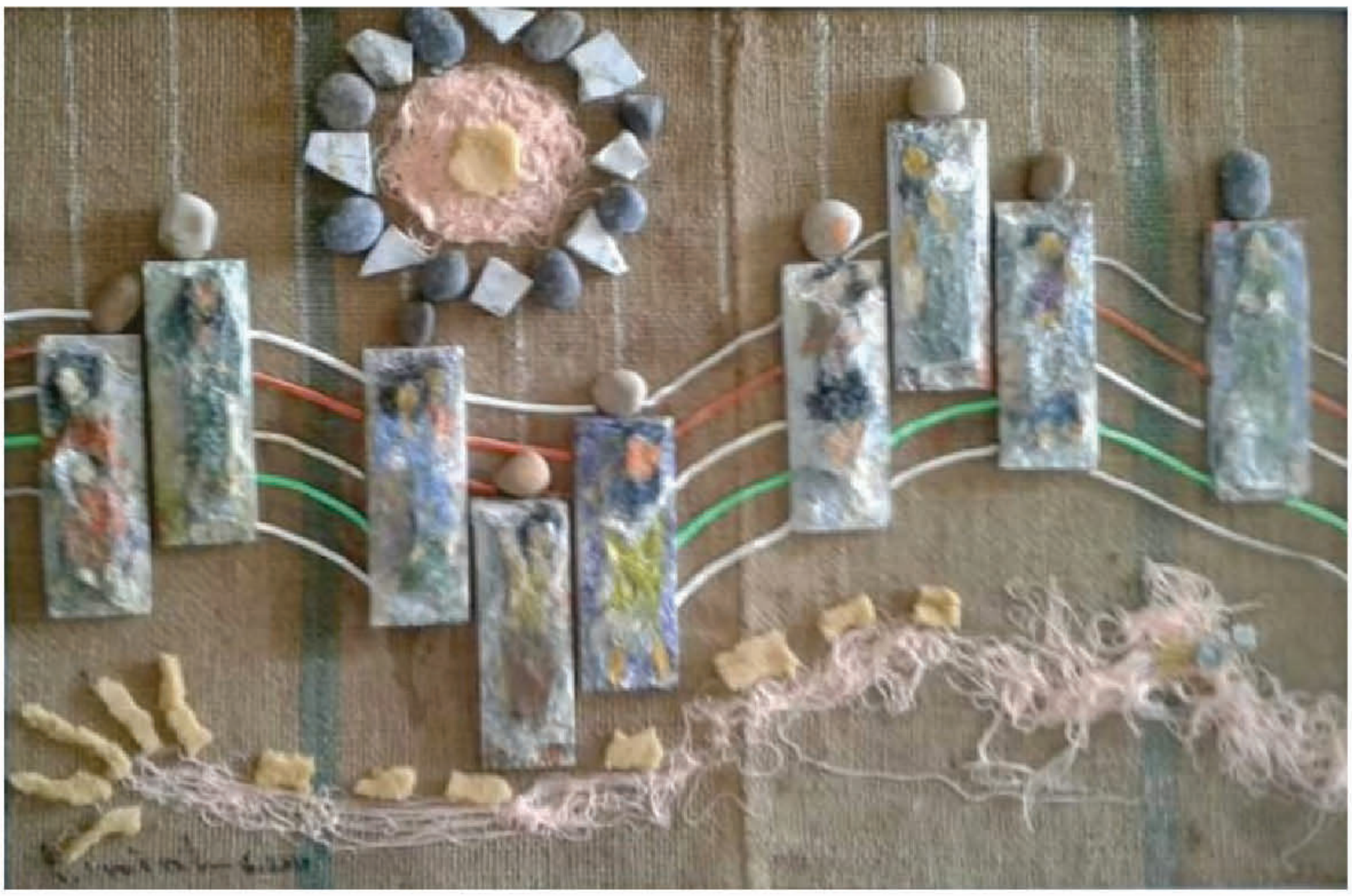

Hình 5.12. **Lê Minh**, *Nốt lặng thầm*, chất liệu tổng hợp
(Nguồn: Tác giả)

Hình 5.13. **Lê Minh,** *Tĩnh vật*, sơn dầu
(Nguồn: Tác giả)

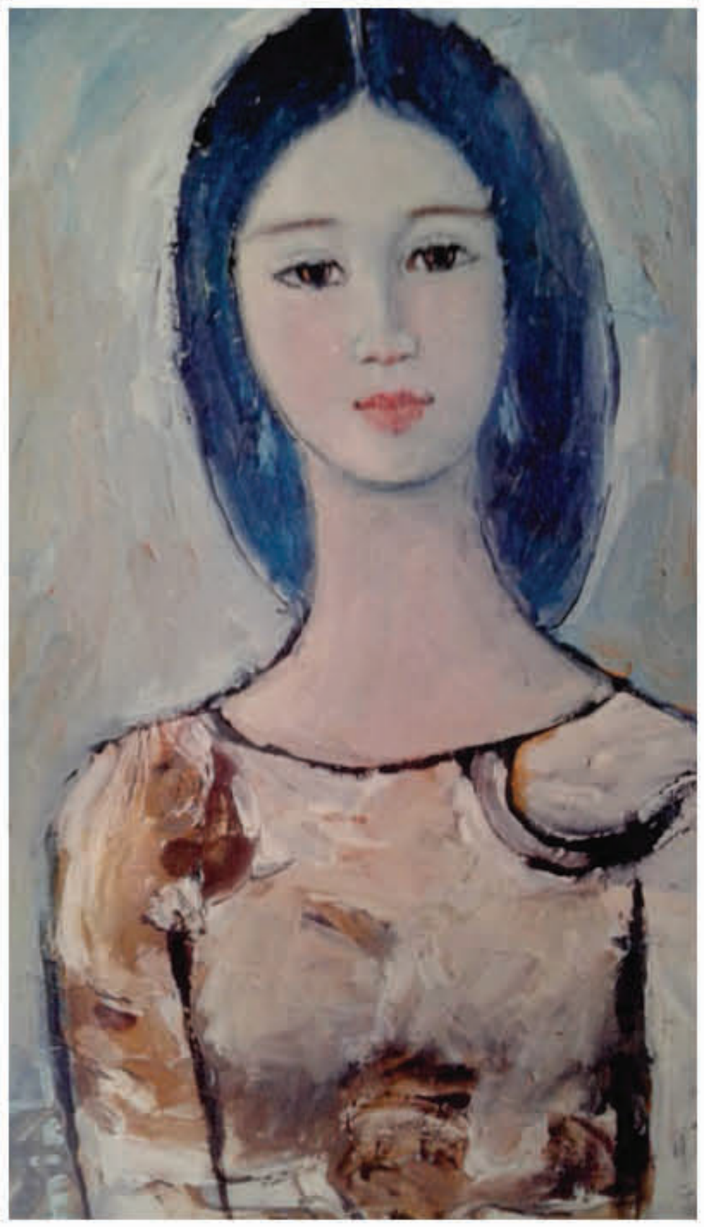

Hình 5.14. **Lê Minh**, *Tuổi đôi mươi*, sơn dầu
(Nguồn: Tác giả)

2. Hoạ sĩ Mai Thanh Thìn

– Hãy giới thiệu một vài bức tranh phong cảnh, tĩnh vật của hoạ sĩ Mai Thanh Thìn mà em biết.

– Trình bày cảm nhận của em về chủ đề, chất liệu, thể loại, phong cách sáng tác của hoạ sĩ Mai Thanh Thìn.

– Hoạ sĩ Mai Thanh Thìn có những đóng góp nào cho hoạt động mĩ thuật của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu?

Hoạ sĩ Mai Thanh Thìn sinh năm 1952 tại tỉnh Hà Nam. Bà tốt nghiệp trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp, là Chi Hội trưởng Chi hội Mỹ thuật Việt Nam tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nữ hoạ sĩ có nhiều tác phẩm về đề tài phong cảnh, tĩnh vật thể hiện sự tươi mới, ẩn chứa sự trăn trở của cuộc đời. Với trường phái biểu hiện trong hội hoạ, bà sử dụng những chất liệu như: sơn dầu, bột màu, màu nước, chì, than,... để bộc lộ rõ phong cách của bản thân.. Những tác phẩm của bà đã mang đến cho công chúng yêu hội hoạ nhiều cung bậc cảm xúc, góp phần tô đẹp cho cuộc sống.

Hình 5.15. Hoạ sĩ Mai Thanh Thìn bên tác phẩm của mình
(Nguồn: Tác giả)

Tác phẩm của hoạ sĩ Mai Thanh Thìn

Hình 5.16. **Mai Thanh Thìn**, *Tĩnh vật,* sơn dầu *(Nguồn: Tác giả)*

Hình 5.17. **Mai Thanh Thìn**, *Tĩnh vật,* sơn dầu *(Nguồn: Tác giả)*

II. CHÂN DUNG NGHỆ NHÂN NỔI TIẾNG CỦA TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Nghệ nhân Nguyễn Quang Hải

– Hãy kể tên một vài sản phẩm quà tặng làm từ vỏ sò, vỏ ốc ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

– Nghệ nhân Nguyễn Quang Hải nổi tiếng với sản phẩm mĩ nghệ nào?

– Nghệ nhân Nguyễn Quang Hải có những đóng góp nào trong lĩnh vực thủ công mĩ nghệ của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu?

Nghệ nhân Nguyễn Quang Hải sinh năm 1949 tại Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông được công nhận là "Bàn tay vàng" của nghề thủ công mĩ nghệ làm từ vỏ sò, vỏ ốc. Sản phẩm quà tặng trang trí nội thất do ông tạo ra luôn bắt mắt, là món quà tinh thần được khách du lịch trong và ngoài nước yêu thích.

Những thiết kế của ông đạt nhiều giải thưởng tại địa phương và khu vực khi tham gia trưng bày triển lãm, dự thi trong lĩnh vực thủ công mĩ nghệ.

Hình 5.18. Nghệ nhân Nguyễn Quang Hải Thực hiện tác phẩm nghệ thuật từ vỏ sò, vỏ ốc *(Nguồn: Tác giả)*

Hình 5.19. **Nguyễn Quang Hải**, *Đèn vỏ ốc tù và gai*
(Nguồn: Tác giả)

Hình 5.20. **Nguyễn Quang Hải**, *Đèn chim vỏ ốc giác*
(Nguồn: Tác giả)

LUYỆN TẬP

1. Học sinh lựa chọn 1 tác phẩm của hoạ sĩ ở Bà Rịa – Vũng Tàu mà em yêu thích. Phân tích về nội dung, bố cục, đường nét, màu sắc, chất liệu và cảm nhận về tác phẩm.

Hình 5.21. **Lê Minh**, *Tết quê*, sơn dầu
(Nguồn: Tác giả)

Hình 5.22. **Mai Thanh Thìn**, *Vũ điệu biển*, sơn dầu
(Nguồn: Tác giả)

Gợi ý nội dung phân tích:

– Chủ đề, nội dung.

– Bố cục, đường nét, màu sắc

– Chất liệu thể hiện.

– Ý nghĩa, giá trị thẩm mĩ của tác phẩm.

– Thông điệp của tác phẩm đối với đời sống.

– Cảm nhận của em về tác phẩm.

2. Em hãy chọn một sản phẩm thủ công mĩ nghệ của nghệ nhân Nguyễn Quang Hải và cho biết vật liệu, cách tạo hình, màu sắc của sản phẩm. Nêu cảm nhận của em về sản phẩm đó.

Hình 5.23. **Nguyễn Quang Hải,** *Cây thông Giáng sinh*
(Nguồn: Tác giả)

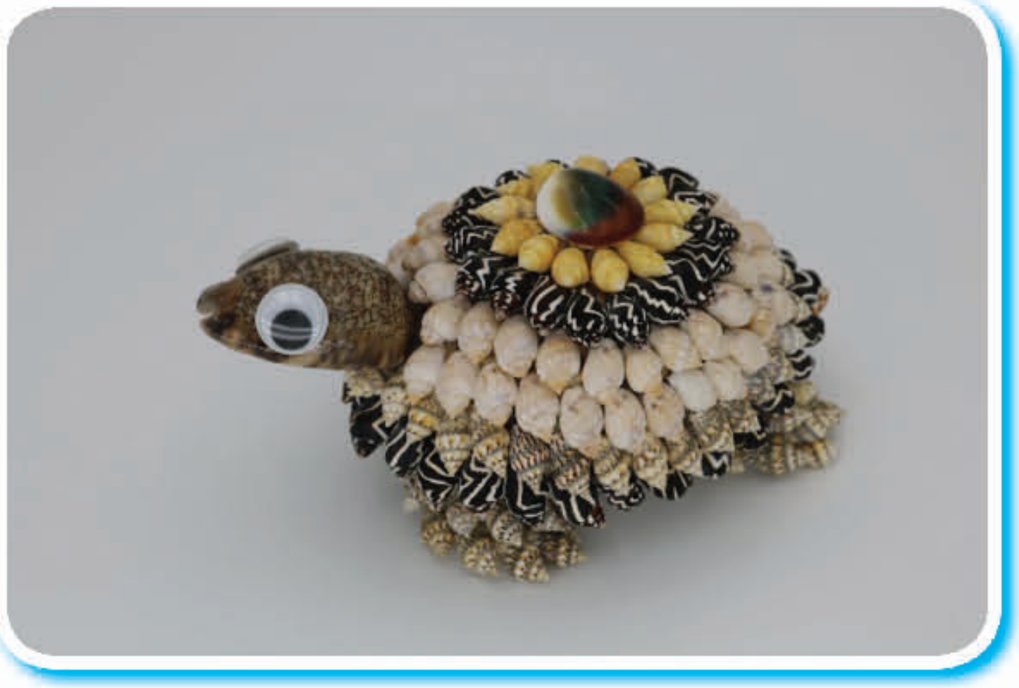

Hình 5.24. **Nguyễn Quang Hải,** *Rùa biển*
(Nguồn: Tác giả)

VẬN DỤNG

Em hãy thực hiện một sản phẩm mĩ thuật về chủ đề quê hương Bà Rịa – Vũng Tàu.

Gợi ý thực hiện:

– Nội dung: thiên nhiên, con người, hoạt động lao động sản xuất, vui chơi,… ở địa phương.

– Có thể lựa chọn thể loại: tranh phong cảnh/ tranh chân dung/ tranh tĩnh vật, tranh sinh hoạt,…

– Kích thước: khổ giấy A3.

– Chất liệu: chì màu, màu nước, màu sáp, dán giấy,…

Sau khi hoàn thành sản phẩm, giới thiệu và chia sẻ với các bạn về ý tưởng, nội dung, cách tạo hình của sản phẩm.

Hình 5.25. **Trần Thanh An**, *Vũng Tàu trong mắt em*, màu nước
(Nguồn: Tác giả)

Chủ đề 6

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

MỤC TIÊU

– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

– Biết được các hoạt động của địa phương trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên địa phương.

– Ý thức được trách nhiệm và thực hiện được một số việc cần làm phù hợp, góp phần bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

– Biết phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên.

KHỞI ĐỘNG

Quan sát các hình ảnh dưới đây và trả lời câu hỏi:

– Đây là những hoạt động gì trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu? Làm rõ mục đích của những hoạt động này.

– Hãy chia sẻ những hoạt động bảo vệ môi trường ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu mà em biết.

Hình 6.1.

(Nguồn: nongnghiep.vn)

Hình 6.2.

(Nguồn: baobariavungtau.com.vn)

KHÁM PHÁ

I. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ BIỆN PHÁP CẦN THIẾT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN Ở TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

– Qua các thông tin dưới đây, em hãy chỉ ra và kể thêm những biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên đã được thực hiện ở địa phương nơi em sống.

– Em hãy đề xuất một vài biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1. Môi trường, tài nguyên thiên nhiên

– *Môi trường* bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên. (Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020)

– *Tài nguyên thiên nhiên* là tất cả các nguồn lực được hình thành và tồn tại trong tự nhiên như đất đai, không khí, nước, các loại năng lượng, những khoáng sản trong lòng đất,… Con người có thể khai thác và sử dụng những ích lợi do tài nguyên thiên nhiên có được để thoả mãn nhu cầu đa dạng cho sự tồn tại và phát triển của xã hội.

– *Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên* là hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường, ứng phó với sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường, khai thác và sử dụng hợp lí, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ, bảo tồn, tái tạo nguồn tài nguyên có thể phục hồi, bảo vệ đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

– *Về bảo vệ môi trường:* Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đang đứng trước các thách thức về công tác xử lí chất thải rắn; kiểm soát, quản lí các nguồn nước thải, khí thải; triển khai các giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại một số khu vực; thách thức trong việc bảo vệ nghiêm ngặt nguồn cấp nước sinh hoạt của tỉnh; trong việc chủ động ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu; trong việc bảo vệ, trồng phát triển rừng ngập mặn,…

Hình 6.3. Tình trạng xả nước thải màu đen, sủi bọt qua các đường ống ra sông Cây Khế (Phường 12, thành phố Vũng Tàu)
(Nguồn: baobariavungtau.com.vn)

– *Về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên:* Tỉnh có sự đa dạng về tài nguyên thiên nhiên như đất, nước, rừng, biển, khoáng sản, dầu khí,... Việc khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng này cũng đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết: xói lở ven biển, ô nhiễm nguồn nước; chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên,...

Muốn giải quyết vấn đề bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các địa phương cần nắm vững quy định của pháp luật và thực hiện hiệu quả các biện pháp cần thiết, phù hợp với thực tế địa phương.

Hình 6.4. Tình trạng sạt lở bãi cát ở khu vực Trại Nhái (Phường 12, thành phố Vũng Tàu)
(Nguồn: baobariavungtau.com.vn)

2. Một số quy định cơ bản của pháp luật và những biện pháp cần thiết về bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

a) Quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường

– Khoản 1, Điều 63 Hiến pháp năm 2013 quy định: Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường; quản lí, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

– Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được Quốc hội khoá XIV, kì họp thứ 10 thông qua ngày 17 – 11 – 2020, có hiệu lực từ ngày 1 – 1 – 2022, trong đó Điều 4 quy định rõ 7 nguyên tắc bảo vệ môi trường, Điều 66 quy định việc bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hoá, thể thao và du lịch; Điều 67 quy định việc bảo vệ môi trường trong hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và hoạt động dầu khí.

b) Biện pháp bảo vệ môi trường

– *Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục để nâng cao ý thức của người dân* trong việc chung tay trồng cây xanh và bảo vệ rừng; thay hoá chất bằng các chất liệu thiên nhiên; tăng cường sử dụng năng lượng sạch (gió, ánh nắng mặt trời,...); giảm dần việc sử dụng đồ nhựa và túi ni lông; chú trọng sử dụng sản phẩm tái chế, sản phẩm dùng được nhiều lần; triệt để tiết kiệm giấy; biết cách sử dụng tiến bộ khoa học, kĩ thuật để xử lí những chất thải có hại cho môi trường.

– *Góp ý hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường có tính khả thi cao và phù hợp với luật pháp quốc tế.*

– Chú trọng quy hoạch khu công nghiệp, làng nghề, đô thị không gây hại cảnh quan, môi trường, nguồn nước.

– Chú trọng đến các dự án đầu tư vừa thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, vừa bảo vệ, bảo tồn được môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

3. Một số quy định cơ bản của pháp luật và biện pháp cần thiết về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

a) Quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

– Điều 3 Luật Khoáng sản năm 2010, bổ sung, sửa đổi năm 2018 quy định: 1. Nhà nước có chiến lược, quy hoạch khoáng sản để phát triển bền vững kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh trong từng thời kì; 2. Nhà nước bảo đảm khoáng sản được bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lí, tiết kiệm và hiệu quả.

– Khoản 1, Điều 4 Luật Tài nguyên nước năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định: Bảo đảm tài nguyên nước được quản lí, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lí, tiết kiệm và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế – xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

– Khoản 1, Điều 4 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 quy định: Nhà nước bảo đảm tài nguyên biển và hải đảo được quản lí, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lí, hiệu quả, bền vững theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

– Khoản 2, Điều 5 Luật Thuỷ sản năm 2017 quy định: Khai thác nguồn lợi thuỷ sản phải căn cứ vào trữ lượng nguồn lợi thuỷ sản, gắn với bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thuỷ sản, không làm cạn kiệt nguồn lợi thuỷ sản, không ảnh hưởng đến đa dạng sinh học; tiếp cận thận trọng, dựa vào hệ sinh thái và các chỉ số khoa học trong quản lí hoạt động thuỷ sản để bảo đảm phát triển bền vững.

– Khoản 1, Điều 3 Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định: Rừng được quản lí bền vững về diện tích và chất lượng, bảo đảm hài hoà các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao tỉ lệ che phủ rừng, giá trị dịch vụ môi trường rừng và ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

– Nâng cao ý thức trách nhiệm khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên bằng cách:

+ Không khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách bừa bãi. Sau khi khai thác, phải thực hiện nghiêm ngặt các giải pháp phục hồi.

+ Coi trọng việc sử dụng và tái tạo các nguồn năng lượng mới (tài nguyên thiên nhiên vĩnh cửu).

+ Tài nguyên năng lượng cần được sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả để giảm mức khí thải nhà kính.

+ Chấm dứt tình trạng xuất khẩu khoáng sản thô, thay vào đó là đẩy mạnh chế biến.

+ Đối với các tài nguyên khoáng sản, cần phải có sự cân đối giữa nhập khẩu và xuất khẩu.

– *Tăng cường công tác quản lí tài nguyên thiên nhiên như:*

+ Kiểm soát các hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên.

+ Đẩy mạnh điều tra để nắm được xu hướng diễn biến của các nguồn tài nguyên.

+ Đánh giá trữ lượng và giá trị kinh tế của các tài nguyên thiên nhiên để lập kế hoạch khai thác, sử dụng.

+ Có kế hoạch và biện pháp bảo vệ, sử dụng, tái tạo ba loại rừng: rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất.

+ Xây dựng khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, ban hành Sách đỏ để bảo vệ các tài nguyên sinh vật.

II. NGUỒN TÀI NGUYÊN BIỂN VÀ VIỆC KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN BIỂN Ở TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

– Kể tên những làng chài em biết ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

– Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có những cảng biển nổi tiếng nào?

– Em hãy đề xuất một vài biện pháp giúp khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Rịa – Vũng Tàu là một tỉnh ven biển, là cửa ngõ ra Biển Đông của các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, Bà Rịa – Vũng Tàu đã và đang thu hút nhiều nhà đầu tư và khách du lịch, tạo điều kiện để thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

1. Nguồn tài nguyên biển

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có thềm lục địa với diện tích trên 100 000 km^2, lợi thế đó giúp tỉnh không chỉ có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng mà còn tạo ra tiềm năng to lớn thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế.

Vùng biển Bà Rịa – Vũng Tàu chứa hơn 660 loài cá, 35 loài tôm, 23 loài mực và hàng ngàn loài tảo khác nhau, trong đó có rất nhiều loài có giá trị cao. Trữ lượng hải sản của tỉnh hằng năm có thể khai thác tối đa 150 000 – 170 000 tấn. Nguồn tài nguyên biển của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu rất thuận lợi để phát triển vận tải biển, hệ thống cảng, du lịch và công nghiệp khai thác, chế biến hải sản. Chỉ riêng khu vực vịnh Gành Rái rộng khoảng 50 km^2 đã có thể sử dụng để xây dựng một hệ thống cảng hàng hải quy mô lớn[1].

Hình 6.5. Thu hoạch hải sản ở làng chài Phước Hải, huyện Đất Đỏ
(Nguồn: vntrip.vn)

[1] Kathy Trang, *Tìm hiểu về tài nguyên thiên nhiên tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*, Bản tin Bà Rịa –Vũng Tàu, ngày 28 – 6 – 2020.

Hình 6.6. Điểm du lịch mũi Nghinh Phong, thành phố Vũng Tàu

(Nguồn: Atlas tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

2. Việc khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

a) Thực trạng

Trong những năm qua, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã khai thác hiệu quả tiềm năng tài nguyên biển để phát triển nền kinh tế biển mạnh, với nhiều ngành nghề như: khai thác dầu khí; đánh bắt, chế biến hải sản; du lịch biển đảo; công nghiệp ven biển; cảng nước sâu,… Đến nay, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã được xem là "thủ phủ" của ngành công nghiệp khai thác và chế biến dầu khí, là trung tâm du lịch của cả nước.

Hình 6.7. Một góc cảng Cái Mép – Thị Vải

(Nguồn: Atlas tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Theo đánh giá của các cơ quan chức năng, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là địa phương điển hình về xây dựng và phát triển kinh tế biển trong số 28 tỉnh, thành phố ven biển của nước ta. Nhưng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cũng gặp nhiều thách thức trong công tác quản lí tài nguyên biển: môi trường, các loại tài nguyên, nguồn lợi của biển có dấu hiệu suy giảm và biến đổi phức tạp; tình trạng ô nhiễm môi trường nước và trầm tích tại các vùng ven biển, cửa sông; việc thiếu quy hoạch trong xây dựng, sản xuất, kinh doanh

đã gây ra sự biến đổi địa hình, thay đổi dòng chảy và gây ngập nước, bồi lắng và xói lở vùng cửa sông, cửa biển ở nhiều nơi,...

b) Các giải pháp

Tỉnh uỷ Bà Rịa – Vũng Tàu đã triển khai Nghị quyết số 36NQ/TW ngày 22 – 10 – 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với tinh thần xuyên suốt là "Phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh". Sau đây là một số giải pháp cơ bản giúp khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển ở Bà Rịa – Vũng Tàu:

Hình 6.8. Đông đảo các lực lượng tham gia thu gom rác tại bờ biển xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền

(Nguồn: baotainguyenmoitruong.vn)

– Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội, nhất là hệ thống giao thông kết nối hệ thống cảng biển với các quốc lộ, đưa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trở thành trung tâm cảng biển lớn của khu vực và quốc tế.

– Kiên trì với mục tiêu thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án có công nghệ hiện đại, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, đất đai và thân thiện với môi trường.

– Phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm đối với các hoạt động công nghiệp, du lịch, hàng hải, khai thác vận chuyển dầu khí, đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản; đổ bùn nạo vét luồng giao thông đường thuỷ, công trình biển,...

– Bên cạnh việc khai thác thế mạnh, phát triển kinh tế biển, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phải luôn quan tâm bảo vệ an ninh, an toàn khu vực biên giới biển, đảo.

III. NGUỒN TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ VIỆC KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN RỪNG Ở TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

– Em có hành động gì để ủng hộ khẩu hiệu "Phải xem bảo vệ môi trường, bảo tồn đa đạng sinh học như bảo vệ chính bản thân chúng ta"?

– Em có suy nghĩ như thế nào khi biết tin một vụ bắt trộm động vật quý hiếm trong vườn quốc gia đã được ngăn chặn kịp thời?

1. Nguồn tài nguyên rừng

Ngày 20 – 1 – 2022, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 189/QĐ-UBND phê duyệt kết quả diễn biến rừng và công bố hiện trạng rừng năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Theo đó, diện tích đất có rừng là 28 549,57 ha, trong đó rừng tự nhiên 16 464,70 ha, rừng trồng 12 084,87 ha với độ che phủ của rừng là 13,79%.

Hiện nay tỉnh có hai khu rừng nguyên sinh là Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu (có diện tích 11 292 ha, với nhiều hệ động, thực vật phong phú) và Vườn quốc gia Côn Đảo; có khu suối nước nóng Bình Châu với nhiệt độ trên 80°C, nhiều núi có cảnh quan đẹp như núi Minh Đạm, núi Dinh, núi Lớn, núi Nhỏ,…

Hình 6.9. Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc

(Nguồn: seaproperty.vn)

Vườn quốc gia Côn Đảo thuộc hệ thống rừng đặc dụng, là một trong 34 vườn quốc gia của Việt Nam. Tổng diện tích tự nhiên: 19 883,15 ha, gồm phần diện tích bảo tồn rừng trên các hòn đảo: 5 883,15 ha; phần diện tích bảo tồn biển: 14 000 ha; diện tích vùng đệm trên biển: 20 500 ha. Vườn quốc gia Côn Đảo có thành phần thực vật phong phú và đa dạng với 1 077 loài thực vật bậc cao thuộc 640 chi, 160 họ. Hệ sinh thái biển của Vườn quốc gia Côn Đảo cũng đa dạng và phong phú với nhiều hệ sinh thái đặc trưng như rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn,…[1]

Hình 6.10. Cổng vào Vườn quốc gia Côn Đảo

(Nguồn: mytour.vn)

2. Việc khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên rừng ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

a) Thực trạng

Hai khu bảo tồn do Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quản lí có giá trị đa dạng sinh học cấp quốc gia là Vườn quốc gia Côn Đảo và Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu đang được chú trọng khai thác và sử dụng bền vững. Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2018 có 67 dự án được Uỷ ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng khu du lịch bền vững. Điều này thể hiện rõ quan điểm lựa chọn các dự án đầu tư theo hướng bảo tồn được những loại động vật, thực vật quý hiếm, duy trì vai trò rất quan trọng của hai khu rừng nguyên sinh trong phòng hộ, cân bằng sinh thái, bảo đảm môi sinh môi trường, tạo cảnh quan phát triển du lịch và có vị trí đặc biệt trong công tác quốc phòng, an ninh của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hình 6.11. Lực lượng kiểm lâm Vườn quốc gia Côn Đảo thả hai cá thể rùa quý hiếm về tự nhiên tại khu vực vịnh Đầm Tre, huyện Côn Đảo

(Nguồn: Mai Ngọc)

---

[1] *Ban quản lý Vườn quốc gia Côn Đảo, Tổng quan Vườn quốc gia Côn Đảo.*

Hình 6.12. Khỉ đuôi dài Côn Đảo
(Nguồn: Vườn quốc gia Côn Đảo)

Hình 6.13. Bồ câu Nicoba ở Côn Đảo
(Nguồn: Vườn quốc gia Côn Đảo)

Hình 6.14. Lực lượng kiểm lâm Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu tuần tra kiểm soát khu vực cửa rừng thuộc xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc
(Nguồn: Quang Vũ)

Tuy nhiên, tài nguyên rừng đang có xu hướng giảm, các loại rừng giàu (trữ lượng gỗ trên 180 m^3/ha) không còn, rừng trung bình chỉ còn lại 1,5% diện tích. Trước đây, trong rừng có trên 700 loài gỗ, thảo mộc và hơn 200 loài động vật, trong đó có nhiều loại cây gỗ và động vật quý hiếm nhưng đến nay hầu như không còn các loại cây gỗ và động vật quý hiếm[1]. Rừng của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hiện nay giữ vai trò quan trọng trong tạo cảnh quan, môi trường, phòng hộ và phát triển du lịch, còn giá trị khai thác lấy gỗ và nguyên liệu không lớn và vẫn còn nhiều vụ chặt phá cây rừng trái phép.

Ngoài ra, tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng làm suy kiệt các cánh rừng ngập mặn; tình trạng khai thác và săn bắn động vật hoang dã chưa được kiểm soát tốt,... đã và đang ảnh hưởng đến hệ sinh thái và sự phát triển bền vững.

b) Các giải pháp

– Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 1668-QĐUBND ngày 18 – 6 – 2020 về "Phê duyệt phương án quản lí rừng bền vững Vườn quốc gia Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030".

– Uỷ ban nhân dân tỉnh đã giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các cơ quan có liên quan xây dựng các giải pháp bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học; bảo vệ diện tích rừng và số loài động, thực vật quý hiếm bị đe dọa trong các khu bảo tồn thiên nhiên; tăng cường công tác kiểm tra và kịp thời xử lí nghiêm các vụ vi phạm xâm hại đến tài nguyên thiên nhiên và môi trường trong khu vực Vườn quốc gia Côn Đảo, Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu.

---

[1] Sở Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo tóm tắt hiện trạng môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016 – 2020, tháng 12 – 2020.

– Uỷ ban nhân dân tỉnh đã kêu gọi toàn thể nhân nhân cùng nhau thay đổi thói quen, hành động vì thiên nhiên, chung tay bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học bằng khẩu hiệu "Phải xem bảo vệ môi trường, bảo tồn đa đạng sinh học như bảo vệ chính bản thân chúng ta".

IV. NGUỒN TÀI NGUYÊN DẦU KHÍ VÀ VIỆC KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN DẦU KHÍ; BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

– Theo em, việc khai thác dầu khí có thể gây ra những tổn hại gì cho môi trường biển Bà Rịa – Vũng Tàu?

– Em hãy đề xuất vài biện pháp mới về bảo vệ môi trường biển trong hoạt động khai thác dầu khí.

1. Nguồn tài nguyên dầu khí

Bà Rịa – Vũng Tàu nằm trong vùng có tiềm năng lớn về dầu mỏ và khí thiên nhiên của Việt Nam. Trong tổng trữ lượng dầu khí đã xác minh của nước ta, vùng biển Bà Rịa – Vũng Tàu có khoảng 400 triệu m^3 dầu, chiếm 93,29% trữ lượng cả nước; trữ lượng khí khoảng trên 100 tỉ m^3, chiếm 16,2% trữ lượng khí cả nước[1].

Hình 6.15. Mỏ dầu khí Bạch Hổ
(Nguồn: Hoàng Chương)

Với nguồn tài nguyên dầu khí, tỉnh có đủ điều kiện để phát triển công nghiệp dầu khí thành ngành công nghiệp mũi nhọn trong chiến lược phát triển công nghiệp của cả nước. Ngành công nghiệp dầu khí phát triển sẽ giúp đưa Bà Rịa – Vũng Tàu trở thành trung tâm khai thác và chế biến dầu khí lớn nhất Việt Nam.

2. Việc khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên dầu khí; bảo vệ môi trường biển Bà Rịa – Vũng Tàu

a) Thực trạng

Dầu mỏ và khí đốt của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phân bố chủ yếu ở bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn. Bể Cửu Long có trữ lượng khai thác khoảng 170 triệu tấn dầu và 28 – 41 tỉ m^3 khí; trong đó, hai mỏ nổi tiếng là mỏ Bạch Hổ có trữ lượng 100 triệu tấn dầu và 25 – 27 tỉ m^3 khí, mỏ Rạng Đông có trữ lượng 50 – 70 triệu tấn dầu và 10 – 15 tỉ m^3 khí. Bể Nam Côn Sơn có mỏ Đại Hùng đã đi vào khai thác từ tháng 10 – 1994, trữ lượng khai thác khoảng 30 – 50 triệu tấn dầu và 6 – 10 tỉ m^3 khí; mỏ Lan Tây có trữ lượng khoảng 42 tỉ m^3 khí, mỏ Lan Đỏ có trữ lượng khoảng 14 tỉ m^3 khí, sau đó có thể đưa lên 80 tỉ m^3 cho cả hai mỏ.

---

[1] Quỹ đầu tư phát triển Bà Rịa – Vũng Tàu, *Giới thiệu khái quát về tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.*

Hình 6.16. Mỏ dầu Rạng Đông
(Nguồn: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Tuy nhiên, quá trình thăm dò, khai thác này luôn tiềm ẩn nguy cơ gây tổn hại tới môi trường biển, có thể phát sinh từ các hoá chất sử dụng để thăm dò, khai thác; các chất thải độc hại thải vào môi trường hay từ các sự cố tràn dầu trong quá trình vận chuyển,... Do vậy, các hoạt động khai thác này luôn phải gắn với nguyên tắc phát triển bền vững.

Hình 6.17. Trung tâm An toàn bảo vệ môi trường Vietsovpetro diễn tập ứng cứu sự cố tràn dầu năm 2020
(Nguồn: petrovietnam.petrotimes.vn)

b) Các biện pháp

– Tuân thủ Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (gọi tắt là UNCLOS 1982) về bảo vệ môi trường biển trong hoạt động khai thác dầu khí thực thi tại Việt Nam.

– Việt Nam tích cực hoàn thiện pháp luật quốc gia về bảo vệ môi trường biển trong hoạt động khai thác dầu khí, cụ thể:

+ Tích cực hợp tác quốc tế trong hoạt động bảo vệ môi trường biển. Xử lí chất thải từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí.

+ Ứng phó với sự cố tràn dầu. Các quy định về ứng phó sự cố tràn dầu được ghi nhận tại Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

+ Bồi thường thiệt hại và xử lí vi phạm về môi trường trong hoạt động khai thác dầu khí.

– Hoàn thiện các quy định về bảo vệ môi trường biển trong hoạt động khai thác dầu khí theo yêu cầu thực tiễn.

V. NGUỒN TÀI NGUYÊN DU LỊCH VÀ VIỆC KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN DU LỊCH; BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DU LỊCH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

– Hãy giới thiệu những điểm du lịch hấp dẫn ở Bà Rịa – Vũng Tàu mà em biết.

– Em nghĩ gì về tình trạng ô nhiễm môi trường biển Bà Rịa – Vũng Tàu? Em có thể đề xuất cách khắc phục nào để góp phần làm đẹp cảnh quan các bãi tắm ở Bà Rịa – Vũng Tàu?

1. Nguồn tài nguyên du lịch

– *Về khí hậu:* Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc vùng Đông Nam Bộ với khí hậu nhiệt đới, một năm có hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô là các tháng còn lại. Nhiệt độ trung bình hằng năm khoảng 27°C, là nhiệt độ lí tưởng, rất thuận lợi để khách đến tham quan có những trải nghiệm thú vị.

– *Về cảnh quan biển – đảo – hệ sinh thái:*

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có bờ biển dài 305,4 km với khoảng 156 km có bãi cát thoai thoải, nước biển trong xanh, thích hợp để làm bãi tắm và hình thành các khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp với loại hình du lịch thể thao biển.

Nhắc đến cảnh quan biển đảo, không thể không nhắc đến Côn Đảo, là quần đảo có cảnh quan hoang sơ, xinh đẹp với 16 hòn đảo lớn nhỏ, cùng hệ sinh thái biển độc đáo, đa dạng và nhiều loại hải sản thích hợp cho các loại hình du lịch khám phá đại dương.

Bà Rịa – Vũng Tàu còn có Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu, là khu rừng nguyên sinh ven biển duy nhất còn tương đối nguyên vẹn của Việt Nam. Nơi đây có tiềm

Hình 6.18. Thành viên Hội Thuyền buồm tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chơi lướt ván buồm *(Nguồn: Thành Huy)*

Hình 6.19. Bãi biển Côn Đảo *(Nguồn: Thái An)*

Hình 6.20. Du khách luộc trứng bằng nước nóng tự nhiên tại Khu nghỉ dưỡng suối nước nóng Bình Châu *(Nguồn: mia.vn)*

năng du lịch rất lớn với nhiều loại địa hình như đồi, núi, suối, hồ, biển, rừng và là nơi cư trú của nhiều loại sinh vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng. Đặc biệt, việc có hơn 70 điểm nước nóng phun lộ thiên tạo thành những hồ nước nóng lớn nhỏ, với nhiệt độ trung bình 40 – 50°C, nơi nóng nhất đến 84°C, đem lại sự khám phá thú vị và hữu ích đối với sức khoẻ du khách.

Hình 6.21. Di tích lịch sử – văn hoá – kiến trúc nghệ thuật Tổ đình Thiên Thai
(Nguồn: Huyền Trang)

– *Về di tích lịch sử, văn hoá*: Bà Rịa – Vũng Tàu là vùng đất chịu sự ảnh hưởng của các nền văn hoá lâu đời gắn với biển như Đông Sơn, Sa Huỳnh, Đồng Nai với nhiều đình, miếu, chùa chiền, nhà thờ như: Di tích lịch sử – văn hoá – kiến trúc nghệ thuật đình Long Hương; Di tích lịch sử – văn hoá – kiến trúc nghệ thuật đình Long Điền; Di tích lịch sử – văn hoá – kiến trúc nghệ thuật Tổ đình Thiên Thai,…

Hình 6.22. Trại Phú Tường trong khu di tích Nhà tù Côn Đảo nhìn từ trên cao
(Nguồn: Mạnh Cường)

– *Về di tích lịch sử – cách mạng:* Di tích trận địa pháo cổ và hầm thuỷ lôi Núi Lớn; Di tích trận địa pháo cổ trên núi Tao Phùng (Núi Nhỏ); Di tích trận địa pháo cổ Cầu Đá; Di tích ăng ten Parabol (Đài viba) Núi Lớn; Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo; Di tích lịch sử cách mạng Nhà Tròn – Bà Rịa; Di tích lịch sử – cách mạng Địa đạo Long Phước; Khu Hang Dơi và chùa Diệu Linh (Di tích khu căn cứ Núi Dinh),… giúp hình thành loại hình du lịch tham quan trở về cội nguồn.

Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo là điểm tham quan của hàng ngàn du khách tìm đến để tìm hiểu về một thời đau thương mà anh dũng của các thế hệ cha ông ta qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Hình 6.23. Cá Ông được ngư dân rước về đình Thắng Tam làm lễ cúng
(Nguồn: vov.vn)

– *Về giá trị văn hoá truyền thống, lễ hội:* Các lễ hội dân gian mang đậm dấu ấn văn hoá truyền thống của người dân miền biển như Lễ hội Nghinh Ông (đình thần Thắng Tam), Lệ Cô (Dinh Cô Long Hải), Vía ông, Trùng Cửu (Đạo ông Trần),... đều thu hút rất

đông du khách đến tham gia mỗi năm, giúp hình thành loại hình du lịch tâm linh.

– *Về văn nghệ dân gian:* Các loại hình văn nghệ dân gian dân tộc như cải lương, tuồng cổ, đờn ca tài tử,... được xem là cái gốc của nền văn hoá – văn nghệ các địa phương Nam Bộ nói chung, Bà Rịa – Vũng Tàu nói riêng. Điều này giúp tạo ra nét hấp dẫn độc đáo đối với du khách muốn thể nghiệm loại hình du lịch giao lưu văn nghệ dân gian vùng miền. Loại hình du lịch này nếu được tổ chức khai thác tốt sẽ góp phần bảo tồn và phát triển văn nghệ dân gian trong cả nước.

Hình 6.24. Trao giấy chứng nhận Lễ hội Dinh Cô là Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia
(Nguồn: Diễm Quỳnh – Nguyễn Lộc)

Hình 6.25. Câu lạc bộ múa dân tộc, hát dân ca Chơ Ro ở Bà Rịa – Vũng Tàu
(Nguồn: Thanh Loan)

– *Về ẩm thực:* Bờ biển Bà Rịa – Vũng Tàu có nguồn hải sản tươi ngon, phong phú, với giá cả đa dạng từ bình dân đến cao cấp, giúp đáp ứng nhu cầu ẩm thực đa dạng của du khách.

Ngoài ra, cư dân các tỉnh, thành phố trên cả nước và người nước ngoài đến Bà Rịa – Vũng Tàu làm việc, học tập, sinh sống ngày càng nhiều; qua đó họ góp phần làm phong phú thêm sắc màu ẩm thực cho tỉnh với các đặc sản ba miền như: phở, mì Quảng, bún bò, bún mắm, bánh bột lọc, chè Huế, bánh xèo,... cùng những món ăn nước ngoài đến từ các quốc gia như: Hoa, Thái, Nhật, Hàn Quốc, Nga, Ý,... Đây là cơ sở để tỉnh tổ chức Lễ hội ẩm thực hằng năm nhằm thu hút khách du lịch đến với Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hình 6.26. Hải sản tươi ngon ở Vũng Tàu
(Nguồn: 2trip.vn)

Hình 6.27. "Tuần lễ Món ngon phố biển Vũng Tàu 2021" với quy mô hơn 100 gian hàng ẩm thực, nông sản, quảng bá du lịch
(Nguồn: baodantoc.vn)

2. Việc khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên du lịch; bảo vệ môi trường du lịch Bà Rịa – Vũng Tàu

a) Thực trạng

Với nguồn tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng, đặc sắc và việc hình thành các khu nghỉ dưỡng cao cấp cùng với hệ thống cơ sở vật chất phục vụ du lịch khá đồng bộ; môi trường du lịch, nhất là môi trường du lịch ven biển ngày càng trở nên sạch, đẹp, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày càng thu hút nhiều khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan, nghỉ dưỡng. Đặc biệt, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có nhiều chuyên gia nước ngoài làm việc tại các công ty, dự án trên địa bàn. Đây là nguồn lực góp phần làm tăng lượng khách quốc tế đến các cơ sở lưu trú của tỉnh qua hoạt động thăm người thân, hội nghị, hội thảo, tham gia các lễ hội lớn,…

Từ năm 2015, ngành du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu duy trì tốc độ tăng trưởng khá và có đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của tỉnh. Lượng du khách đến Bà Rịa – Vũng Tàu và doanh thu du lịch tăng. Nhưng do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 nên có sự sụt giảm dần đến năm 2021.

Từ năm 2022, tình hình thu hút khách du lịch lại khởi sắc hơn.

Bảng 6.1. Doanh thu du lịch theo giá hiện hành giai đoạn 2015 – 2022

(Đơn vị tính: tỉ đồng)

Doanh thu của các cơ sở	2015	2018	2019	2020	2021	2022
Lưu trú	2 972,3	4 551,0	5 365,0	3 904,3	1 817,6	4 500,6
Lữ hành	265,1	375,6	425,3	149,0	70,6	167,3

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu 2021, NXB Thống kê, 2022 và Thông cáo báo chí tình hình kinh tế – xã hội năm 2022 của Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Bảng 6.2. Số lượt khách du lịch nội địa do các cơ sở lưu trú và lữ hành phục vụ giai đoạn 2015 – 2022

(Đơn vị tính: Nghìn lượt người)

Số lượt khách du lịch nội địa	2015	2018	2019	2020	2021	2022
Do cơ sở lưu trú phục vụ	4 564	3 572	6 048	4 182	2 474	6 418
Do cơ sở lữ hành phục vụ	62	109	125	55	33	71

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu 2021, NXB Thống kê, 2022 và Thông cáo báo chí tình hình kinh tế – xã hội năm 2022 của Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Từ khi tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây hoàn thành và đưa vào khai thác, thời gian di chuyển từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Bà Rịa – Vũng Tàu đã rút ngắn gần một nửa. Huyện Côn Đảo có thêm các tuyến bay đến từ Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hoá, Nghệ An, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ và thêm tuyến đường biển (tàu cao tốc) từ Vũng Tàu, Sóc Trăng. Đây là những ưu thế về đường hàng không và đường biển giúp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu càng trở thành một điểm đến hấp dẫn du khách.

Hình 6.28. Ngày 26 – 7 – 2019 khai trương và đưa vào vận hành tàu cao tốc Trưng Trắc tuyến Trần Đề – Côn Đảo

(Nguồn: Thanh Loan)

Từ năm 2022, Bà Rịa – Vũng Tàu có chủ trương đầu tư dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí ven các khu rừng đặc dụng Bình Châu – Phước Bửu. Việc phát triển du lịch sinh thái ở Bình Châu – Phước Bửu được thực hiện dựa trên nguyên tắc bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, khai thác và phát huy tốt nhất các tiềm năng về tài nguyên rừng, góp phần phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Hình 6.29. Du khách leo núi trải nghiệm rừng nguyên sinh tại Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu

(Nguồn: Thanh Nga)

Tuy nhiên, so với tiềm năng, ưu thế và so với các địa phương "lấy du lịch làm trụ cột kinh tế" thì du lịch Bà Rịa – Vũng Tàu vẫn chưa phát triển xứng tầm. Ngoài ra, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu còn phải đương đầu với tình trạng ô nhiễm môi trường du lịch.

Sự gia tăng lượng khách du lịch kéo theo sự gia tăng về nước thải, chất thải rắn từ các nhà hàng, khách sạn. Trung bình, một khách du lịch thải ra 0,67kg chất thải rắn và nhiều lít chất thải lỏng/ngày. Tuy nhiên, việc thu gom, xử lí chất thải rắn tại bến cá, bến tàu du lịch còn thiếu sự quan tâm, giám sát, kiểm tra của cơ quan chức năng. Phần lớn bến cảng hình thành tự phát, hạ tầng yếu kém, chưa được cơ quan quản lí môi trường chuyên trách quản lí trực tiếp. Các phương tiện thuỷ nội địa đều thiếu bộ phận thu gom chất thải, ý thức chấp hành các quy định an toàn hàng hải, vệ sinh môi trường của các chủ phương tiện chưa cao. Đây là nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường ở các khu du lịch biển (Theo *Báo cáo tóm tắt hiện trạng môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016 – 2020*, Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tháng 12 – 2020).

Do đó, tài nguyên du lịch Bà Rịa – Vũng Tàu cần có những giải pháp thích hợp để phát triển bền vững.

b) Các giải pháp

– *Hoàn thiện cơ sở hạ tầng*: Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã đưa ra các đề án, kế hoạch, chương trình hành động, giải pháp liên quan đến đầu tư cơ sở hạ tầng để thu hút du lịch, kết nối với các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Trước năm 2025, đường cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu và cầu Phước An, đường sắt phải thúc đẩy tiến độ để thành dự án khả thi. Bến tàu du thuyền phải trở thành điểm du lịch đặc sắc của Bà Rịa – Vũng Tàu trong tương lai.

– *Thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư*: Để trở thành ngành kinh tế mũi nhọn vào năm 2025, theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27 – 12 – 2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch chất lượng cao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2017 – 2020, định hướng đến năm 2030, Bà Rịa – Vũng Tàu phấn đấu đạt ít nhất 10 thương hiệu du lịch lớn đầu tư vào tỉnh, tổng lượt khách tới Bà Rịa – Vũng Tàu tăng 14%/năm; riêng khách có lưu trú tăng 11,13%/năm. Tổng thu từ khách du lịch tăng 15,20%/năm; tổng thu từ hoạt động lưu trú tăng 17,19%/năm và tăng thời gian lưu trú của khách từ 1,8 ngày lên 2,2 ngày.

– *Đẩy mạnh việc cải thiện môi trường du lịch, sản phẩm dịch vụ* bằng cách:

+ Duy trì thường xuyên các hoạt động bình ổn giá dịch vụ, chấn chỉnh tình trạng kinh doanh kiểu "chặt chém";

+ Nâng cao kĩ năng và cung cách phục vụ khách hàng qua các lớp tập huấn về kĩ năng bán hàng và văn hoá kinh doanh cho cán bộ quản lí, nhân viên khách sạn, nhà hàng, quán ăn trên địa bàn tỉnh;

+ Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng các sản phẩm du lịch mới, lạ, đáp ứng nhu cầu của du khách khi đến với tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về việc xây dựng môi trường du lịch văn hoá, văn minh;

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong giới thiệu các địa chỉ, sản phẩm dịch vụ và tiếp nhận phản ánh của du khách để kịp thời đáp ứng nhu cầu và bảo vệ quyền lợi của họ;

+ Thành lập đội phản ứng cơ động đáp ứng việc hướng dẫn du lịch và bảo đảm an toàn cho du khách trong mọi tình huống.

1. Tìm hiểu thêm các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nêu một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ các nguồn tài nguyên đó.

2. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1. Hãy vẽ tranh cổ động có nội dung phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hoặc thực hiện một bài viết ngắn phê phán hành vi gây ô nhiễm môi trường của một doanh nghiệp ở Bà Rịa – Vũng Tàu (theo thông tin của báo Bà Rịa – Vũng Tàu).

2. Lập kế hoạch thực hiện ít nhất một việc làm phù hợp để góp phần bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên tại địa phương nơi em sống (Xác định việc cần làm là bảo vệ môi trường hay bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; xác định hoạt động cụ thể; tìm nhóm hợp tác hoặc tham gia phong trào địa phương; các bước thực hiện; đánh giá kết quả việc đã làm và định hướng việc làm tiếp theo).

BẢNG THUẬT NGỮ

THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM	GIẢI THÍCH	TRANG
Cơ cấu	Cách tổ chức các thành phần nhằm thực hiện chức năng của chỉnh thể.	5
Cơ sở hạ tầng	Nền tảng kinh tế, bao gồm toàn bộ quan hệ sản xuất của xã hội, phù hợp với một trình độ phát triển nhất định giữa lực lượng sản xuất, trong quan hệ với kiến trúc thượng tầng chính trị, tư tưởng,... xây dựng trên đó.	7
Đầu tư	Làm cho nhân lực, tài lực phát huy sức mạnh tiềm ẩn của nó trong một hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động phát triển một công việc.	11
Mĩ nghệ	Nghề thủ công truyền thống làm nghề trang sức, trang trí.	50
Phủ lị (Phước Tuy)	Trung tâm hành chính của phủ Phước Tuy.	28
Tạo hình	Tạo nên hình thể bằng hình khối, đường nét, màu sắc.	51
Tỉ suất	Tỉ lệ tính bằng phần trăm giữa một đại lượng với một đại lượng khác có liên quan.	7
Tỉ suất sinh thô	Tỉ suất sinh thô cho biết cứ 1 000 dân, có bao nhiêu trẻ em sinh ra sống trong thời kì nghiên cứu.	7
Tỉ suất tử thô	Tỉ suất tử thô cho biết cứ 1 000 dân, có bao nhiêu người bị chết trong thời kì nghiên cứu.	7
Tổng tỉ suất sinh (TFR)	Phản ánh số con đã sinh ra sống tính bình quân trên một phụ nữ (hoặc một nhóm phụ nữ) trong suốt thời kì sinh đẻ nếu người phụ nữ (hoặc nhóm phụ nữ) đó trải qua các tỉ suất sinh đặc trưng của thời kì nghiên cứu đã cho trong suốt thời kì sinh đẻ (15 tuổi đến 49 tuổi).	7
Ty	(Từ cũ) Có nghĩa là Sở. Ví dụ như ty giáo dục, ty thương nghiệp tỉnh,...	41

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chịu trách nhiệm nội dung:

Biên tập nội dung:

Trình bày bìa:

Thiết kế sách:

Sửa bản in:

Chế bản:

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU LỚP 8

Mã số: .....

In ..... bản (QĐ .....), khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in : .....

Địa chỉ : .....

Số ĐKXB: .....

Số QĐXB : ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....

In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm 20.....

Số ISBN:.....